

6V
690



Văn 5

TẬP MỘT

VĂN 5

TẬP MỘT

(In lần thứ 4)

Biên soạn :

TRINH MẠNH (chủ biên)

ĐINH TÂN KÝ — ĐỖ LÊ CHÂN

thuongmaitruongxua.vn



6V/690



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC — 1989

thuongmaitruong.vn

Diễn soạn :

TRỊNH MẠNH
(chủ biên)

ĐÌNH TẤN KỲ

ĐỖ LÊ CHÂN

ĐÌNH TẤN KỲ

Biên tập :

VĂN TÂM

Minh họa :

Biên tập mỹ thuật : QUỐC VĂN

Trình bày :

BUI CHÍ HIẾU

Sửa bản in :

DIỆU PHƯƠNG

NHƯ HÀ



MĂNG NON

TUẦN 1

1. THƯ BÁC HỒ GỬI CHO HỌC SINH NHÂN NGÀY KHAI TRƯỜNG

Các cháu học sinh,

Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Bác đã tưởng tượng thấy trước mắt Bác tất cả các cảnh nhộn nhịp tưng bừng của ngày mở trường khắp nơi. Các cháu hết thấy đều vui vẻ, vì sau mấy tháng nghỉ học, sau bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường, các cháu lại được gặp thầy gặp bạn. Nhưng sung sướng hơn nữa, từ giờ phút này trở đi, các cháu bắt đầu được hưởng một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam... Các cháu được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hi sinh của biết bao đồng bào. Vậy các cháu nghĩ sao?

Trong năm học tới đây, các cháu hãy cố gắng siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, đua bạn. Sau tám mươi năm trời nô lệ làm cho nước nhà yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các cháu rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang

hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu.

Ngày hôm nay nhân buổi mở trường của các cháu, Bác chúc các cháu một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp.

Chào các cháu thân yêu

Tháng 9 năm 1945

HỒ CHÍ MINH

* Chú giải

— Đây là bức thư của Bác Hồ gửi cho học sinh trong cả nước nhân ngày khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, tháng 9 năm 1945.

— Việt Nam dân chủ cộng hòa: tên nước ta từ năm 1945 đến năm 1976.

— Tám mươi năm nô lệ: chỉ tám mươi năm nước ta bị thực dân Pháp đô hộ.

— Cơ đồ: sự nghiệp lớn lao, công trình to lớn. Ở đây chỉ toàn bộ của cải tinh thần và vật chất trong nước.

— Hoàn cầu: thế giới.

— Kiến thiết: xây dựng.

— Các cường quốc năm châu: các nước giàu mạnh trên thế giới.

* Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: ngày khai trường, cảnh nhộn nhịp tưng bừng, chuyển biến khác thường, sung sướng, cố gắng siêng năng, trở nên vẻ vang.

2. Đọc diễn cảm: — Đoạn 1: đọc giọng náo nức phấn khởi, nhấn mạnh các từ ngữ: *nhộn nhịp tưng bừng, vui vẻ, hưởng sự may mắn đó.*

— Đoạn 2: đọc giọng trịnh trọng dặn dò, nhấn mạnh ở các câu: *«Nước nhà trông mong chờ đợi ở các cháu rất nhiều... Non sông Việt Nam... các cháu».*

★ Tìm hiểu bài

1. Tìm những từ nói lên lòng nô nức phấn khởi của học sinh trong ngày khai trường đầu tiên.
2. Nêu những lí do khiến tất cả học sinh nô nức phấn khởi trong ngày khai giảng đầu tiên.
3. Nhờ đâu mà học sinh ngày nay được hưởng một nền giáo dục tốt đẹp, khác hẳn nền giáo dục thời còn nô lệ?
4. Bác Hồ khuyên các cháu học sinh những gì?
5. Em hãy tìm trong đoạn 2 câu văn nói lên niềm tin tưởng của Bác đối với các em.

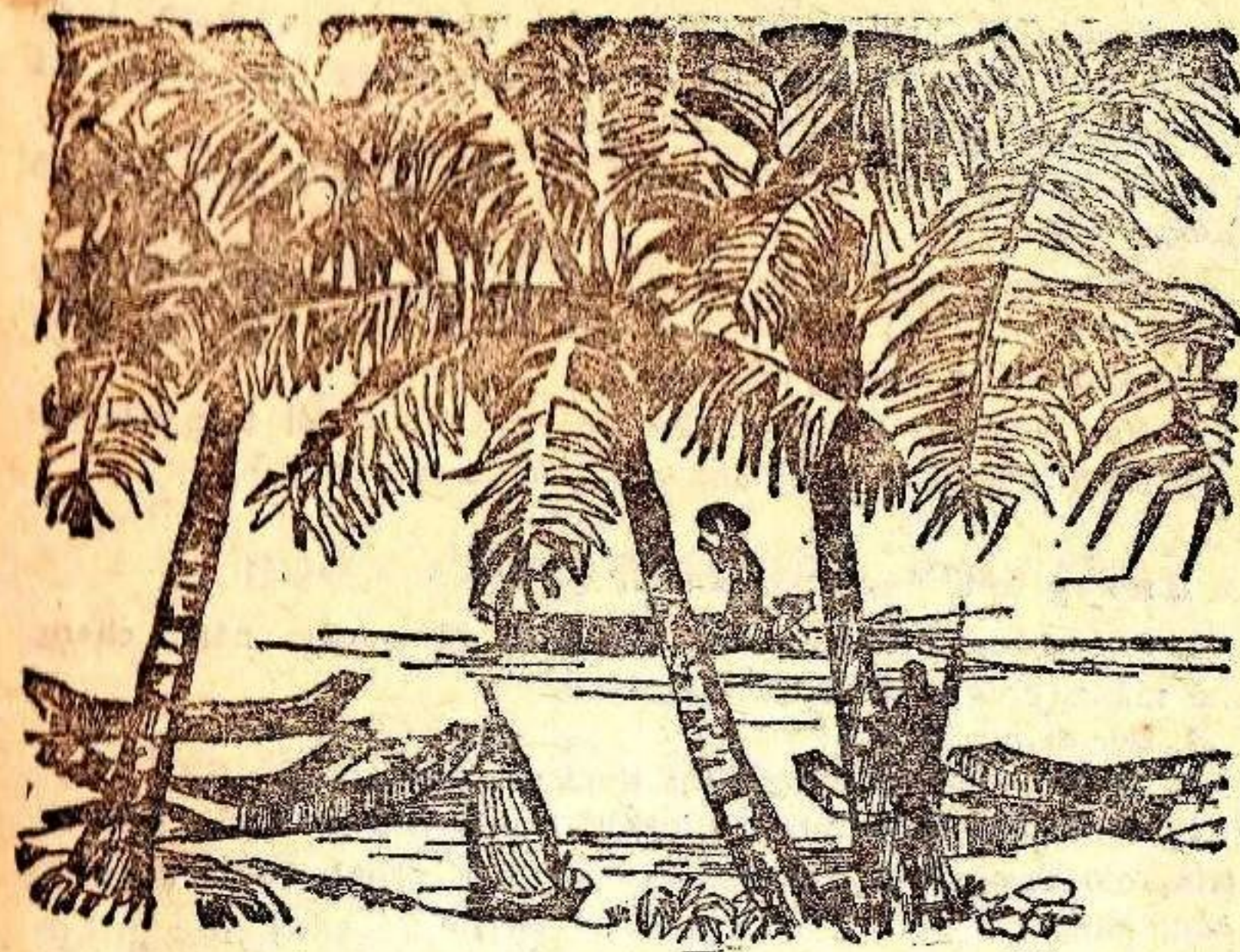
★ Luyện tập

1. Đọc diễn cảm đoạn 2.
2. Em hãy suy nghĩ kĩ và viết lời hứa quyết tâm trong năm học này.

thuongmaitruongxua.vn

2. VIỆT NAM

Việt Nam đẹp khắp trăm miền,
Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.
Xóm làng, đồng ruộng, rừng cây,
Non cao gió dựng, sông đầy nắng chang.
Sum sê xoài biếc, cam vàng,
Dừa nghiêng, cau thẳng, hàng hàng nắng soi,
Có nơi đâu đẹp tuyệt vời
Như sông, như núi, như người Việt Nam!
Đầu trời ngất đỉnh Hà Giang,
Cà Mau mũi đất mỡ màng phù sa.
Trường Sơn: chí lớn ông cha,
Cửu Long: lòng mẹ bao la sóng trào.



Mặt người sáng ánh tự hào,
Dáng đi cũng lấp lánh màu tự do.
Bốn ngàn năm dựng cơ đồ
Vạn năm từ thuở ấu thơ loài người.
Ơi Việt Nam! Việt Nam ơi!
Việt Nam! Ta gọi tên Người thiết tha.

LÊ ANH XUÂN
(Trích Trường ca Nguyễn Văn Trỗi)

★ Chú giải

— Nhà thơ Lê Anh Xuân (tên thật là Ca Lê Hiến) đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

— **Đầu trời:** chỉ miền trên giới phía bắc của Tổ quốc. (Nhìn vào bản đồ, ta thấy các nguyên Đồng Văn thuộc Hà Giang nhô lên như hình một đỉnh núi).

— **Mũi đất:** chỉ vùng đất mũi Cà Mau ở phía nam của Tổ quốc.

— **Bốn ngàn năm dựng cơ đồ:** ý nói có đất nước tươi đẹp ngày nay, dân tộc ta đã phải góp nhiều công sức xây dựng kể từ thời Hùng Vương đến nay.

— **Vạn năm từ thuở ấu thơ loài người:** ý nói trên dải đất Việt Nam từ thời xa xưa hàng vạn năm đã có người ở.

* Hướng dẫn đọc

1. **Đọc đúng:** trăm miền, sắc trời, rừng cây, nắng chang, mỡ màng, phù sa, sóng trào, lấp lánh.

2. **Đọc diễn cảm.**

— Toàn bài đọc với giọng tha thiết và tự hào.

— Ở 6 câu đầu, chú ý nhấn mạnh các từ ngữ: một sắc trời, gió dựng, nắng chang, sum sê, biếc, vàng, nghiêng, thẳng, hàng hàng.

— Ở 8 câu giữa cần chú ý nhấn mạnh các từ ngữ: đẹp tuyệt vời, như, sáng, lấp lánh... Sau các từ Trường Sơn, Cửu Long cần ngắt giọng.

— Ở 4 câu cuối bài, khi có dấu chấm cần đọc cao giọng. Luyện đọc thật diễn cảm các câu 17 và 18 để bộc lộ rõ tình cảm đối với đất nước.

* Tìm hiểu bài

1. Trong 6 dòng thơ đầu, có những màu sắc và hình ảnh nào nêu lên cảnh đẹp của đất nước? Qua câu « Bốn mùa một sắc trời riêng đất này », tác giả muốn nói gì? Ở quê em có thêm những cảnh đẹp nào?

2. Câu thơ nào trong bài có ý tả hình thế nước ta?

3. Tác giả so sánh Trường Sơn và Cửu Long với những gì? So sánh như vậy để nói lên truyền thống gì của dân tộc ta?

4. Tìm những câu thơ trong bài ca ngợi con người Việt Nam. Ca ngợi những đức tính gì?

5. Tìm câu thơ nói lên tình cảm nồng nàn của tác giả đối với đất nước.

* Luyện tập

1. Học thuộc lòng từ dòng thứ 7 đến hết bài.

2. Dựa vào 6 dòng thơ đầu, em hãy viết thành một đoạn văn xuôi tả cảnh đẹp của đất nước.

3. Bài này thuộc thể thơ lục bát. Em hãy tìm vần của bài thơ. Chú ý các tiếng thứ 6 của câu lục, tiếng thứ 6 và thứ 8 của câu bát.

3. BUÔN CHU-LÊNH ĐÓN CÔ GIÁO

(Bài đọc thêm)

Y Hoa theo người dẫn đường dừng lại giữa cầu thang gỗ lên sàn. Căn nhà sàn rộng, chật những người mặc quần áo như đi hội. Người nào cũng nhìn Y Hoa bằng con mắt vui tươi.

Người già đứng ở cầu thang đón Y Hoa bằng vôi vãi quay vào trong nhà. Những người đứng trên sàn giãn ra, mở một lối nhỏ. Một tốp các cô gái mặc váy thêu hoa, áo chèn bó từ ngang ngực trở xuống, đầu cài hoa sung trắng, đi ra theo lối nhỏ giữa sàn. Các cô ôm những tấm da thú, vừa lùi vừa trải dọc lối đi. Đường trải da lông thú trắng tấp từ đầu cầu thang tới cửa bếp giữa sàn. Bấy giờ, người già mới ra hiệu dẫn Y Hoa bước lên. Cô giáo đi theo đường trải lông thú mịn như nhung. Người buôn Chu Lênh đã đón tiếp Y Hoa đến mở trường bằng nghi thức sang trọng nhất dành cho khách quý.

Y Hoa đến bên già Rok, trưởng buôn, đang đứng đón khách ở giữa sàn nhà. Nhận con dao mà già trao cho, nhắm vào cây cột nóc, Y Hoa chém một nhát thật sâu vào cột. Đó là lời thề của người lạ đến buôn, theo tục

lệ. Lời thề ấy không thể nói ra lời, mà phải khắc vào cột. Y Hoa được coi là người trong buôn sau khi chém nhát dao.

Già Rok xoa tay lên cái vết chém. Bao nhiêu người già khác cũng vậy, đến xoa tay lên vết chém hằn sâu. Vết chém ăn thẳng vào cột. Người già khen:

— Tốt cái bụng đó, cô giáo ạ!

Rồi giọng già vui hẳn.

— Bây giờ người già có được xem cái chữ của cô giáo không?

Bao nhiêu tiếng người ùa theo:

— Phải đấy, cô giáo cho lũ làng xem cái chữ nào!

Cả buôn vây quanh Y Hoa. Mọi con mắt đổ dồn về phía Y Hoa, chờ đợi. Y Hoa lấy trong túi ra một trang giấy, trải lên sàn nhà. Mọi người im phăng phắc. Y Hoa nghe rõ cả tiếng đập trong lồng ngực mình. Quý hai gối lên sàn, Y Hoa viết hai chữ thật to, thật đậm «Bác Hồ». Y Hoa viết xong, bỗng bao nhiêu tiếng cùng hò reo:

— Ôi, cái chữ cô giáo đây này!

— A... cái chữ, cái chữ...

HÀ ĐÌNH CĂN

(Trích «Vùng rừng âm vang»)

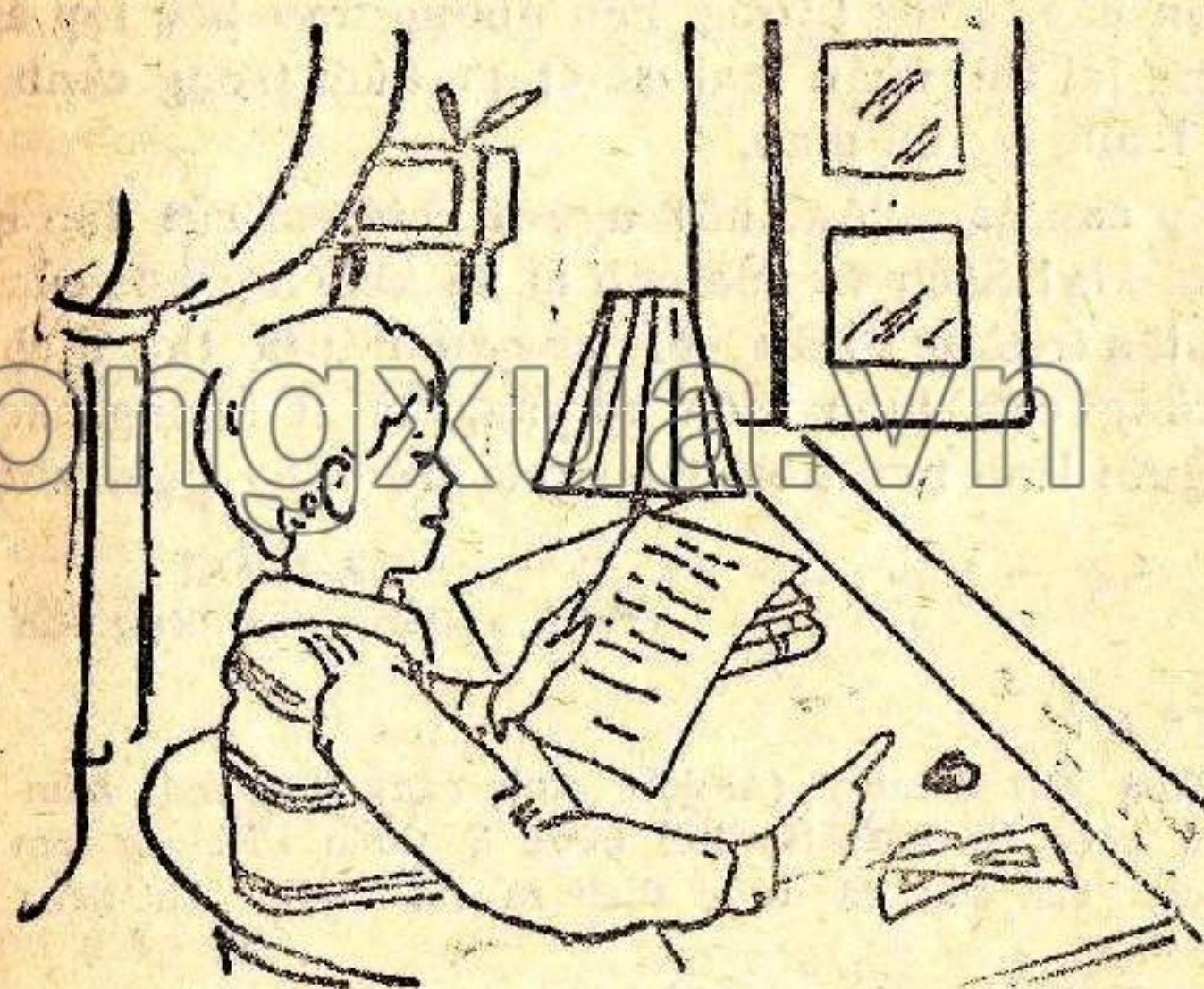
★ Chú giải

— Buôn: làng bản... Buôn Chư Lênh: tên một làng ở Tây Nguyên.

— Nghi thức: những điều quy định mà mọi người phải tuân theo trong một buổi lễ long trọng.

TUẦN 2

4. LỜI KHUYÊN CỦA BỐ



Con yêu quý của bố,

Việc học quả là khó khăn gian khổ. Bố muốn con đến trường với lòng hăng say và niềm phấn khởi. Con hãy nghĩ đến những người thợ, tối tối đến trường sau một ngày lao động vất vả. Cả đến những người lính vừa

ở thao trường về là ngồi vào bàn đọc, viết. Con hãy nghĩ đến các em nhỏ bị cảm hoặc diếc mà vẫn thích đi học.

Khi một ngày mới bắt đầu, tất cả trẻ em trên thế giới đều cắp sách tới trường. Những học sinh ấy hồi hải bước trên các nẻo đường ở nông thôn, trên những phố dài của các thị trấn đông đúc, dưới trời nắng gắt hay trong tuyết rơi. Từ những ngôi trường xa xôi trên miền tuyết của nước Nga cho đến ngôi trường hẻo lánh núp dưới hàng cọ của xứ A-rập, hàng triệu, hàng triệu trẻ em cùng đi học.

Con hãy tưởng tượng, nếu phong trào học tập ấy bị ngừng lại thì nhân loại sẽ chìm đắm trong cảnh ngu dốt, trong sự dã man.

Hãy can đảm lên, hỡi người chiến sĩ của đạo quân vĩ đại kia! Sách vở của con là vũ khí, lớp học của con là chiến trường! Hãy coi sự ngu dốt là thù địch. Bồ tin rằng con luôn luôn cố gắng và sẽ không bao giờ là người lính hèn nhát trên mặt trận đầy gian khổ ấy.

A-MI-XI

(Trích « Những tấm lòng cao cả »)

* Chú giải

— Nhà văn A-mi-xi (Amicis) sinh năm 1846, mất năm 1908, quê ở vùng bờ biển tây bắc nước Ý. Cuốn « Những tấm lòng cao cả » của ông đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng trên thế giới.

— *Phấn khởi*: vui sướng hồ hởi trong lòng.

— *Thao trường*: nơi dùng để luyện tập về quân sự.

— *Thị trấn*: nơi có những phố nhỏ và chợ để buôn bán.

— *A-rập*: chỉ vùng tây nam châu Á và bắc châu Phi, xứ sở của người A-rập.

— *Nhân loại*: loài người sống trên trái đất.

— *Vĩ đại*: to lớn.

— *Chiến trường*: chỗ quân lính của hai bên hoặc nhiều bên đang đánh nhau.

* Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng*: Khó khăn gian khổ, lòng hăng say, niềm phấn khởi, vất vả, đạo quân vĩ đại, cắp sách đến trường, chiến trường.

2. *Đọc diễn cảm*: Đây là một bức thư, giọng đọc cần thể hiện được lời ân cần khuyên răn của bố. Đoạn cuối bài có nhiều câu cầu khiến, cần đọc với giọng kêu gọi.

* Tìm hiểu bài

1. Câu đầu bức thư có nói: « Việc học quả là khó khăn gian khổ ». Em hãy nêu những khó khăn gian khổ trong việc học mà em thấy.

2. Người bố nêu những gương gì về học tập ở trong nước và trên thế giới? Nêu những gương đó có tác dụng gì?

3. So với những người kẻ trong thư, em có thuận lợi gì hơn trong việc học?

4. Tại sao phong trào học tập nếu bị ngừng thì loài người sẽ ngu dốt và dã man?

5. Ở cuối thư, tại sao người bố gọi con là chiến sĩ? Người chiến sĩ đó đánh kẻ địch nào, dùng vũ khí gì? đánh ở đâu?

* Luyện tập

Em hãy thay mặt em bé trong bài viết một bức thư ngắn để trả lời bố.

5. SẮC MÀU EM YÊU

Em yêu màu đỏ
Như máu trong tim
Lá cờ Tổ quốc.
Khăn quàng đội viên.

Em yêu màu xanh:
Đồng bằng rừng núi,
Biển đầy cá tôm,
Bầu trời cao vợi.

Em yêu màu vàng:
Lúa đồng chín rộ,
Hoa cúc mùa thu,
Nắng trời rực rỡ.

Em yêu màu nâu:
Áo mẹ sờn bạc,
Đất đai cần cù,
Gỗ rừng bát ngát.

Em yêu màu trắng:
Trang giấy tuổi thơ,
Đóa hoa hồng bạch,
Mái tóc của bà.

Em yêu màu đen:
Hòn than óng ánh,
Đôi mắt bé ngoan,
Màn đêm yên tĩnh.

Em yêu màu tím:
Hoa cà, hoa sim,
Chiếc khăn của chị,
Nét mực chữ em.

Trăm nghìn cảnh đẹp
Dành cho em ngoan,
Em yêu tất cả
Sắc màu Việt Nam.

PHẠM ĐÌNH AN

★ Chú giải

- Chín rộ: chín nhiều và đều khắp.
- Rực rỡ: tỏa ra nhiều tia sáng đẹp có màu sắc.
- Óng ánh: lấp lánh phản chiếu ánh sáng.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: rùng núi, chín rộ, rực rỡ, yên tĩnh.
2. Đọc diễn cảm: Đọc giọng tha thiết, nhấn mạnh các từ: Em yêu và từ chỉ màu sắc để gây sự chú ý cho người nghe. Sau từng khổ thơ cần nghỉ tương đối lâu để phân biệt các màu sắc mà tác giả nêu lên.

★ Tìm hiểu bài

1. Trong bài, tác giả nói đến các màu sắc gì?
2. Trong mỗi màu, tác giả đã khéo chọn những hình ảnh tiêu biểu của đất nước. Em hãy nêu rõ.
3. Theo từng màu, em hãy kể thêm những vật mà em thích.
4. Từ « Em yêu » được nhắc lại nhiều lần trong bài nói lên ý gì?
5. Khổ thơ cuối có tóm tắt được ý của toàn bài hay không? Qua bài này, tác giả muốn nói lên điều gì?

★ Luyện tập

1. Học thuộc 4 khổ thơ trong bài do em tự chọn.
2. Tìm từ chỉ các mức độ của màu đỏ, màu xanh (ví dụ: đỏ hoe, đỏ chói; xanh biếc, xanh lơ...).

6. CHUYỆN EM CHU MINH

(Bài đọc thêm)

Dân vùng sông Mã ở Thanh Hóa vẫn còn kể cho nhau nghe câu chuyện về một em bé thời xưa. Tên em là Chu Minh. Em có tài lặn dưới nước như con rái cá.

Vào thời nhà Hán đô hộ nước ta, tên thái thú quận Cửu Chân tên là Nghê Thức vô cùng tàn ác, bị người dân căm ghét. Một nông dân tên là Chu Đạt đã dìm chết Nghê Thức trên dòng sông Mã. Về sau bọn quan quân nhà Hán tạc tượng Nghê Thức và lập đền thờ trên bờ sông.

Từ ngày được ông nội kể cho nghe sự tích trên, Chu Minh rất thích được mang tên dòng họ Chu. Em hỏi ông: « Tại sao ta không tạc tượng cụ Chu Đạt mà lại để người Tàu lập đền thờ thằng Nghê Thức tàn ác? ». Ông nội nghen ngào: « Dân ta xưa bị giặc Hán xâm lăng, nay đang bị giặc Ngô giày xéo. Cháu ơi, người dân mất nước chưa có quyền được sống, còn làm gì có quyền được ca ngợi công đức của ông cha mình? Họạ chẳng đến đời các cháu ».

Từ đó, mỗi khi đi cắt cỏ qua đền Nghê Thức, Chu Minh lại nhớ đến lời ông. Cho đến một hôm không biết là ngày gì, Minh thấy một tên quan Ngô và mấy tên lính đến mở cửa đền và thắp hương cúng vái... Nhè lúc chúng uống rượu ngủ say, Minh lén vào đền, nhẹ nhàng ngã pho tượng, vác lên vai, chạy miết ra phía bờ sông.

Em bắt chước cụ Chu Đạt xưa, dìm thẳng Nghê Thúc xuống đáy sông cho bỏ ghét. Nhưng em lặn tới năm, sáu hơi, vật lộn với pho tượng đã mệt nhoài mà cái thằng Nghê Thúc gỗ vẫn nổi phềnh phềnh không chìm. Bỗng Chu Minh cười: «Ồ thế mà mình nghĩ không ra. Được, tao sẽ buộc vào cổ mày một hòn đá to xem mày còn vùng vẫy được nữa hay không?»

Nghê Thúc gỗ bị đeo đá đã chìm ngấm, Minh còn lặn vài hơi xem thử nó chìm tới đáy chưa...

Sẵn lòng yêu nước và căm thù giặc, ít lâu sau Chu Minh tham gia nghĩa quân, trở thành người tùy tùng tin cậy của Bà Triệu. Cậu nghĩa quân tí hon ấy có gương trán cao, một chòm tóc trên đỉnh đầu. Cậu thường mặc chiếc áo da chồn, lại đeo bên hông một bao tên và khoác một cây cung như một anh chàng đi săn ở rừng. Trong nghĩa quân, ai cũng biết câu chuyện Chu Minh đã từng thủy chiến với tên Nghê Thúc gỗ.

NGUYỄN ĐỨC HUÂN
(Trích «Bà Triệu»)

* Chú giải

- Thái thú: chức quan cai trị một quận trong thời kì nhà Hán bên Trung Quốc xâm lược và đô hộ nước ta.
- Sự tích: chuyện kể về một sự việc hay một nhân vật đã qua, có liên quan đến lịch sử hoặc cuộc sống hiện tại.
- Nghĩa quân: quân khởi nghĩa, đội quân nổi lên chống kẻ áp bức, xâm lược.

TUẦN 3

7. BÀI HỌC QUÝ

Trong khu rừng kia, chú Sẻ và chú Chích chơi với nhau rất thân. Một hôm, Sẻ nhận được một món quà của bà ngoại gửi đến. Đó là một chiếc hộp đựng toàn hạt kê. Sẻ không hề nói với bạn một lời nào về món quà lớn ấy cả. «Nếu cho cả Chích nữa thì mình sẽ còn lại chẳng là bao!», Sẻ thầm nghĩ. Thế là hằng ngày, Sẻ ở trong tổ ăn hạt kê một mình. Khi ăn hết, chú ta bèn quăng hộp đi. Những hạt kê còn sót lại bay ra khỏi hộp. Gió đưa chúng đến một đám cỏ non xanh dưới một gốc cây xa lạ...

Chú Chích đi kiếm mồi, tìm được những hạt kê ngon lành ấy, bèn gói thật cẩn thận vào một chiếc lá, rồi mừng rỡ chạy đi tìm người bạn thân thiết của mình. Vừa gặp Sẻ, Chích đã reo lên:

— Chào bạn Sẻ thân mến! Mình vừa kiếm được mười hạt kê rất ngon nhé. Đây này, bây giờ chúng mình hãy chia đôi: cậu năm hạt, mình năm hạt.

— Chia để làm gì cơ chứ? Không cần đâu! Sẻ lắc lắc chiếc mỏ xinh xắn của mình, tỏ ý không thích — Ai kiếm được thì người ấy ăn!

— Nhưng mình với cậu là bạn của nhau cơ mà. Đã là bạn thì bất cứ cái gì kiếm được cũng đều phải chia cho nhau. Lẽ nào cậu không nghĩ như thế?

Nghe Chích nói, Sẻ rất xấu hổ. Thế mà chính Sẻ đã ăn hết cả một hộp dầy kê là kê!

Sẻ cầm năm hạt kê Chích đưa và ngưng nghịu nói với bạn:

— Mình rất cảm ơn cậu, vì cậu đã cho mình những hạt kê ngon lành này và cậu đã cho mình một bài học quý về tình bạn.

MI-KHAI-IN PLA-CỐP-XKI
(Nguyễn Thị Xuyên dịch)

★ Chú giải

- Xấu hổ: tự cảm thấy thẹn vì đã làm một việc không tốt
- Ngưng nghịu: Ý nói dáng điệu lúng túng không tự nhiên.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: quang hợp đi. Sẻ rất xấu hổ, ngưng nghịu.
2. Đọc diễn cảm: Đọc phân biệt giọng của Sẻ, của Chích với giọng của người dẫn truyện.

Đoạn 1: nhấn mạnh các từ ngữ: chơi với nhau rất thân, không hề nói với bạn một lời nào, ăn hạt kê một mình.

Đoạn 2: — Chú ý đọc giọng vui sướng câu: « Vừa gặp Sẻ, Chích đã reo lên... ».

— Đọc giọng băn khoăn (tỏ ý không bằng lòng) câu trả lời của Sẻ: « Chia để làm gì... ».

— Đọc câu cuối cùng, giọng Sẻ tỏ ra thành thật hối lỗi, ngắt giọng câu:

Mình rất cảm ơn cậu/vì cậu đã cho mình những hạt kê ngon lành này/và cậu đã cho mình một bài học quý về tình bạn.

★ Tìm hiểu bài

1. Nhận được quà của bà cho, Sẻ đã nghĩ và làm gì?
2. Kiểm được những hạt kê ngon lành, Chích đã đối xử với bạn như thế nào? Có gì lạ trong việc làm này?

3. Tìm những từ nói lên vẻ ngưng nghịu của Sẻ.

4. Em thấy tình bạn của Sẻ và Chích như thế nào?

5. Bài học quý ở đây là bài học gì?

★ Luyện tập

— Tìm một vài câu ca dao hoặc tục ngữ nói về tình bạn.

8. NGÀY EM VÀO ĐỘI

Chị đã qua tuổi Đoàn
Em hôm nay vào Đội
Mau khăn đỏ dắt em
Bước qua thời mơ dại.

Mau khăn tuổi thiếu niên
Suốt đời tươi thắm mãi
Như lời ru vời vợi
Chẳng bao giờ cách xa.

Này em, mở cửa ra
Một trời xanh vẫn đợi
Cánh buồm là tiếng gọi
Mặt biển và dòng sông
Năng vườn trưa mênh mông
Bướm bay như lời hát
Con tàu là đất nước
Đưa ta tới bến xa...



Những ngày chị đi qua
 Những ngày em đang tới
 Khao khát lại bắt đầu
 Từ màu khăn đỏ chói.

XUÂN QUỲNH

★ Chú giải

- Đoàn: đây chỉ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
- Đội: đây chỉ Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.
- Khao khát: ước mơ tha thiết.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: suốt đời — lời ru — mặt trời — trưa.
2. Đọc diễn cảm:
 - Đọc giọng tha thiết triu mến như lời khuyên của người chị với người em.
 - Chú ý đọc liền dòng những câu thơ không có dấu như: *Màu khăn đỏ dắt em, Bước qua thời thơ ấu.*

★ Tìm hiểu bài

1. Khi nào thì một em thiếu nhi được kết nạp vào Đội?
2. Vì sao tác giả lại viết: «Màu khăn đỏ dắt em bước qua thời thơ ấu»?
3. Màu khăn tươi thắm mãi ý nói gì?
4. Tìm những từ ngữ chỉ tương lai tươi sáng và ước mơ của đội viên.
5. Kể tên một vài đội viên thiếu niên anh hùng mà em biết.

★ Luyện tập

1. Học thuộc lòng cả bài.
2. Thuật lại một buổi lễ kết nạp đội viên.

9. BỘ LÔNG RỰC RỠ CỦA CHIM THIÊN ĐƯỜNG

(Bài đọc thêm)

Chim Thiên đường đi tha rác về lót ổ, chuẩn bị cho mùa đông đang tới gần. Nó bay rất xa, chọn những chiếc lá vàng, lá đỏ thật đẹp, những ngọn cỏ thật thơm, thật mềm.

Bay ngang qua tổ Sáo đen, Sáo đen ngỏ lời xin chiếc lá đỏ đỏ thắm, Thiên đường vui vẻ thả xuống cho họ.

Thiên đường lại bay đi kiếm chiếc lá khác. Được một cánh hoa lau màu tím hồng rất mịn, Thiên đường hồi hả cặp ngang mỏ bay về. Ngang qua tổ Gõ kiến, bầy Gõ kiến con ríu rít gọi, xin cho xem bằng được. Thấy bầy chim non thích cánh hoa lau, Thiên đường không nỡ mang về, lại vội vàng bay đi kiếm cánh lá khác.

Lâu lắm, Thiên đường mới lại tìm được một cụm cỏ mật khô vàng rươi, thơm mát. Về qua tổ chim Mai hoa, thấy cái tổ trống tuênh trống toang, chim Mai hoa đang ốm, vật vờ đôi cánh, Thiên đường mũi lòng, gài cụm cỏ mật che gió cho bạn. Mai hoa vẫn run lập cập. Thiên đường bối rối không biết làm cách nào cho bạn đỡ rét. Nó nhìn xuống ngực rồi lấy mỏ rút ra từng nạm lông xộp mịn lột ồ cho Mai hoa...

Cứ thế, mùa đông đến lúc nào Thiên đường không hay biết. Những trận gió lạnh buốt cứ xối mãi vào chiếc tổ còn rất sơ sài của Thiên đường. Bộ lông màu nâu nhạt của Thiên đường xù lên, trông xơ xác tội nghiệp.

Chèo bẻo bay ngang qua, thấy thế vội loan báo cho mọi loài chim được biết. Sáo đen, Gõ kiến, Mai hoa, Họa mi, Sơn ca... cùng rất nhiều bạn bay đến sửa lại tổ giúp Thiên đường. Chẳng mấy chốc Thiên đường đã có một chiếc tổ thật đẹp. Chẳng những thế, Chèo bẻo còn nảy ra một ý định dễ thương đem bàn với bạn. Lời Chèo bẻo được các bạn rất tán thưởng. Lập tức, mỗi chim rút trên bộ cánh của mình một chiếc lông quý: chiếc màu đỏ thắm, chiếc màu xanh cánh trả, chiếc màu vàng tươi, chiếc màu đen tuyền... gom góp lại thành một chiếc áo đem tặng Thiên đường.

Từ đó, Thiên đường luôn luôn khoác trên mình một chiếc áo nhiều màu rực rỡ, vật kỉ niệm thiêng liêng của biết bao loài chim bạn bè.

TRẦN HOÀI DƯƠNG
(Trích «Chim chơi trong cỏ»)

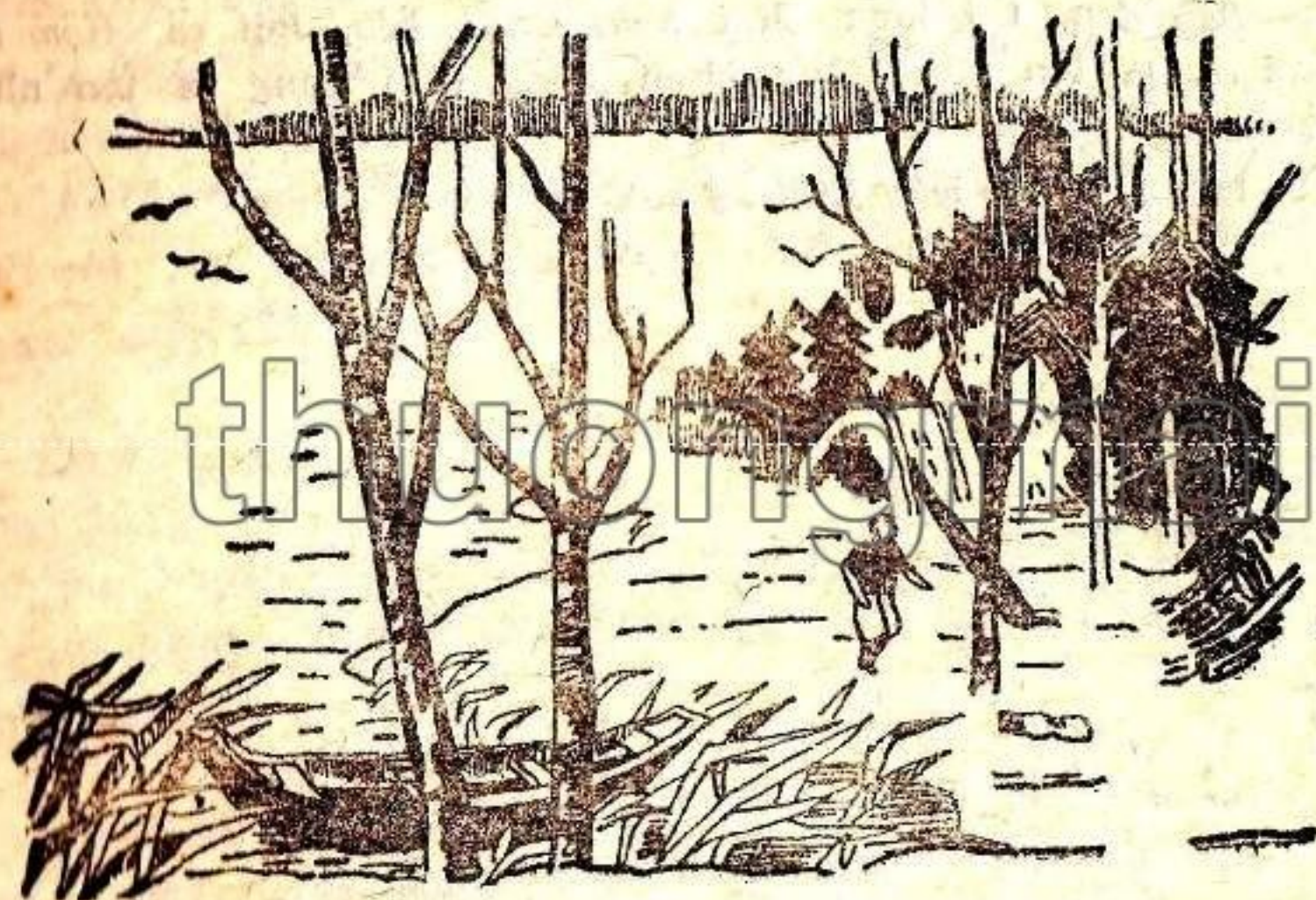
* Chú giải

— *Chim Thiên đường*: tên một giống chim có bộ lông nhiều màu sắc, lông đuôi rất dài và uyển chuyển. Có nơi còn gọi là chim phướn.

— *Sáo đen, Gõ kiến, Mai hoa, Chèo bẻo, Bót cá, Họa mi, Sơn ca* là tên các giống chim, đồng thời cũng là tên nhân vật trong truyện.

— *Mũi lòng*: tổ lòng thương xót.

10. CHÚ BÉ KÔ-LI-A



Tuổi mười hai đuổi bướm bắt chim
Em ở đây, bên Bác Lê-nin
Người làm việc, cần em canh gác
— Cha em đâu?
— Cha làm súng và đi liên lạc
— Và mẹ em?
— Mẹ cùng anh nướng bánh, dưa đường.

Thuyền qua về, hôm sớm, trong sương...
Vui lắm nhé. Ở đây rất thích
Em yêu nhất trên đời: I-lich
Người với em đi cắt cỏ chiều chiều
Và đêm đêm, Bác cháu ngủ chung lều
Em cứ thương... Người trở mình thao thức
Kéo chăn mỏng đắp cho em ấm ngực
Rồi lặng yên, nghe dậy nước triều xa
Người nghĩ suy
Đến khi rừng bừng sáng tiếng chim ca.

Thoảng trong gió mùi thơm cỏ dại
Câu chuyện cũ. Hôm nay sống lại
Giữa lòng ta, tươi đẹp vô cùng
Kô-li-a, chú bé anh hùng
Lều con hời, nhớ chẳng người bạn nhỏ?

TỔ HỮU

(Trích « Lều cỏ Lê-nin »)

* Chú giải

— Nhà thơ Tố Hữu viết bài thơ này sau khi đi thăm lều ở Ra-dơ-líp, một di tích lịch sử, nơi Lê-nin ở và hoạt động trước Cách mạng Tháng Mười.

— Cha Kô-li-a là Ê-mê-li-a-nốp, công nhân xưởng vũ khí. Cả gia đình Ê-mê-li-a-nốp đều tham gia hoạt động cách mạng và bảo vệ Lê-nin ở Ra-dơ-líp trước Cách mạng Tháng Mười.

— Ra-dơ-líp: nơi rừng rậm và đầm lầy, cách thành phố Lê-nin-grat khoảng bốn chục cây số. Nơi đây có túp lều làm bằng cành cây trên phủ cỏ. Lê-nin đã sống và làm việc ở đây hồi tháng 7, 8-1917 để tránh sự khủng bố của Chính phủ tư sản phản động Nga.

— Thao thức: không ngủ được (vì có điều phải lo lắng suy nghĩ).

= Nước triều xa: thủy triều ở xa — Ở đây nói đêm đã khuya, cảnh rất yên lặng tĩnh mịch chỉ còn có tiếng sóng rạo rọi lên sự lên xuống của nước biển ở bờ biển.

* Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: I-lích, Lê-nin, liên lạc, trở mình.
2. Đọc diễn cảm: phân biệt giọng nói của hai nhân vật ở đoạn thơ đối thoại trong bài.

— Chú ý ngắt câu ở các dấu chấm lửng.

— Nhấn mạnh các từ ngữ:

Người làm việc — em canh gác

Vui lắm nhé — yêu nhất trên đời

Em cứ thương — Trở mình thao thức

Giọng reo vui phấn khởi: bừng sáng tiếng chim ca. Đoạn cuối đọc giọng lưu luyến thiết tha.

* Tìm hiểu bài

1. Tìm những việc làm chứng tỏ gia đình Kô-li-a đều tham gia cách mạng.
2. Nêu tình cảm của Kô-li-a đối với Lê-nin và nói rõ em đã giúp Lê-nin những việc gì?
3. Qua đoạn thơ trên em thấy Lê-nin làm việc như thế nào?
4. Vì sao Kô-li-a được gọi là anh hùng?
5. Trong cuộc đối thoại tưởng tượng này, những câu nào là lời nhân vật, những câu nào là lời tác giả?

* Luyện tập

— Tìm đọc bài «Lưu cổ Lê-nin» của nhà thơ Tố Hữu.

11. LỜI HỨA

Một hôm, tôi vào một công viên. Tôi đem theo một quyển sách hay, mãi mê đọc. Đến lúc ngoài phố đã lác

đắc lên đèn, tôi mới đứng dậy bước ra cổng. Bỗng tôi dừng lại. Sau bụi cây, tôi nghe tiếng một em bé đang khóc.

Tôi bước tới gần, hỏi:

— Này em, em làm sao đấy?

Em ngừng đầu nhìn tôi và đáp:

— Em không sao cả.

— Thế tại sao em khóc? Em đi về thôi. Trời tối rồi, công viên sắp đóng cửa đấy.

— Em không thể đi được.

— Tại sao? Em ốm phải không?

— Em không ốm mà em là lính gác.

— Sao lại là lính gác? Gác gì?

— Ồ, thế anh không hiểu à?

Rồi em kể:

Em đang ngồi ghế thì các bạn tới và bảo « Muốn chơi đánh trận giả không? ». Em trả lời « Có ». Thế là cùng chơi. Một bạn lớn bảo: « Cậu là trung sĩ nhé ». Bạn ấy tự nhận là nguyên soái, dẫn em đến đây và bảo: « Đây là kho thuốc súng của chúng ta. Cậu đứng gác cho đến khi có người đến thay ». Bạn ấy lại bảo: « Cậu hãy hứa là không bỏ đi cơ! » Em trả lời: « Tôi xin hứa ».

— Rồi sao nữa? — Tôi hỏi.

— Thế đấy. Em cứ đứng gác cho đến bây giờ. Chắc các bạn ấy đi rồi và quên cử người thay.

— Thế thì em còn đứng đây làm gì nữa?

— Tại em đã hứa.

Trích L. PAN-TE-LE-EP

★ Chia giải

— Phần sau của truyện :

Thông cảm với việc làm của em nhỏ và thấy em vẫn đứng gác để thực hiện lời hứa, tác giả kể câu chuyện này đã nhờ một đồng chí bộ đội cấp bậc cao hơn « trung sĩ » đến hạ lệnh cho em nhỏ được thôi gác về nhà. Em nhỏ đã chấp hành lệnh đó và thôi không ở công viên nữa.

— Công viên : vườn hoa ở nơi công cộng.

— Trung sĩ : cấp bậc trong quân đội, trên hạ sĩ, dưới thượng sĩ.

— Nguyên soái : sĩ quan trong quân đội, trên hàng tướng.

★ Hướng dẫn đọc

Đọc diễn cảm : cần phân biệt được giọng của người hỏi (ân cần thiết tha) và giọng của em bé (hồn nhiên, thẳng thắn, vô tư). Chú ý cất cao giọng trong các câu hỏi.

★ Tìm hiểu bài

1. Vào công viên thấy em bé khóc, tác giả đã làm gì ?
2. Vì sao em bé lại khóc ?
3. Tìm những từ ngữ chứng tỏ em bé cố giữ lời hứa.
4. Ý thức giữ lời hứa rất cần thiết. Vì sao ?
5. Cách kể chuyện của tác giả có gì hấp dẫn ?

★ Luyện tập

— Kể lại một gương biết giữ lời hứa hay có tinh thần kỉ luật mà em đã nghe hoặc đọc.

12. KPA KƠ-LONG XIN VÀO DU KỊCH

(Bài đọc thêm)

Kơ-long đến nhà xã đội trưởng Bơ-lang. Quá nửa đêm Bơ-lang còn ngồi lau súng, Kơ-long nói:

— Anh Bơ-lang, anh phải cho em vào du kịch. Em muốn đánh giặc.

Bơ-lang nhìn đôi mắt và vầng trán Kơ-long, anh nhớ lại những ngày đầu cầm súng của mình. Anh biết một điều lớn lao, nghiêm trọng đã đến trong tâm hồn Kơ-long. Anh biết Kơ-long đã trở thành một người Gia-rai chân chính. Nhưng giọng anh vẫn đùa.

— Kơ-long muốn làm du kịch à? Chưa được đâu! Kơ-long đứng còn thấp hơn cây súng các-bin mà! Mẹ Kơ-long lại già, em Kơ-long còn dại. Bây giờ, anh cho Kơ-long làm văn nghệ xã thôi. Kơ-long hát hay, múa giỏi. « Mặt trận » nói làm văn nghệ cũng đánh Mĩ đấy!

Giọng Kơ-long hùng hục:

— Không, Kơ-long muốn được giết giặc kia!

Bơ-lang vẫn từ chối.

Cha chết sớm, sống với mẹ già từ tấm bé, Kơ-long đã quen tự quyết định đời mình và không hề van xin ai một điều gì. Đau đớn thì cắn răng, cảm giận thì trả thù, đói thì vào rừng đào củ mài mà ăn. Kơ-long không nói gì nữa, im lặng ra về. Em thức trắng đêm đó, và sáng hôm sau, cầm rựa một mình vào rừng. Một quyết định đã răn lại dưới vầng trán rộng và lì, vầng trán rất Gia-rai của Kơ-long. Kơ-long sẽ tự tìm lấy con đường cầm súng theo cách riêng của mình. Kơ-long bỏ đi rầy ba ngày. Đến ngày thứ tư, buổi tối, em lại tìm đến nhà xã đội Bơ-lang. Em đặt xuống trước mặt Bơ-lang một nắm chông. Bơ-lang cầm nắm chông soi lên lửa. Bơ-lang hiểu tất cả, anh kéo Kơ-long ngồi xuống bên mình, hỏi:

— Em cầm chông ở đâu?

— Ở gần con nước Ia-pi-a, em rình lâu rồi, bọn biệt kích hay chui rừng, dọc con nước này.

... Bơ-lang lại cúi xuống cặm cùi lau súng. Hồi lâu, anh mới nói:

Kơ-long giỏi lắm. Người Gia-rai lớn, nhỏ, gái, trai đều mừng. Bây giờ Kơ-long ban ngày đi làm rẫy, đánh chông, tối đi làm văn nghệ xã, nghe! Hai, ba năm nữa anh cho Kơ-long vào du kích.

Lần này Kơ-long cũng không nói gì. Em biết, mới giết được năm thằng biệt kích bằng chông, chưa xứng đáng thành một người du kích Gia-rai. Phải cố gắng nữa!..

NGUYỄN TRUNG THÀNH

(Trích « Người dũng sĩ dưới chân núi Chư-pông »)

★ Chú giải

- Kpa Kơ-long: người anh hùng thiếu niên ở Tây Nguyên.
- Tuy còn ít tuổi, Kpa Kơ-long rất căm thù giặc nên đã xin vào du kích để có điều kiện giết nhiều giặc.
- Xã đội trưởng: người chỉ huy du kích ở một xã.
- Gia-rai: một dân tộc sống ở Tây Nguyên.
- Súng các-bin: súng trường gọn nhẹ, nửa tự động hoặc tự động.
- Làm văn nghệ: ý nói tham gia biểu diễn hát, múa giúp vui cho mọi người.
- Biệt kích: lính của Mĩ, nguy có vũ khí, chuyên lén lút vào vùng tự do của ta để phá hoại và quấy rối trị an...

TUẦN 8

13. EM BÉ

Em Bé mới mười tuổi. Bữa cơm Bé nhường hết thức ăn cho em. Hằng ngày, Bé đi câu cá bống về băm sả, hoặc đi lượm vỏ đạn giặc ở ngoài gò về cho mẹ. Thấy cái thau, cái vung nào rỉ người ta vứt, Bé đem về cho ông Mười quân giới.

Những hôm mẹ đi đánh bốt, Bé thường leo lên cây dừa để ngắm tin.

Hôm nay, gió ngoài sông Hậu vẫn thổi vào lồng lộng. Nắng lên làm cho trời cao và trong xanh. Bé lại leo lên cây dừa. Đứng trên đó, Bé trông thấy con đò, xóm chợ, rừng tràm bầu cả những nơi ba má Bé đang đánh giặc.

Bỗng từ phía Bà Mi súng nổ rộ lên, bắt đầu là những tiếng súng trường nghe chắc nịch.

— Đùng má đánh rô ô ô!...

Tiếng Bé thét lên lanh lảnh. Đùng là má đang bắn, đang đốt lên những đồng lửa kia. Làn sông cái bị khói che mất một khúc. Cánh đồng cạnh đó đen lại.

— Má đốt bốt rô ô ô!...

Súng nhỏ nổ rộ hơn. Tiếng súng lớn dồn dập. Cả xóm đò ra, nhóng lên ngọn dừa. Tiếng reo của Bé bay

xuống lẫn vào trong tiếng bơi xuống vội vã trên rạch. Bé nhìn thấy những chấm đen vụt thoáng qua trong đám khói.

— Má xung phong rồi nghen! Tiến lên má á á...

Tiếng Bé kéo dài vắng vắng. Các cô du kích đang chạy theo má. Tiếng súng quân ta xung phong diệt đồn nổ dồn dập.

NGUYỄN THI
(Trích « Mẹ vắng nhà »)

★ Chú giải

— Em Bé là con của chị Nguyễn Thị Út, anh hùng quân đội quê ở Tam Ngãi huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh, nay là tỉnh Cửu Long. Mặc dầu còn ít tuổi, Bé đã cố gắng chăm sóc các em nhỏ để mẹ trực tiếp tham gia chiến đấu. Bé còn làm công tác liên lạc và theo dõi các trận đánh đồn bốt để báo tin chiến thắng cho bà con biết.

— Sông Hậu: tức Hậu Giang — một nhánh của sông Cửu Long chảy qua Nam Bộ và đổ ra biển.

— Bà Mi: tên một đồn giặc ở Tam Ngãi.

— Quân giới: ngành chuyên nghiên cứu và sản xuất vũ khí dùng trong quân đội. Ở đây chỉ ông Mười chế vũ khí đạn dược cho du kích ở địa phương đánh địch.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: lỏng lẻo, ianh lảnh, rặng trâm bầu.

2. Đọc diễn cảm:

— Phần đầu (từ đầu đến quân giới): đọc giọng kể sự việc.

— Phần sau: đọc giọng phấn khởi, nhấn giọng và kéo dài ở các câu:

— Đùng má đánh rô ô ô ỉ...

— Tiến lên má á á...

★ Tìm hiểu bài

1. Tuy còn ít tuổi, Bé đã giúp mẹ những việc gì?

2. Những hôm mẹ đi đánh bốt, Bé thường làm gì?

3. Tại sao Bé lại chăm chú theo dõi trận đánh?

4. Tìm những việc làm nói lên lòng yêu nước căm thù giặc của em Bé.

6. Luyện tập

— Tìm đọc truyện « Mẹ vắng nhà » và « Người mẹ cầm súng » của nhà văn Nguyễn Thi (tức Nguyễn Ngọc Tấn) Nhà xuất bản Văn học 1978.

14. BÀ TÔI



Bà tôi ngồi cạnh tôi, chải đầu. Tóc bà tôi còn đen, dày lì lợ, phủ kín cả hai vai, xoắn xuống ngực, xuống đầu gối. Một tay khẽ nâng mớ tóc lên và ướm trên tay, bà tôi đưa một cách khó khăn chiếc lược thưa bằng gỗ vào mớ tóc dày.

Lời nói của bà tôi đặc biệt trầm bổng, nghe như tiếng chuông đồng. Nó khắc sâu vào trí nhớ tôi dằng dằng, như những đóa hoa, và cũng dịu dàng rực rỡ đầy nhựa sống. Khi bà tôi mỉm cười, hai con ngươi đen sẫm nở ra, long lanh tia sáng dịu hiền khó tả. Đôi mắt ánh lên những tia sáng ấm áp, tươi vui và không bao giờ tắt. Mặc dù trên đôi má ngăm ngăm đã có vô số nếp nhăn, khuôn mặt của bà tôi hình như vẫn tươi trẻ. Tuy lưng hơi còng, bà tôi đi lại vẫn nhanh nhẹn.

Tôi sống xa bà tôi từ nhỏ. Trước khi gặp bà tôi, tôi như người ngủ say, đắm chìm trong bóng tối. Nhưng bà tôi xuất hiện đã đánh thức tôi dậy và đưa tôi ra ngoài ánh sáng. Với một sợi dây vô tận, bà tôi nối tất cả mọi vật xung quanh tôi lại, đan thành một lớp đăng-ten nhiều màu sắc và trở thành người gần gũi nhất với lòng tôi, một con người dễ hiểu nhất và yêu quý nhất.

Tấm lòng yêu mến vô tư của bà tôi đối với mọi người đã làm cho tâm hồn tôi thêm phong phú, đã truyền sức mạnh cho tôi để đương đầu với những sóng gió trong cuộc đời.

MAC-XIM GOR-KI
(Trích « Thời thơ ấu »)

★ Chú giải

— Bài này trích trong truyện: « Thời thơ ấu » của Mac-xim Gor-ki. Ông là nhà văn lớn của Liên Xô ở nửa đầu thế kỷ thứ 20.

— Trầm bổng: nói một cách nhẹ nhàng, diễn cảm, lúc ca lúc thấp.

— Đăng ten: vải thưa dệt hoặc đan, có lỗ và có hình trang trí.

• Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: trầm bổng, long lanh, truyền sức mạnh.

2. Đọc diễn cảm: — Đọc giọng nhẹ nhàng thiết tha, nhấn mạnh các từ ngữ chỉ hình dáng và tính tình của bà như: hai con ngươi đen sẫm kiêu... lời nói trầm bổng nghe như tiếng chuông...

Bà tôi xuất hiện, đã đánh thức... thành lớp đăng ten nhiều màu sắc...

• Tìm hiểu bài

1. Hình dáng của người bà được tả với những nét gì tiêu biểu?

2. Tìm những từ ngữ tả tính tình của người bà.

3. Người bà đã có ảnh hưởng lớn đến tác giả. Những câu nào nói lên điều đó?

4. Tìm những từ nói lên tình cảm của tác giả đối với bà.

• Luyện tập

Quan sát khuôn mặt và hình dáng một bà già và ghi lại một vài nét tiêu biểu mà em đã quan sát được.

15. ĐỒNG MUỖI XU

(Bài đọc thêm)

Hôm ấy, mẹ Cốt bảo:

— Cốt, con cầm mười xu ra hiệu mua bánh mì nhé! Đi từ từ thôi kẻo vấp ngã.

Ngoài đường, trời nắng chang chang. Cốt đầu hơi cúi xuống, vừa đi vừa ước ao được chạy ra sông tắm. Nước sông chảy mát lắm.

Ông già bán kem râu đen đã làm đứt đoạn những ý nghĩ của cậu bé. Ông đứng ở góc đường, bên cạnh là hai thùng kem.

— Chào cậu, mời cậu dùng kem. Có kem sữa, kem sô-cô-la ngon lắm. Cốt cảm thấy rất rõ đồng mười xu trong tay cậu đang nóng lên. Ông ta hé mở nắp phích kem, ghé nhìn vào nước nở khen:

— Ôi! Sao mà kem hôm nay ngon thế! Ngon hơn mật ong, lạnh hơn tuyết. Ai mà nghĩ ra món ăn kỳ diệu này nhỉ? Thế nào? Cậu mua chứ?

Cốt đến gần ông già và không nén nổi sự thèm thuồng, chìa đồng mười xu:

— Ba cốc... chín xu... ông ạ!

Giọng cậu hơi đứt đoạn. Sợ cậu thay đổi ý định, ông già vội vã múc kem vào cốc. Tay run run, cậu bé đã lấy cốc kem màu vàng nhạt, chiếc thìa và bắt đầu nếm loại kem ngọt, lạnh buốt đến tận chân răng.

Cốt cố xua đuổi ý nghĩ đang ám ảnh cậu từ nãy đến giờ: đó là những lời quở trách của mẹ, lời giễu cợt của các anh. Điều đó ắt không tránh khỏi. Khi ăn hết cốc kem thứ ba, Cốt thờ ơ nhận lấy một đồng xu và lại và chậm chạp đi bước đi.

Phía xa, anh bạn Vô-lốt-ca gọi Cốt nhưng cậu gượng như không nghe thấy. Về sợ sệt, Cốt chậm chạp bước về nhà. Mẹ cậu vẫn còn ngồi ở ghế và chiếc ghế ngoài. Bỏ đứng ở giữa nhà, nét mặt vui vẻ. Bà thoáng nhìn cậu con trai và biết ngay có điều gì không hay. Bà thắc mắc hỏi:

— Thế bánh mì đâu con?

Cậu bé khịt khịt mũi và những giọt nước mắt to đùng từ từ lăn trên gò má.

Ông bố nhìn cậu với vẻ tò mò thú vị:

— Đánh rơi tiền hay sao? Mất thì bảo là mất, kìa lóc mà làm gì?

Cốt chợt nghĩ: « Đây có thể là một lối thoát. Nói « đánh mất » chắc mọi người đều tin và thậm chí

không bị phạt nữa ». Nhưng ngay khi đó, cậu bé bắt gặp đôi mắt hiền từ của mẹ. Đôi mắt như đang nói: « Có lẽ nào con lại nói dối mẹ ».

Cậu bé khóc nước nở, đi lại gần và gục đầu vào đầu gối mẹ. Hồi hận, xúc động, cậu bé nói chẳng ra lời, nhưng bà mẹ đã nghe rõ.

— Xin lỗi mẹ, con đã ăn kem mất chín xu. Không hiểu sao con đã làm như vậy. Đây còn một xu.

Bàn tay ấm áp của mẹ vuốt ve, xoa đầu cậu bé:

— Giỏi lắm! Con trai mẹ ngoan lắm! Con đã làm sai nhưng con đã dũng cảm và thật thà nhận lỗi.

Đứng dậy, vẻ tự hào, bà đi về phía tủ và móc ví lấy ra mười lăm xu.

— Đây, con cầm lấy tiền, mười xu mua bánh mì, còn năm xu con có thể ăn kem.

Tất cả như đang nhảy múa trong đầu Cốt. Ngoài trời nắng vẫn chói chang. Và dường như trên cành cây, những con chim với bộ lông sắc sảo đang hót huyên oanh. Cậu đi vừa nhảy, cậu bé chạy thẳng đến hiệu bánh mì.

— Vô-lốt-ca! — Cốt gọi bạn vẫn còn đang đứng chơi bên hàng rào — Có muốn ăn kem không? Trèo ra đây, anh sẽ mua đãi cậu.

K.N. AN-TÔI-XKI

(Trích « Xi-ôn-cốp-xki kể chuyện »)

Chú giải

— Xi-ôn-cốp-xki (1857 — 1935) là nhà bác học Liên Xô, người đã nêu ra lý thuyết về tên lửa và máy bay phản lực. « Cốt » là tên của Xi-ôn-cốp-xki hồi còn nhỏ.

— Kem: món ăn thường làm bằng bột, sữa, trứng, đường, đánh trên với nhau, hấp chín rồi ướp lạnh.

— Quở trách: mắng một cách nghiêm khắc, bức tức.

— Điều gì: đùa hoặc chế nhạo bằng cách châm biếm nhẹ.

— Không biết: giả vờ như không nghe thấy, không biết.

— Hồi hận: bứt dứt trong lòng vì đã làm điều lầm lỗi.

16. CHÍNH TÔI CÓ LỖI

Ngoài hành lang nhà ở của Vla-di-mia I-lích, người chỉ huy đội bảo vệ điện Krem-li đặt một trạm gác. Các học sinh trường quân sự trực nhật hằng ngày. Hôm ấy, một học sinh quân trẻ tuổi không biết mặt Lê-nin được cử tới gác. Anh ta cản đường Lê-nin không cho vào và nghiêm nghị hỏi:

— Đồng chí cho xem giấy ra vào!

— Nhưng kia là cửa nhà tôi! — Lê-nin sừng sốt giơ tay chỉ.

— Tôi không biết — Người gác cửa trả lời — Tôi được lệnh không cho ai qua nếu không có giấy ra vào.

Lê-nin không tranh cãi, trở lại sở chỉ huy lấy giấy ra vào để về phòng mình. Khi giao ban, anh học sinh quân báo cáo với đồng chí chỉ huy về việc đó. T nhiên, cả sở chỉ huy đều đã biết câu chuyện ấy.

— Cậu có biết cậu không cho ai vào không? — Đồng chí chỉ huy nghiêm giọng hỏi anh học sinh quân.

— Tôi không biết.

— Chủ tịch Hội đồng ủy viên nhân dân Lê-nin đã

Anh học sinh đỏ mặt và bối rối. Lập tức anh cho trở lại, đến xin lỗi Vla-di-mia I-lích. Lê-nin bình tĩnh và nghiêm trang nghe anh nói, duy trong khóe mắt lấp lánh những đốm lửa tươi vui.

Không — Lê-nin nói — đồng chí không có lỗi gì cả. Chỉ thị của chỉ huy trưởng là pháp lệnh. Chẳng lẽ tôi là chủ tịch mà lại có thể vi phạm pháp lệnh hay sao? Chính tôi có lỗi, còn đồng chí giải quyết đúng.

BÔ-RIX PÔ-LÊ-VÔI
(Nguyễn Đắc Việt dịch)

* Giải

= **Lê-nin**: người đứng đầu nhà nước xô viết trong những năm Cách mạng tháng Mười Nga thành công. Lê-nin là lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Liên Xô cũng như của nhân dân lao động toàn thế giới.

= **Hành lang**: cái hiên có mái ở phía trước hay phía sau của một ngôi nhà.

= **Nghiêm nghị**: có thái độ và lời nói nghiêm trang và quả quyết.

= **Pháp lệnh**: lệnh mà mọi người phải tuân theo như tuân theo pháp luật.

* Hướng dẫn đọc

1. **Đọc đúng**: Vla-di-mia I-lích Lê-nin, điện Krem-li, trạm gác, trường quân sự, trực nhật, trẻ tuổi, trả lời, tranh cãi, trở lại, nghiêm trang, chỉ huy trưởng.

2. **Đọc diễn cảm**: — Toàn bài đọc theo giọng kể chuyện, chú ý các câu đối thoại. Giọng của anh học sinh quân dứt khoát, nghiêm trang; giọng của Lê-nin cởi mở, thân mật.

* Tìm hiểu bài

1. Anh học sinh quân được phân công làm nhiệm vụ gì, ở đâu?

2. Biết mình không có giấy tờ ra vào cửa, Lê-nin đã làm gì?

3. Việc làm của hai người như vậy có đúng không? Vì sao?

4. Khi anh học sinh quân đến gặp lại, vì sao Lê-nin lại nhận mình có lỗi?

5. Tìm những từ ngữ trong bài nói về tính tình của Lê-nin.

★ Luyện tập

— Kể lại một mẩu chuyện về ý thức chấp hành kỉ luật của em hay của người khác.

17. GỬI CÁC VÌ SAO

Các vì sao nhấp nhánh
Trên ánh sáng bầu trời
Những ảnh hình lấp lánh
Soi vô hạn, vô hồi...

Ôi triệu triệu vì sao
Bừng bừng muôn ánh mắt
Sẽ không bao giờ tắt
Niềm hi vọng dâng trào.

Ơi các vì sao xa
Xin hãy nói cùng ta
Người lấy đâu ánh sáng
Tỏa khắp trời bao la?

Ta đứng trên mặt đất
Muốn tự mình sáng lên
Bằng tâm hồn chân thật
Bằng sức sống thanh niên,

Ơi tim ta, tim ta
Là muôn dặm khúc ca
Là ngọn nguồn ánh sáng
Tỏa lên tím trời xa.

CÁC MÁC

(Trích « Tình yêu và bão táp »)
Trần Dương dịch

★ Chia giải

— Các Mác: nhà lãnh đạo thiên tài của giai cấp vô sản và của nhân dân lao động thế giới — Ông là người Đức. Ngoài những hoạt động chính trị, Các Mác còn làm thơ nữa.

— *Nói vô hạn vô hồi*: chiếu sáng mãi mãi trong không gian.

— *Hi vọng*: chờ đợi một cách tha thiết điều mình mong muốn.

★ Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng*: lấp lánh, sức sống, ánh sáng.

2. *Đọc diễn cảm*:

— Đọc rõ ràng và nghỉ hơi lâu ở từng khổ thơ. Nhấn mạnh các từ ngữ: nhấp nhánh, lấp lánh, vô hạn, vô hồi. Triệu triệu, bừng bừng, hi vọng dâng trào. Nói cùng ta, lấy đâu ánh sáng, khắp trời bao la. Tự mình sáng lên, tâm hồn chân thật, sức sống thanh niên. Muôn dặm, ngọn nguồn ánh sáng, tím trời xa...

★ Tìm hiểu bài

1. Tìm những từ ngữ chỉ ánh sáng đẹp của các vì sao.

2. Tác giả đã so sánh các vì sao với vật gì?

3. Thấy sao sáng, tác giả đã có những ước mơ, hi vọng gì?

Tìm những từ ngữ chỉ những ước mơ và hi vọng đó.

4. Khổ thơ cuối nói lên ước mơ to lớn của Mác. Ước mơ đó là gì?

★ Luyện tập

— Học thuộc lòng cả bài.

18. GIAN NẠN LÀ TRƯỜNG RÈN LUYỆN

(Bài đọc thêm)

Có gan sắt nguội
Mặc sức rèn tôi,
Có chất vàng mười
Tha hồ mài xát.

Khó khăn mọi việc
Là đá thử vàng,
Nguy hiểm mọi đường
Là lò nung sắt.

Xem trong sử sách
Hào kiệt xưa nay
Nuốt đắng ngậm cay
Gây nên đại nghiệp.

Kẻ dằn thù nước,
Kẻ thỏa chí mình,
Kẻ lập công danh,
Kẻ xoay vận mệnh.

Treo gương thần thánh
Chối lợi muôn đời
Động đất ran trời
Tiếng vang bốn bể.

PHAN BỘI CHÂU

★ Chú giải

— Phan Bội Châu là nhà cách mạng và nhà văn nổi tiếng hồi đầu thế kỷ thứ 20. Ông đã sáng tác nhiều bài văn thơ thức tỉnh, động viên mọi người đứng lên làm cách mạng chống lại thực dân Pháp.

— *Hào kiệt*: người có tài năng, chí khí hơn người khác.

— *Nuốt đắng ngậm cay*: ý nói chịu đựng gian lao vất vả không kêu ca phàn nàn.

— *Đại nghiệp*: sự nghiệp lớn lao.

— *Chối lợi muôn đời*: ý nói làm tấm gương sáng mãi mãi cho đời sau.

TUẦN 7

10. TÔI XIN CHỮA BỆNH CHO NGÀI

Ô-guyn là một người chỉ thích ăn luôn miệng và ít hoạt động thân thể. Người gã béo ục ịch quá đỗi, có lẽ tưởng nghệt thở.

Gã có một thầy thuốc trông nom sức khỏe. Khi gã tiêu hóa tốt, thầy thuốc ít có uy quyền. Nay gã ăn uống quá độ, thầy thuốc bắt gã phải phục tùng mình. Thầy nói rằng sẽ chữa khỏi bệnh cho gã bằng một con rắn thần đun trong nước hồng. Ô-guyn đã bỏ nhiều tiền để thuê người đi tìm rắn thần. Nhưng tìm khắp nơi không thấy.

Nghe tin ấy, Gia-dích nhờ người giới thiệu mình với Ô-guyn. Gia-dích nói: «Tôi là thầy thuốc. Được tin Ngài mắc bệnh, tôi vội vã đến đây, đem theo một con rắn thần đã đun trong nước hồng. Nhưng thưa Ngài, Ngài đừng ăn con rắn thần của tôi. Tất cả hiệu lực của rắn thần sẽ qua những lỗ chân lông mà thấm vào cơ thể Ngài. Tôi đã để nó trong một cái túi thật căng, bọc một lần da mỏng. Ngài phải lấy hết sức mà đẩy túi đó về phía tôi, còn tôi thì đẩy túi lại cho Ngài. Ngài cứ làm như thế nhiều lần. Và cứ theo phương pháp này ít hôm, Ngài sẽ thấy cách chữa của tôi hiệu nghiệm như thế nào...»

Ô-guyn làm theo lời Gia-dích. Ngày đầu, Ô-guyn thở hắt hắt tưởng chừng như chết vì mệt. Ngày thứ hai,

gã đỡ nhọc hơn và ngủ ngon hơn. Tám ngày sau, Ô-guyn đã thấy khỏe khoắn, người nhẹ nhõm, vui tươi.

Lúc bấy giờ, Gia-đích mới nói với Ô-guyn: «Thưa Ngài, Ngài đã chơi bóng, đã ăn uống có điều độ nên người khỏe ra. Xin Ngài biết cho rằng ở trên đời này chẳng có rắn thần nào cả. Nếu người ta ăn uống có điều độ và luyện tập thân thể thường xuyên thì sẽ khỏe mạnh mãi mãi».

VÔN-TE

(Trích «Truyện Gia-đích»)

★ Chú giải

— Đoạn văn này trích trong cuốn «Gia-đích» của Vôn-te. Ông là nhà văn tiến bộ Pháp sống vào thế kỉ thứ 18.

— Ô-guyn: tên một nhân vật trong tác phẩm của Vôn-te. Ô-guyn là tên chúa đất giàu có.

— Gia-đích: (Zadich) một nhân vật thông minh, một thanh niên có tình nghĩa trong truyện của Vôn-te.

— Uy quyền: quyền hành buộc người khác phải e sợ và phục tùng.

— Hiệu nghiệm: có kết quả rõ ràng.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: Ô-guyn, Gia-đích

2. Đọc diễn cảm: Đọc rõ ràng, rành mạch theo giọng kể chuyện. Chú ý giọng nói của Gia-đích: thiết tha, khúc chiết. Nhấn mạnh ở câu cuối cùng: «Nếu người ta ăn uống... khỏe mạnh mãi mãi».

★ Tìm hiểu bài

1. Tìm những từ ngữ cho biết Ô-guyn là người có bệnh.

2. Tại sao Ô-guyn mắc bệnh?

3. Gia-đích đã chữa bệnh cho Ô-guyn bằng cách nào? Với cách chữa ấy, tại sao bệnh lại khỏi?

4. Ăn uống, sinh hoạt như thế nào là điều độ?

★ Luyện tập

1. Tìm những từ miêu tả thân thể khỏe mạnh.

2. Ôn những bài học thuộc lòng từ tuần 1 đến tuần 6.

10. CẬU BÉ THÔNG MINH THÀNH BÁT-ĐA

(Bài đọc thêm)

Ngày xưa ở thành Bát-đa có một tên trọc phú. Hắn tuy giàu nhưng rất dốt về khoa học, lại thường tự cho mình là giỏi. Một hôm hắn vẽ một kiểu nhà đặc biệt và bắt những người nô lệ phải xây xong trong vòng một tháng.

Hắn khoe với các bạn của hắn rằng: cả thành phố này không có một biệt thự nào kiên cố như nhà của hắn. Quả đúng như vậy! Cái nhà thì rất kiên cố nhưng không có cửa sổ. Bên trong tối như một hang chuột, suốt ngày đêm phải thắp đèn. Vì thế, chỉ sau ít lâu ở trong nhà, vợ con hắn bỗng mắc nhiều chứng bệnh kì lạ. Mất cử ngày một kém, da thì xanh lợt như tàu lá, rồi các bệnh ngoài da thì nhau phát triển. Sợ hãi, tên trọc phú bèn cho mời các thầy thuốc giỏi đến chữa. Dù các thứ thuốc đắt tiền nhưng bệnh vẫn không giảm. Hắn lại đón về các thầy phù thủy vì tưởng các bệnh kia là do ma quỷ gây ra. Nhưng rốt cuộc, các thầy phù thủy đều bất lực, bệnh cứ ngày một nặng và lan từ vợ con sang cả hắn. Hắn liền cho loan báo khắp nơi, ai cứu được bệnh cho gia đình hắn sẽ được trọng thưởng.

Tin ấy tới tai một cậu bé. Cậu nói với cha cho tới gặp tên trọc phú. Khi tới tòa nhà kì quái ấy, cậu bé hiểu ngay căn bệnh của gia đình hắn, bèn nói với tên trọc phú rằng:

— Bệnh của gia đình ngài do ngài không chịu đón ánh mặt trời vào trong nhà.

Sẵn mê tin dị đoan, tên trọc phú tin ngay. Nhưng vì keo kiệt nên hắn chỉ hứa khi khỏi hẳn bệnh mới thưởng cho em bé.

Thế là ngày đêm hắn nghĩ cách để đón thần mặt trời vào nhà. Hắn tìm ra được một kế. Hắn bắt những người nô lệ mang các túi và bị ra ngoài trời hứng nắng rồi buộc túm lại mang vào nhà cho hắn. Suốt một tháng ròng, bệnh của gia đình hắn chẳng mấy may thuyên giảm. Hắn nổi giận vì mất bao công sức nên cho người đi bắt bằng được cha con cậu bé.

Tới trước mặt hắn, cậu bé không hề run sợ, còn dũng dạc hỏi:

— Tôi bảo ông đón thần mặt trời, sao ông lại dám đi bắt thần mặt trời vào trong các túi?

Trước lời nói đánh thép, tên trọc phú đành phải đổi giọng làm lành:

— Vậy cậu bảo làm cách nào?

Cậu bé cười ngặt nghèo khi nhìn cái mặt thộn của tên nhà giàu. Cậu chỉ vào căn nhà của hắn rồi nói to:

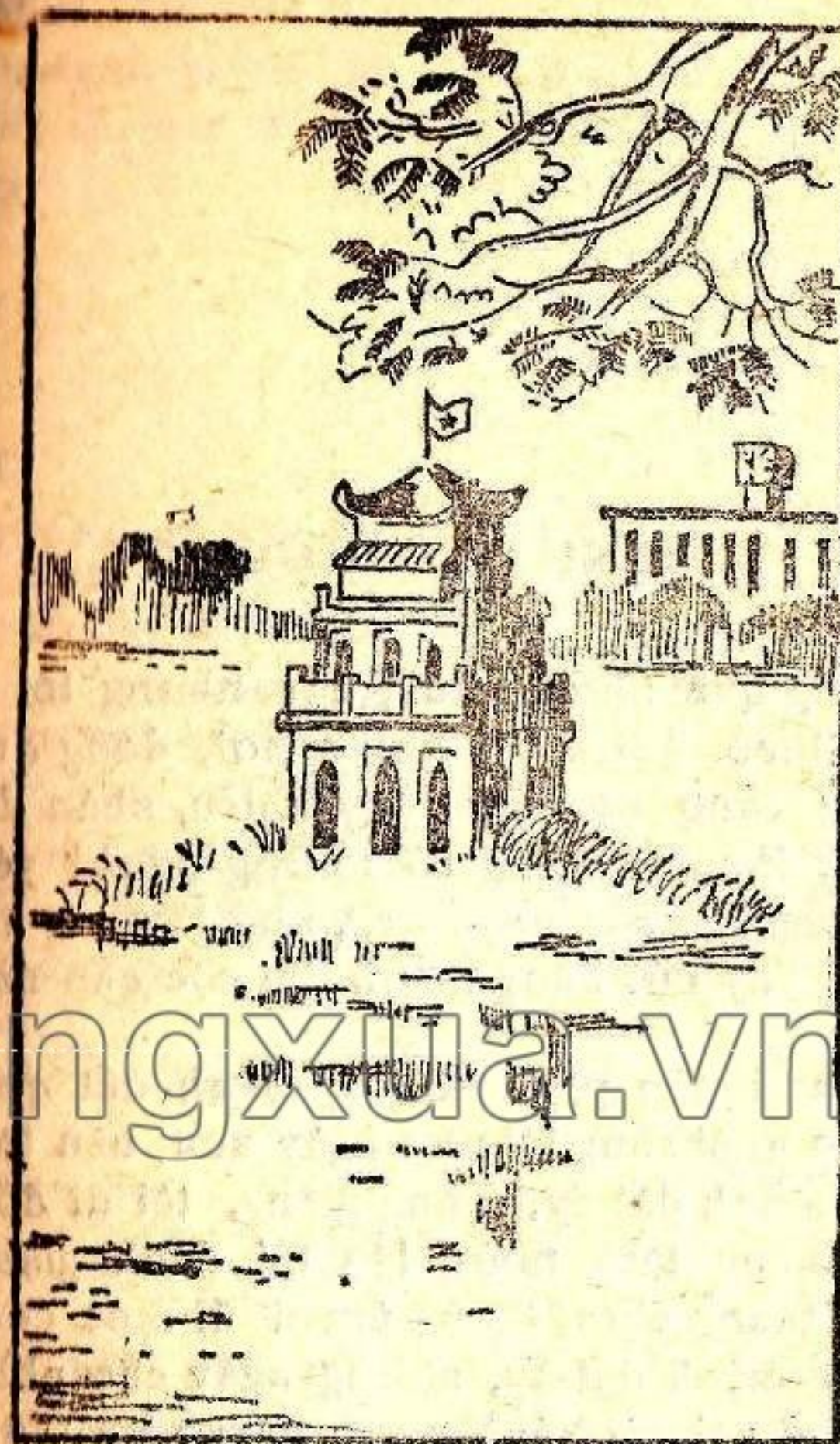
— Cửa sổ, làm thật nhiều cửa sổ, ông nghe rõ chưa? Ánh nắng là một nguồn sáng vô giá. Nó làm cho nhà ở khô ráo, không khí trong lành, làm cho da hồng hào khỏe mạnh. Hãy đưa nguồn sáng đó vào các buồng, các phòng, chắc chắn sẽ kiến hiệu.

Quả nhiên, ít lâu sau, mọi người trong nhà đều khỏi các bệnh.

PHẠM NĂNG CƯỜNG

★ Chú giải

- Trọc phú: người giàu có mà dốt nát và đê tiện.
- Biệt thự: tòa nhà có vườn, thường nằm ở nơi rộng rãi thoáng khí để nghỉ ngơi.
- Mê tín: tin những chuyện thần bí, ma quỷ nhảm nhí.
- Dị đoan: điều quái gở khó tin.
- Keo kiệt: bủn xỉn chỉ bo bo giữ của.
- Kiến hiệu: thấy có kết quả.
- Bát-đa: thành phố lớn ở nước I-rắc (một nước miền tây châu Á).



ĐẤT NƯỚC

21. TÌNH QUÊ HƯƠNG

Phía làng quê tôi đã khuất hẳn, nhưng tôi vẫn đắm đắm nhìn theo. Tôi đã đi nhiều nơi, đóng quân nhiều chỗ phong cảnh đẹp hơn đây nhiều, nhân dân coi tôi như người làng và cũng có những người yêu tôi tha thiết, nhưng sao sức quyến rũ, nhớ thương vẫn không mãnh liệt, day dứt bằng mảnh đất cộc cằn này.

Làng mạc bị tàn phá, nhưng mảnh đất quê hương vẫn đủ sức nuôi sống tôi như ngày xưa, nếu tôi có ngày trở về. Ở mảnh đất ấy, tháng giêng, tôi đi đốt bãi đào ồ chuột, háng tám nước lên tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép; tháng chín, tháng mười đi mót con da dưới vệ sông. Ở mảnh đất ấy, những ngày chợ phiên, đi tôi lại mua cho vài cái bánh rộm; đêm nằm với chú, chú gác chân lên tôi mà lấy Kiều ngâm thơ; những tối liên hoan xã, nghe cái Tị hát chèo và đôi lúc lại được ngồi nói chuyện với Cùn con, nhắc lại những kỉ niệm đẹp để thời thơ ấu.

Khung cảnh xung quanh tôi bắt đầu mờ dần rồi trắng xóa, sương xuống dày đặc đến không còn trông rõ một cái gì nữa. Phảng phất trong không khí có thứ mùi quen thuộc, không hẳn là mùi nhang ngày Tết, cũng

không phải là thứ mùi nào khác có thể gọi tên được, nó lẽ đã lâu lắm, nay tôi lại cảm thấy nó. Thôi tôi nhớ ra rồi... Đó là thứ mùi vị rất đặc biệt, mùi vị của quê hương.

NGUYỄN KHAI

(Trích « Ngày Tết về thăm quê »
trong tập Mùa lạc)

* Chú giải

== Bài này trích trong truyện ngắn « Ngày Tết về thăm quê » của Nguyễn Khải. Đây là đoạn cuối, tả tình cảm của anh bộ đội khi rời xóm làng để trở về đơn vị.

== Quyến rũ: ý nói sức lôi cuốn (của quê hương) làm cho quyến luyến không muốn xa rời.

== Cộc cằn: ý nói đất xấu, cây trồng khó mọc.

== Con da: một loại cua giống cua đồng nhưng chân có lông.

== Bánh rộm: một loại bánh làm bằng bột nếp.

== Lấy Kiều: trích một số câu trong truyện Kiều ra để ngâm nga.

== Mùi nhang: mùi hương.

* Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: đánh giậm (khác giậm), kỉ niệm, sương xuống dày đặc.

2. Đọc diễn cảm: Đọc rõ ràng, giọng triu mến, tha thiết để thể hiện tình cảm của anh bộ đội đối với quê hương.

== Đoạn 1: chú ý nhấn giọng ở các từ: đắm, đắm nhìn, quyến rũ, nhớ thương, mãnh liệt, day dứt.

== Đoạn 2: đọc rõ ràng, kể từng sự việc, gọi cho người nghe nhớ lại những kỉ niệm cũ.

Ví dụ: Ở mảnh đất ấy/ tháng giêng/tôi đi đốt bãi/đào ồ chuột/...

== Đoạn 3: đọc nhấn giọng ở các từ ngữ: quen thuộc, không hẳn, cũng không phải... nhằm diễn đạt cảm giác khó tả. Lưu ý cách đọc ở cuối câu: « Thôi/tôi nhớ ra rồi... ». Ngắt giọng ở đầu chấm lửng để người nghe thêm chú ý.

★ Tìm hiểu bài

1. Anh bộ đội đã so sánh những gì ở nơi khác với quê hương? So sánh như vậy nhằm mục đích gì?

2. Tìm những từ ngữ nói lên lòng yêu quê hương tha thiết của anh bộ đội (đoạn 1).

3. Những kỉ niệm nào đã làm cho anh bộ đội thêm gắn bó với quê hương?

— Em có thể chia những kỉ niệm đó thành mấy loại? những loại nào?

4. Tác giả nhắc lại hai lần: «Ơ mảnh đất ấy» có dụng ý gì?

5. Đoạn cuối bài cho biết cái gì đã gây cảm xúc sâu sắc cho anh bộ đội khi rời quê trở về đơn vị?

★ Luyện tập

1. Học thuộc lòng một trong ba đoạn của bài (do em tự chọn).

2. Tìm những từ gần nghĩa với từ « quê hương ».

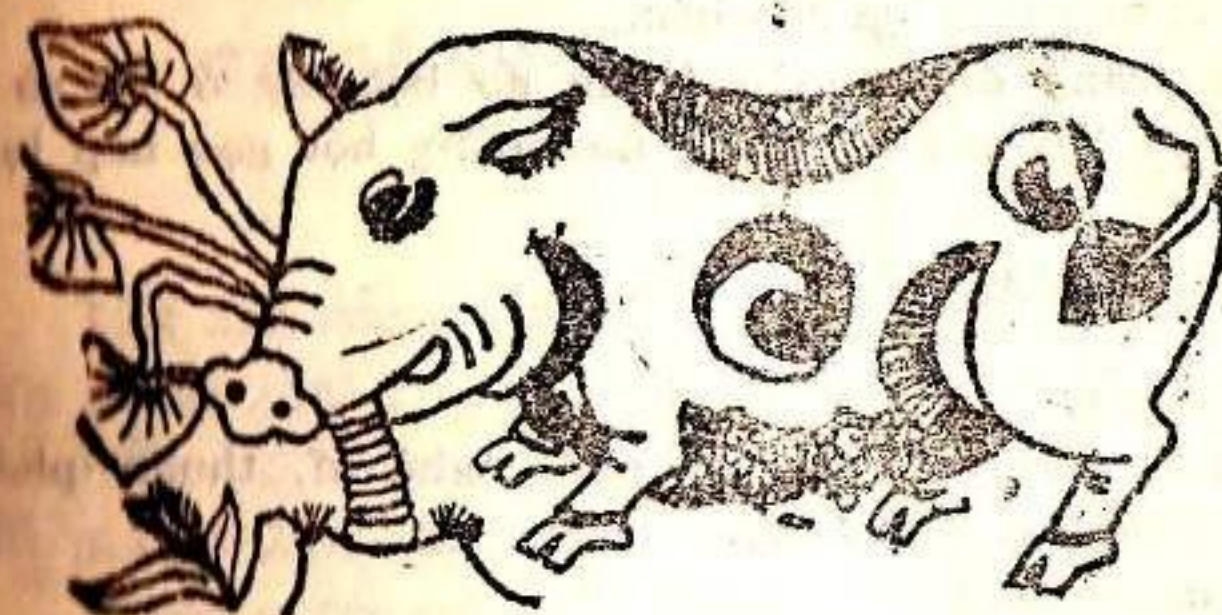
**3. Học cách kể của tác giả, em hãy kể lại một vài kỉ niệm (về quê hương hoặc về gia đình em) hồi còn bé mà em nhớ nhất.

22. TRANH LÀNG HỒ

Từ ngày còn ít tuổi, tôi đã thích những tranh lợn, gà, chuột, ếch, tranh cây dừa, tranh tổ nữ của làng Hồ. Mỗi lần Tết đến, đứng trước những cái chiếu bày tranh làng Hồ giải trên các lễ phố Hà Nội, lòng tôi thấm thía một nỗi biết ơn đối với những người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân. Họ đã đem vào cuộc sống một cách nhìn thuần phác, càng ngắm càng thấy đậm đà, lành mạnh, hóm hỉnh và tươi vui. Phải yêu mến cuộc đời, trồng trọt chăn nuôi lắm mới khắc được những tranh

lợn rầy có những cái khoáy âm dương rất có duyên, mới vẽ được những đàn gà con tung bưng như ca múa lên gà mái mẹ.

Kỹ thuật tranh làng Hồ đã đạt tới sự trang trí tinh tế: những bộ tranh tổ nữ áo màu, quần hoa chanh nền đen lỉnh của một thứ màu đen rất Việt Nam. Màu đen không pha bằng thuốc mà luyện bằng bột than với những chất liệu gọi nhắc tha thiết đến đồng quê



đồng quê, than của rơm nếp, than của cội chiếu và than của lá tre mùa thu rụng lá. Cái màu trắng điệp cũng là một sự sáng tạo góp vào kho tàng màu sắc của dân tộc trong hội họa. Màu trắng ấy càng ngấm càng rõ, những hạt cát của điệp trắng nhấp nhánh muôn ngàn hạt phấn làm tăng thêm vẻ thâm thúy cho khuôn mặt, tăng thêm sinh sống cho dáng người trong tranh.

NGUYỄN TUÂN

(Trích « Bến Hồ và làng tranh »)

Chú giải

Làng Hồ tức làng Đông Hồ thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc, một làng có nghề làm tranh từ lâu đời. Một bộ tranh làng Hồ có khoảng 30 bức khác nhau. Các tranh này vẽ trên bìa gỗ và in nhiều màu trên giấy dó. Hiện nay tranh làng Hồ được nhiều nước trên thế giới ưa thích.

— **Nghệ sĩ tạo hình**: ở đây chỉ những người sáng tạo ra những bức tranh.

— **Thuần phác**: hoàn toàn chất phác, mộc mạc

— **Tranh lợn ráy**: tranh vẽ con lợn đứng bên bụi ráy. Ráy là một thứ cây ưa trồng ở nơi đất ẩm, gần giống như cây khoai sọ, dùng làm thức ăn cho lợn.

— **Khoáy âm dương**: khoáy vẽ trên mình con lợn, khoáy hình tròn giữa có nét cong như chữ S chia hình tròn làm đôi.

— **Tranh tố nữ**: tranh vẽ những người con gái đẹp đang múa hoặc thổi sáo.

— **Lĩnh**: một thứ lụa đen bóng.

— **Màu trắng điệp**: màu trắng do bột lấy ở vỏ sò vỏ điệp ở biển trộn lẫn với hồ loãng nấu bằng bột gạo nếp tạo thành

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng:

— Tranh, giải trên các lễ phở, nghệ sĩ, thuần phác, tranh lợn ráy, khoáy, nền đen lĩnh.

2. Đọc diễn cảm:

— Toàn bài đọc với giọng khâm phục, ca ngợi.

— Đoạn 1: đọc nhấn mạnh tên các tranh và các từ: thật thía một nỗi biết ơn, thuần phác, đậm đà, lành mạnh, hóm hỉnh tươi vui, rất có duyên, tiêng bừng.

— Đoạn 2: đọc nhấn mạnh các từ: sự trang trí tinh tế nền đen lĩnh, rất Việt Nam, gọi nhắc tha thiết, cái màu trắng điệp, tăng thêm vẻ thâm thúy, tăng thêm sinh sống. Chú ý Toàn bài chỉ có tám câu, mỗi câu được ngắt thành nhiều v câu cần ngắt hơi đúng ở mỗi vế.

★ Tìm hiểu bài

1. Tranh làng Hồ thường vẽ những đề tài rất quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày ở làng quê Việt Nam. Em hãy tên một vài bức tranh.

2. Tìm những từ nói rõ lòng khâm phục và biết ơn của tác giả đối với những người vẽ tranh. Tại sao tác giả lại biết ơn những người sáng tạo ra các tranh đó?

3. Trong các màu sắc của tranh, tác giả ca ngợi nhiều nhất những màu gì? Những màu đó có gì khác thường?

4. Em có nhận xét gì về cách đặt câu của tác giả trong đoạn 2?

★ Luyện tập

Đưa vào một bức tranh trong bộ tranh làng Hồ (xem trưng bày trong thư viện của trường), em hãy nói tại sao em thích bức tranh đó?

23. CẢNH ĐẸP QUÊ EM

(Bài đọc thêm)

Yêu sao cảnh đẹp quê em,
Cau trùm mái rạ, xoan viền bờ mương,
Bốn bề ao sáng như gương,
Mở màng đàn lợn, xanh rờn vườn rau.
Mương trong, trời thăm in màu,
Đồng ai khoác súng qua cầu gặt chiêm.
Gió chiều thơm thoảng hương sen,
Nắng chiều rải nhẹ vàng thềm lúa đồng.
Ở đâu đẹp núi đẹp sông,
Đẹp ruộng đồng, đẹp những hàng cây,
Đẹp hơn là những bàn tay,
Vừa lo giữ nước, vừa xây xóm làng.

NGUYỄN VĂN CHƯƠNG

★ Chú giải

— **Xoan**: còn có tên gọi là cây sấu đông, thứ cây thường trồng ở nông thôn, gỗ dùng làm nhà.

— **Viền**: ở đây có nghĩa là trồng men theo mép bờ.

— **Mở màng**: béo tốt.

— **Gặt chiêm**: gặt lúa chiêm, vụ lúa trồng vào tháng hai và gặt vào tháng năm dương lịch.

24. BUỔI SÁNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Một ngày mới bắt đầu.

Mảng thành phố hiện ra trước mắt tôi đang biến màu trong bước chuyển huyền ảo của rạng đông. Tầng tầng lớp lớp bụi hồng ánh sáng đã tràn lan khắp không gian như thoa phấn trên những tòa nhà cao tầng của thành phố, khiến chúng trở nên nguy nga, đậm nét. Màn đêm mờ ảo đang lắng dần rồi chìm vào đất. Thành phố như bỗng bồng bềnh nổi giữa một biển hơi sương. Trời sáng có thể nhận rõ từng phút một. Những vùng cây xanh bỗng óa tươi trong nắng sớm. Ánh đèn từ muôn ngàn ô vuông cửa sổ loăng đi rất nhanh và thưa thớt tắt. Ba ngọn đèn đỏ trên tháp phát sóng đài truyền hình thành phố có vẻ bị hạ thấp và kéo gần lại. Mặt trời đang chậm chậm lơ lửng như một quả bóng bay mềm mại.

Đường phố bắt đầu hoạt động và huyên náo. Những chiếc xe vận tải nhẹ, xe lam, xe xích lô máy nườm nượp chở hàng hóa và thực phẩm từ vùng ngoại ô về các chợ Bến Thành, Cầu Muối đánh thức cả thành phố dậy bởi những tiếng máy nổ giòn.

Thành phố mình đẹp quá! Đẹp quá đi!

NGUYỄN MẠNH TUẤN

* Giải

- ⇒ **Huyền ảo**: mơ hồ, không thực. Ở đây ý nói mờ mờ tỏ tỏ.
- ⇒ **Nguy nga**: cao to, lộng lẫy.
- ⇒ **Mờ ảo**: không trông rõ hình ảnh thực.
- ⇒ **Xe lam**: loại xe máy thường có ba bánh, có thùng xe và mái che, dùng chở hàng và hành khách.
- ⇒ **Nườm nượp**: đi lữ lượt không dứt.
- ⇒ **Vùng ngoại ô**: vùng ở rìa thành phố, chung quanh nội thành.

* Hướng dẫn đọc

⇒ Toàn bài đọc giọng linh hoạt để diễn tả sự biến chuyển của cảnh vật từ lúc còn chìm trong bóng tối đến lúc nổi bật lên dưới ánh mặt trời.

⇒ Đoạn 1: sau câu mở đầu cần ngừng hơi lâu một chút để người nghe kịp tập trung chú ý, đọc nhấn mạnh các từ ngữ nói lên sự chuyển biến của cảnh vật, theo bước đi của thời gian (biến màu, tràn lan, trở nên nguy nga, lắng dần, bỗng óa tươi, loăng đi...).

⇒ Đoạn 2: đọc giọng dồn dập hơn, nhấn mạnh các từ: huyên náo, nườm nượp. Câu cuối đọc giọng triu mến, tự hào.

* Tìm hiểu bài

1. Những từ ngữ nào tả sự chuyển biến của cảnh vật theo bước đi của thời gian?

2. Ở đoạn đầu, những câu nào nêu lên nét đẹp của thành phố?

3. Sau khi mặt trời lên, thành phố khác trước như thế nào?

4. Đọc câu « màn đêm mờ ảo... chìm vào đất », em có nhận xét gì về tài quan sát của tác giả?

5. Trong bài này, tác giả đã dùng những giác quan nào để quan sát?

* Luyện tập

Tìm đoạn bài chi tiết của bài văn này.

25. ĐẸP THAY NON NƯỚC NHA TRANG

Dừng chân nghỉ lại Nha Trang
Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời,
Xanh xanh mặt biển, da trời,
Cảnh sao quyến rũ lòng người, khó quên.

Đây rồi Hòn Én, Hòn Tre,
Xa xa Hòn Khói, đi về thuyền ai?
Mặt trời vừa mọc ban mai,
Mênh mông cát trắng hồng phai mịn màng.

Giặc tan tác chạy lâu rồi
Dân ta làm chủ cuộc đời vẻ vang.
Đẹp thay non nước Nha Trang
Người đi hồn vẫn mơ màng đâu đây.

SÔNG HỒNG

★ Chú giải

— Nha Trang: thuộc tỉnh Phú Khánh, một nơi nghỉ mát nổi tiếng ở bờ biển miền Trung. Ở đây có nhiều phong cảnh đẹp.

— Hòn Én, Hòn Tre, Hòn Khói: đều là những hòn đảo nhỏ ở ngoài khơi bờ biển Nha Trang.

Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: trời quang tuyệt vời, quyến rũ, mênh mông, cát trắng, mịn màng, giặc tan-tác, vẻ vang.

2. Đọc diễn cảm:

— Đọc thông thả, nhấn mạnh các từ tả vẻ đẹp hấp dẫn như: hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời, xanh xanh, quyến rũ, khó quên, mênh mông cát trắng, hồng phai mịn màng.

— Ở khổ thơ cuối nhấn mạnh các từ: giặc tan tác, dân ta làm chủ, vẻ vang, đẹp thay. Các từ «hồn vẫn mơ màng đâu đây» đọc thật thông thả.

★ Tìm hiểu bài

1. Tìm những từ chỉ màu sắc mà tác giả đã dùng để vẽ nên bức tranh của non nước Nha Trang.
2. Em có nhận xét gì về các màu sắc đó?
3. Những nét đẹp gì của Nha Trang làm quyến rũ lòng người?
4. Khổ thơ cuối nói lên điểm gì mới của Nha Trang?

★ Luyện tập

1. Học thuộc lòng cả bài.
- *2. Dựa vào bài thơ, em hãy viết thành bài văn xuôi tả cảnh đẹp của Nha Trang.

26. BÀI CA QUÊ HƯƠNG

(Bài đọc thêm)

Ngày đi, lòng vẫn tự hào
Nay về, càng ngẩng đầu cao với trời.
Thừa Thiên đẹp cảnh, đẹp người,
Núi xanh khí phách, biển ngời sức xuân!
Núi này Bạch Mã, Hải Vân
Mây đưa anh giải phóng quân lên đèo,
Biển này Cửa Thuận sóng reo
Thanh thanh vành mũ tai bèo là em.

Hương Giang ơi, dòng sông êm
Qua tim ta vẫn ngày đêm tự tình
Vẫn là duyên đó quê anh
Gió mưa tan lại trong lành mặt gương.

Bến nghèo, xưa chuyển đồ ngang
Nay cầu chống Mĩ xe sang dập dùi
Tràng Tiền biết mấy là yêu!
Tuổi thơ áo trắng sớm chiều bướm bay

Ngự Bình, thông lại xanh cây
Bên kia Vọng Cảnh, bên này Thiên Thai
Bức tranh non nước tuyệt vời
Bàn tay ta lại xây đời ta đây!

TỐ HỮU
(Trích)

★ Chú giải

— Thừa Thiên: tên tỉnh cũ có thành phố Huế, nay thuộc tỉnh Bình Trị Thiên.

— Bạch Mã, Hải Vân, Cửa Thuận: tên núi, đèo và cửa biển gần Huế.

— Hương Giang: sông Hương, con sông chảy qua thành phố Huế.

— Qua tìm ta vẫn ngày đêm tự tình: ý nói trong lòng mình luôn luôn bày tỏ tình cảm tha thiết đối với con sông quê hương.

— Tràng Tiền: tên chiếc cầu rất đẹp, bắc qua sông Hương, giữa thành phố Huế.

— Ngự Bình: còn gọi là núi Ngự, tên hòn núi đẹp nằm ở phía nam thành phố.

— Vọng Cảnh, Thiên Thai: tên địa điểm, tên núi tô điểm cho cảnh Huế càng hùng vĩ.

TUẦN 10

27. PHONG CẢNH HÒN ĐẤT

Hòn Đất nổi lên trên Hòn Me và Hòn Sóc, gối đầu lên xóm, về tháng này trông xanh tốt quá. Bây giờ vừa sang tháng chạp ta, người đất Hòn đã nghe gió Tết hây hây lùa trong nắng. Cây cối trên Hòn và các xóm nằm liền Hòn vút rạo rức, tràn trề nhựa sống. Vùng Hòn với những vòm lá của đủ các loại cây trái: mít, dừa, cau, măng cầu, lê-ki-ma, măng cụt sum sê nhẫy nhợt. Những ngôi nhà trong xóm, mái lá và ngói đỏ chen nhau coi đông đúc như một thị trấn. Nhà còn cất leo lên trên triền Hòn thoải thoải, ở xa ngó cứ như những chuồng chim câu, cái thì nhà trệt, cái thì nhà sàn. Xa quá khỏi Hòn một đôi là bãi Tre. Thấp thoáng những cây tre đặng ngà cao vút, vàng óng, những cây tre lâu nay vẫn đứng đấy, bình yên và thanh thản, mặc cho bao nhiêu năm tháng đã đi qua, mặc cho bao nhiêu gió mưa đã thổi tới. Sau rặng tre ấy, biển cả còn lâu đời hơn, vẫn đang giỡn sóng, mang một màu xanh lục.

Những lần đi đâu xa và lâu ngày trở về đây, người dân đất Hòn cũng thấy lòng mình rộn lên một cảm xúc khó tả. Nhất là trở về đúng những ngày mùa, khi thoang thoang đâu đây hương lúa mới, họ càng thấy lòng mình nhẹ lâng lâng.

ANH ĐỨC
(Trích « Hòn Đất »)

★ Chú giải

- Hòn Đất: tên vùng đất nằm sát bờ biển, thuộc tỉnh Kiên Giang. Hòn Đất, Hòn Me, Hòn Sóc hợp lại thành vùng Ba Hòn.
- Nhảy nhót: chỉ vòm lá tươi tốt và bóng mượt.
- Nhà trệt: nhà có nền sát đất.
- Nhà sàn: nhà có sàn gỗ (hoặc tre) cao hơn mặt đất, có cầu thang ngắn để lên xuống nhà.
- Một đôi: một đoạn, một quãng.
- Tre đàng ngà: một loại tre nhỏ, có vỏ màu hơi vàng và bóng mượt.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: Hòn Đất, tràn trề nhựa sống, nhảy nhót, triển hồn thoải thoải, giòn sống.
2. Đọc diễn cảm.
 - Toàn bài đọc thông thả, rõ ràng, giọng nghiêm trang, thân mật nhằm diễn tả tình cảm triu mến đối với vùng đất tươi đẹp và vô cùng anh dũng.
 - Phân tả vẻ đẹp của Hòn Đất cần chú ý nhấn mạnh các từ ngữ gợi tả và gợi cảm như: *gối đầu, hây hây, rạo rực, tràn trề, sum sê, nhảy nhót, chen nhau, leo lên, thoải thoải, thấp thoáng, cao vút, vàng óng, thanh thản, giòn sống, xanh lục*.
 - Phần nói về tình cảm của người Hòn Đất cần đọc giọng cảm xúc với các từ ngữ: *rộn lên, khó tả, nhẹ lâng lâng*. (lưu ý: *sum sê* cùng nghĩa với *xum xuê*).

★ Tìm hiểu bài

1. Từ ngữ nào miêu tả vẻ xanh tốt của vùng Hòn Đất?
2. Nhà cửa ở đây như thế nào?
3. Còn những hình ảnh nào tô điểm cho Hòn Đất thêm đẹp.
4. Đoạn cuối bài nêu lên tình cảm gì của người ở đây đối với quê hương?
5. Đối với quê hương, em có những kỉ niệm gì gắn bó?

★ Luyện tập

1. Tìm những từ láy có tác dụng gợi tả và gợi cảm trong bài.
2. Đặt câu với một số từ vừa tìm được.

28. TRE VIỆT NAM

Tre xanh,
Xanh từ bao giờ?
Chuyện ngày xưa... đã có bờ tre xanh.

Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?
Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu?

Có gì đâu, có gì đâu
Mỡ màu ít chất dồn lâu hóa nhiều
Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù.
Vươn mình trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành.

Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh
Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm.

Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm, tay níu tre gần nhau thêm.
Thương nhau tre chẳng ở riêng
Lũy thành từ đó mà nên hội người.
Chẳng may thân gãy cành rơi
Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng
Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc tre nhường cho con.

Măng non là búp măng non
Đã mang dáng thẳng thân tròn của tre.
Năm qua đi, tháng qua đi
Tre già măng mọc có gì lạ đâu.

Mai sau,
Mai sau,
Mai sau,
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

NGUYỄN DUY
(Trích « Cát trắng »)

★ Chú giải

— Bài này được sáng tác trong thời kì đế quốc Mỹ đang tiến hành cuộc chiến tranh hủy diệt đất nước ta.

— *Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh*: chuyện Thánh Gióng nhờ tre đánh tan giặc Ân, chuyện « cây tre trăm đốt » v.v...

— *Nên lũy nên thành*: làng quê ta thường trồng tre bao quanh thành một lớp rào dày và chắc như đắp lũy xây thành.

— *Kham khổ*: thiếu thốn, vất vả.

— *Cái gốc truyền đời cho măng*: măng mọc từ gốc tre, phần gốc nằm sâu dưới đất.

— *Manh áo cộc*: chỉ những chiếc mo nang quanh cây măng.

★ Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng*: khua miệng bóng râm, nguyên cái gốc truyền đời cho măng.

Đọc ngắt nhịp: Chuyện ngày xưa/đã có bờ tre xanh//
Cây kham khổ/vẫn hát ru lá cành//

2. *Đọc diễn cảm*.

— Đoạn 1 (7 dòng đầu): đọc giọng cao theo các dấu hỏi cuối câu, nhằm diễn tả niềm thắc mắc.

— Đoạn 2 (8 dòng tiếp): đọc giọng khúc chiết, rành mạch, nhấn mạnh các từ ngữ: ít chất, đồn lâu hóa nhiều, rõ tiếng,

cần cù, không dùng khua miệng nhằm giải đáp câu hỏi ở dòng 6, 7, đồng thời ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của tre: cần cù, nhẫn nại, phóng khoáng.

— Đoạn 3 (10 dòng sau): đọc giọng mạnh hơn, nhấn mạnh các từ ngữ *thân bọc lấy thân, chẳng ở riêng, nguyên cái gốc, không chịu mọc cong, nhường cho con*, nhằm ca ngợi truyền thống tốt đẹp của nòi tre: đùm bọc, đoàn kết, ngay thẳng, hi sinh vì con cái, đồng thời cũng giải đáp câu hỏi ở dòng 4, 5.

— Đoạn 4 (8 dòng cuối): đọc giọng khẳng định, chú ý các điệp ngữ: *măng non — măng non, qua đi — qua đi*; các điệp từ: *mai sau — mai sau — mai sau, xanh — xanh — xanh*.

★ Tìm hiểu bài

1. Trong đoạn 1, tác giả nêu lên mấy câu hỏi và hỏi gì?

2. Tìm những từ ngữ ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của tre trong đoạn 2. Đoạn này đã trả lời câu hỏi nào?

3. Đoạn 3 đã trả lời câu hỏi nào? Những câu thơ nào đã giải đáp câu hỏi ấy?

4. Bài thơ cho biết tre Việt Nam có những đức tính gì?

5. Em thấy tre có những nét nào giống như phẩm chất của dân tộc Việt Nam?

★ Luyện tập

1. Học thuộc lòng từ đầu đến « bóng râm » hoặc đoạn còn lại.

2. Tìm lối nói tương phản được dùng trong bài này. Ví dụ: *Mở màu ít chất đồn lâu hóa nhiều*.

29. CHÚ BÒ NÔNG Ở SA-MÁC-CAN

(Bài đọc thêm)

Mùa xuân năm ấy, tôi đi qua thành phố cổ Sa-mác-can. Chợ Sa-mác-can ngay giữa phố. Dưới những vòm cửa cuốn cao, người đi cuồn cuộn. Trong những vòm cửa cuốn sinh hoạt động vui cả một xã hội loài chim.

Chị bồ nông nằm trong ổ thò cái đầu ra như đầu ngỗng non. Chàng bồ nông bay lượn như múa trên các mái lầu. Chưa bao giờ tôi trông thấy bồ nông trong tổ. Ở nước ta, tôi chỉ thấy bồ nông đứng, hai chân lênh khênh trên mặt ruộng đồng sâu.

Tôi: Chào chú bồ nông!

Bồ nông: Xin chào khách quý. Ngày xuân Sa-mác-can có đẹp không, thưa anh?

Tôi: Ô, mùa xuân Sa-mác-can thật đẹp. Hoa li-la trắng đầy giàn. Đâu đâu cũng hoa đào rực rỡ đến chân trời.

Chợt nhớ vài tuần trước, tôi từ những ngày xuân đầy hoa đào rừng Nghĩa Lộ tới đây. Tôi thấy tôi đang đi trên nửa trái đất có hoa đào.

Tôi: Bồ nông đã được đi chơi xuân bao nhiêu nơi rồi?

Bồ nông: Nhiều nơi lắm, không nhớ xuể.

Tôi: Nhưng chắc chú chưa tới Việt Nam?

Bồ nông: Rồi!

Tôi: Thế ra bồ nông đã đến quê tôi?

Bồ nông: Mùa đông vừa rồi, tôi còn ở cánh đồng bờ biển Thụy Anh. Trở về Sa-mác-can, tôi sai cánh trên bao nhiêu nước, tôi không biết. Tôi chỉ trông thấy dưới mặt đất, chỗ nào cũng sông, cũng rừng núi, cũng cánh đồng, thành phố và làng mạc. Phong cảnh thì không có biên giới anh nhỉ? Nhưng bay qua đâu, qua đâu, tôi cũng nghe người ta nói một câu: Giặc Mĩ thua ở Việt Nam rồi.

TÔ HOAI

* Chú giải

— *Bồ nông*: loài chim mình to như con ngỗng, mỏ dài, dưới cổ có bướu để đựng cá bắt được. Bồ nông là loại chim di cư, cứ mùa rét thì bay về phương nam để tránh rét, đến mùa ấm lại bay về phương bắc.

— *Sa-mác-can*: tên một thành phố cổ thuộc nước Cộng hòa U-dơ-bê-ki-xtăng của Liên Xô.

— *Hoa li-la*: tên một thứ hoa trắng rất đẹp, nở vào mùa xuân, có rất nhiều ở Sa-mác-can.

— *Nghĩa Lộ*: nay thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn.

— *Thụy Anh*: tên một huyện cũ nằm sát biển, nay thuộc huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

30. NÚI RỪNG TRƯỜNG SƠN SAU CƠN MƯA

Mưa ngớt hạt, rồi dần dần tạnh hẳn. Màn mây xám đục trên cao đã rách mướp, trôi giạt cả về một phương, để lộ dần một vài mảng trời thấp thoáng xanh. Một vài tia nắng hiem hơi bắt đầu mừng rỡ rọi xuống. Dưới mặt đất, nước mưa vẫn còn róc rách, lăn tăn, luồn lỏi chảy thành hàng ngàn vạn dòng mỏng manh, buốt lạnh. Từ trong các bụi rậm xa, gần, những chú chồn, những con dũi với bộ lông ướt mềm, vừa mừng rỡ, vừa lo lắng, nối tiếp nhau nhảy ra rồi biến mất. Trên các vòm lá dày ướt đầm, những con chim K'lang mạnh mẽ, dữ tợn, bắt đầu dang những đôi cánh lớn giữ nước phành phạch. Cất lên những tiếng kêu khô, sắc, chúng nhún chân bay lên, làm cho những đám lá ứa rơi rụng lá tả. Xa xa, những chỏm núi màu tím biếc cắt chéo trên nền trời. Một dải mây mỏng, mềm mại như một dải lụa trắng dài vô tận ôm ấp, quấn ngang các chỏm núi như quyến luyến, bịn rịn.

Sau những trận mưa dầm rả rích, rừng núi Trường Sơn như bừng tỉnh, cảnh vật như thêm sức sống mới.

Trích Tập đọc lớp 5/1980

• Chú giải

- Rách mướp: rách tả tơi như xơ mướp.
- Con dũi: một loài thú nhỏ.
- Chim K'Lang: tên một giống chim lớn.
- Quyến luyến: yêu thương, quyến quýt, không muốn rời.
- Bịn rịn: không muốn dứt, không nỡ rời xa.

• Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: núi rừng Trường Sơn, rách mướp, ướt mềm, vòm lá dày ướt đầm, phành phạch, quyến luyến.

2. Đọc diễn cảm:

— Toàn bài đọc thông thả để người nghe kịp tái hiện những hình ảnh, đường nét, màu sắc được miêu tả trong bài. Sau mỗi đoạn tả cần ngừng hơi lâu hơn, chú ý đọc nhấn mạnh các từ ngữ mở đầu cho mỗi đoạn tả như: trên cao, dưới mặt đất, từ các bụi rậm, trên các vòm lá, xa xa, để người nghe hình dung được rõ nét các bộ phận trong toàn cảnh.

— Trong mỗi đoạn tả cần đọc nhấn mạnh những từ ngữ gọi tả như: xám đục, rách mướp, thấp thoáng xanh, róc rách, lăn tăn, mỏng manh, buốt lạnh... và nhấn mạnh các từ ngữ gọi cảm xúc như: mừng rỡ, lo lắng, quyến luyến, bịn rịn.

• Tìm hiểu bài

1. Sau cơn mưa, cảnh bầu trời và mặt đất có những nét gì đẹp?
2. Tìm những từ ngữ tả những hoạt động của các loài vật trong rừng sau cơn mưa.
3. Trong bài này, tác giả tả cảnh và vật theo một thứ tự như thế nào?
4. Trong các từ ngữ dùng miêu tả ở đây, những từ ngữ nào tả hình dáng, màu sắc, âm thanh?

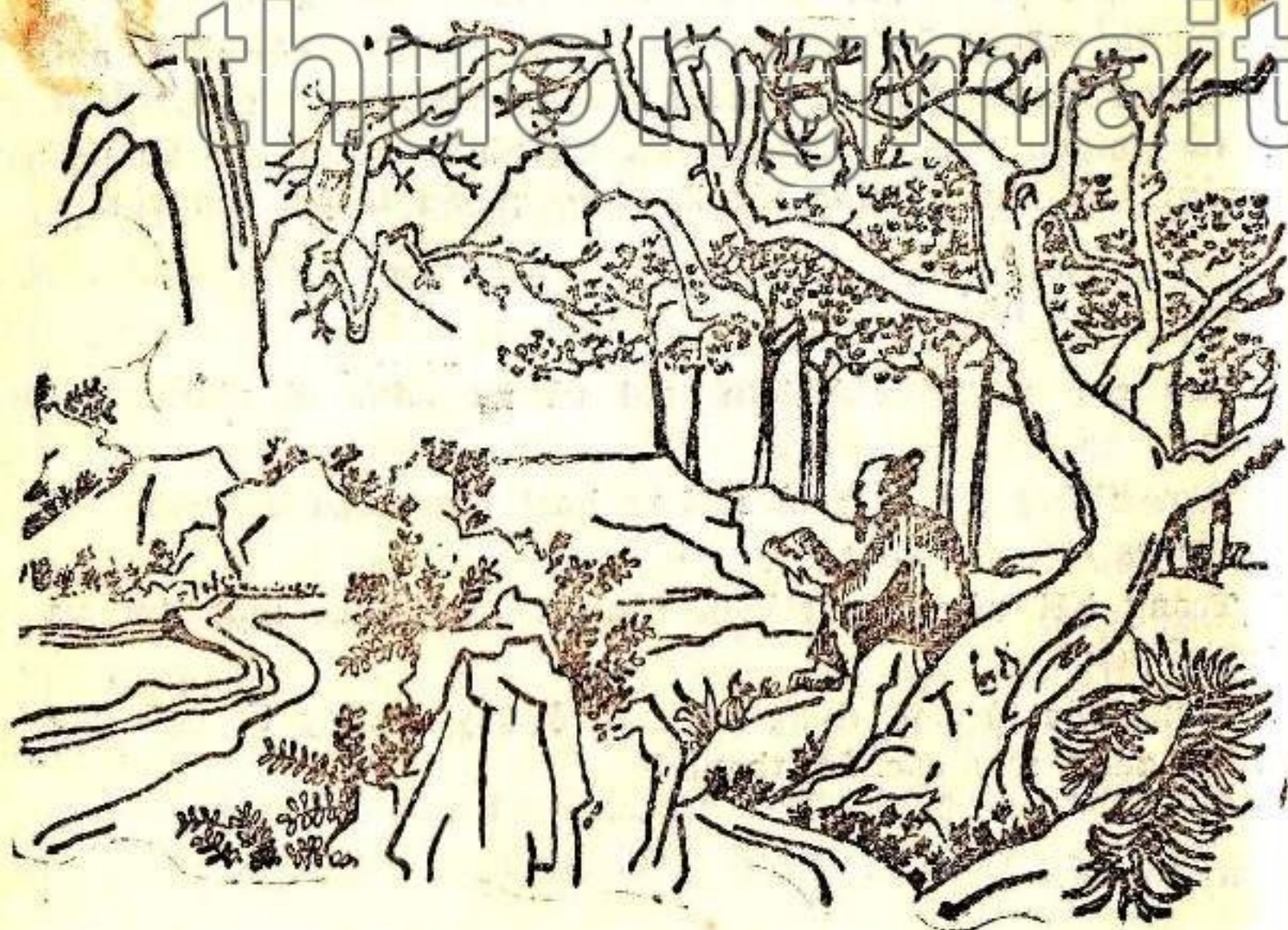
• Luyện tập

Tìm dàn bài chi tiết của bài văn này.

31. BÀI CA CÔN SƠN

Côn Sơn suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Côn Sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi đệm êm.
Trong ghềnh thông mọc như nêm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có bóng trúc râm,
Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.

NGUYỄN TRÃI
(Bản dịch « Thơ chữ Hán Nguyễn Trãi »)



★ Chú giải

— Bài này trích trong « Bản dịch thơ chữ Hán Nguyễn Trãi ». Tác giả sáng tác khoảng năm 1440—1442, lúc về nghỉ ở Côn Sơn.

— Côn Sơn: nay thuộc huyện Chí Linh tỉnh Hải Hưng, nơi có trang ấp của ông ngoại Nguyễn Trãi.

— Ghềnh: khúc sông có đá ngầm ngăn cản, làm cho nước chảy rất mạnh, thuyền bè khó qua lại, ở đây chỉ dãy núi đá thấp ở Côn Sơn.

— Thông mọc như nêm: thông mọc rất dày.

— Thơ nhàn: thơ nói về cuộc sống thanh thoi rỗi rãi

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: Côn Sơn, suối chảy rì rầm, tiếng đàn cầm, ghềnh, bóng trúc râm.

2. Đọc diễn cảm:

— Toàn bài thơ đọc giọng hơi trầm và nhẹ nhàng, các câu đều ngắt nhịp 2.

— Cặp câu thứ nhất đọc giọng trầm với các từ có thanh huyền: rì rầm, đàn cầm. Cặp câu thứ hai đọc giọng cao hơn một chút với các từ có thanh ngang: rêu, phơi, như, êm. Cặp câu thứ ba và thứ tư đọc giọng êm nhẹ, thoải mái, chú ý các từ có thanh bằng: thông, như, nêm, ta, lên, ta, nằm, và trong, rừng, màu, xanh, ta, ngâm, thơ, nhàn.

★ Tìm hiểu bài

1. Nêu những cảnh nên thơ ở Côn Sơn.

2. Mỗi cảnh gợi cho nhà thơ một cảm giác êm dịu. Em hãy tìm một câu tả cảnh đi kèm một câu tả tình để dẫn chứng.

3. Trong bốn câu 8, những động từ nào nói về động tác của nhà thơ? (chú ý các từ đứng sau đại từ ta). Những động tác ấy diễn ra theo một trật tự rất hợp lí, vì sao?

4. Thiên nhiên ở đây rất hòa hợp với tình người, những từ ngữ nào nói lên điều ấy?

★ Luyện tập

1. Học thuộc lòng cả bài.

2. Tìm những câu thơ có vẻ so sánh bằng từ như trong bài

32. DŨNG SĨ CỦA RỪNG XANH

(Bài đọc thêm)

Ở Trường Sơn, mỗi khi trời nổi gió thật là dữ dội. Những cây đại thụ có khi cũng bị bật gốc cuốn tung xuống vực thẳm. Giữa lúc gió đang gào thét ấy, cánh chim đại bàng vẫn bay lượn trên nền trời. Có lúc chim cup cánh lao vút đi như một mũi tên. Có lúc chim lại vẫy cánh, đập gió vút lên cao.

Vùng núi Trường Sơn, theo dọc sông Ba, có thể là xứ sở của loài chim lớn này. Chúng ta thấy rất ít trường hợp chúng bay đôi với nhau. Ngay cả những chú đại bàng con cũng vậy, ít khi bay cùng với cha hoặc mẹ. Có thể nói loài chim này, ngay khi mới tập bay, đã có tính độc lập rất cao. Bay ngược chiều gió đó là cách rèn luyện cho đôi cánh non nớt của nó trở nên cứng cáp.

Vào những buổi chiều gió nhẹ, những chú đại bàng con, được bố mẹ đậu trên các cây cao canh gác, yên trí tung mình đập gió mà tập bay. Cánh đại bàng vỗ vào không khí tạo ra những tiếng kêu vi vút, vi vút. Anh chiến sĩ đã gọi đó là dàn nhạc giao hưởng trên bầu trời. Mặc dù có sức khỏe, và được các loài chim nghiêng mình cúi chào, nhưng đại bàng cũng không cậy sức khỏe của mình để đàn áp các giống chim khác.

Xứng đáng với danh hiệu kẻ làm chủ bầu trời trong các loài chim, đại bàng phô màu cánh xanh biếc của mình phản chiếu ráng trời đỏ rực, báo hiệu một cơn gió lớn sắp xảy tới, hoặc mưa nguồn đang đổ về.

Đại bàng rất hiền lành, nhưng khi bị kẻ thù xâm phạm thì cũng chiến đấu rất quyết liệt. Người ta đã chứng kiến cảnh chim đại bàng đánh lại bầy khỉ định kéo nhau đến phá tổ. Vũ khí của nó là cặp mỏ nhọn, sải đầu cánh

và móng nhọn. Đại bàng có thể cắp những chú khỉ con bay lên cao rồi thả xuống đất, hoặc dùng vuốt nhọn xé chết. Dù sau đó có phải rời tổ bay đi nơi khác, chúng cũng không chịu để cho bầy khỉ vào cướp trứng của mình. Với sức khỏe tung hoành trên trời cao, đại bàng đáng được gọi là « dũng sĩ của rừng xanh ».

THIÊN LUONG

(Trích « Núi rừng Tây Nguyên »)

* Chú giải

- Dũng sĩ : kẻ khỏe mạnh và can đảm.
- Đại thụ : cây to lớn và vững chắc.
- Sông Ba : con sông lớn ở tỉnh Phú Khánh.
- Tính độc lập : ở đây ý nói tự mình làm lấy, không dựa vào người khác.
- Dàn nhạc giao hưởng : dàn nhạc gồm nhiều loại nhạc cụ và nhiều bè cùng phối âm với nhau.
- Vuốt : móng nhọn và cong.
- Tung hoành : dọc ngang. Ở đây ý nói bay mặc sức, bay thả hồ.

33. THÁC Y-A-LI

Chuyện lạ mà có thực. Ở Tây Nguyên có một hồ rộng mênh mông nằm trên dãy núi Chư-pa. Con sông Bô-cô chảy từ Kon Tum về, tới đây, bị dãy núi Chư-pa chắn ngang lại tạo nên một hồ nước tuyệt đẹp ở lưng chừng trời.

Ở phía bờ đông bắc, mặt hồ phẳng lặng như gương. Những cây gỗ tẻch xòe tán rộng soi bóng xuống mặt nước. Nhưng khi đến bờ tây, một khung cảnh hùng vĩ diễn ra trước mắt. Mặt hồ sóng chồm dữ dội, bọt tung trắng xóa, nước réo ào ào. Cách xa nửa ngày đường đã nghe tiếng nước réo, tưởng như có trăm vạn tiếng quân reo giữa núi rừng trùng điệp. Đó là do nguồn nước Bô-cô thúc mạnh vào sườn núi Chư-pa bắt núi phải cắt đôi. Nước ào ạt phóng qua núi rồi đổ xuống, tạo nên thác Y-a-li. Thác nước có độ dốc thẳng đứng, chảy mòn đá, tạo thành mười hai bậc từ trên đỉnh núi xuống mặt nước. Nước trút từ trên trời xuống, tạo nên một biển mù, đẹp tuyệt vời. Nhất là lúc sắp hoàng hôn, mặt trời xói thẳng vào dòng nước lấp lánh như người ta đang dát một mề vàng vừa luyện xong.

Thác Y-a-li, một thắng cảnh trên lưng chừng trời. Ở đây sẽ có nhà máy thủy điện và là nơi nghỉ mát vô

cùng hấp dẫn. Tới đây các bạn chẳng những được tắm mát, được ngắm cảnh đẹp mà chiều chiều còn được xem cảnh náo nhiệt của các chú tắc kè có cánh bay đi bắt muỗi trên bãi cỏ ven hồ và những cô chuột túi dụ con chuyền trên các cành cây hái quả.

HIÊN LƯƠNG

★ Chú giải

- Gỗ tẻch : tên một loại gỗ quý.
- Hùng vĩ : mạnh mẽ, lớn lao.
- Trùng điệp : hết lớp này đến lớp khác, liên tiếp nhau.
- Ao ạt : mạnh và nhanh, không sức nào cản nổi.
- Hoàng hôn : lúc xẩm tối.
- Thắng cảnh : cảnh đẹp nổi tiếng.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng : Chư-pa, gỗ tẻch, xòe tán rộng, sóng chồm dữ dội, hoàng hôn, bắt muỗi, chuột túi, dụ con.

2. Đọc diễn cảm :

— Toàn bài đọc thông thả ; từng vế, từng câu phải thật rõ ; chú ý đọc nhấn mạnh những từ ngữ, hình ảnh sau đây để làm nổi bật vẻ đẹp của cảnh vật trong bài tả :

- a) rộng mênh mông, chắn ngang lại, tuyệt đẹp, lưng chừng trời.
- b) phẳng lặng như gương, xòe tán rộng, soi bóng, khung cảnh hùng vĩ, sóng chồm dữ dội, bọt tung trắng xóa, nước réo ào ào, phóng qua núi, thẳng đứng, biển mù, lấp lánh.
- c) lưng chừng trời, vô cùng hấp dẫn, náo nhiệt.

★ Tìm hiểu bài

1. Hồ nước trên dãy núi Chư-pa được hình thành như thế nào ?
2. Cảnh hồ đẹp ra sao ? Những từ ngữ nào tả hình ảnh màu sắc, âm thanh trong đoạn này ?

3. Chỉ tiết nào nêu lên vẻ đẹp độc đáo của thác?
4. Ngoài vẻ đẹp của thác, ở đây còn có gì hấp dẫn khách du lịch?

★ **Luyện tập**

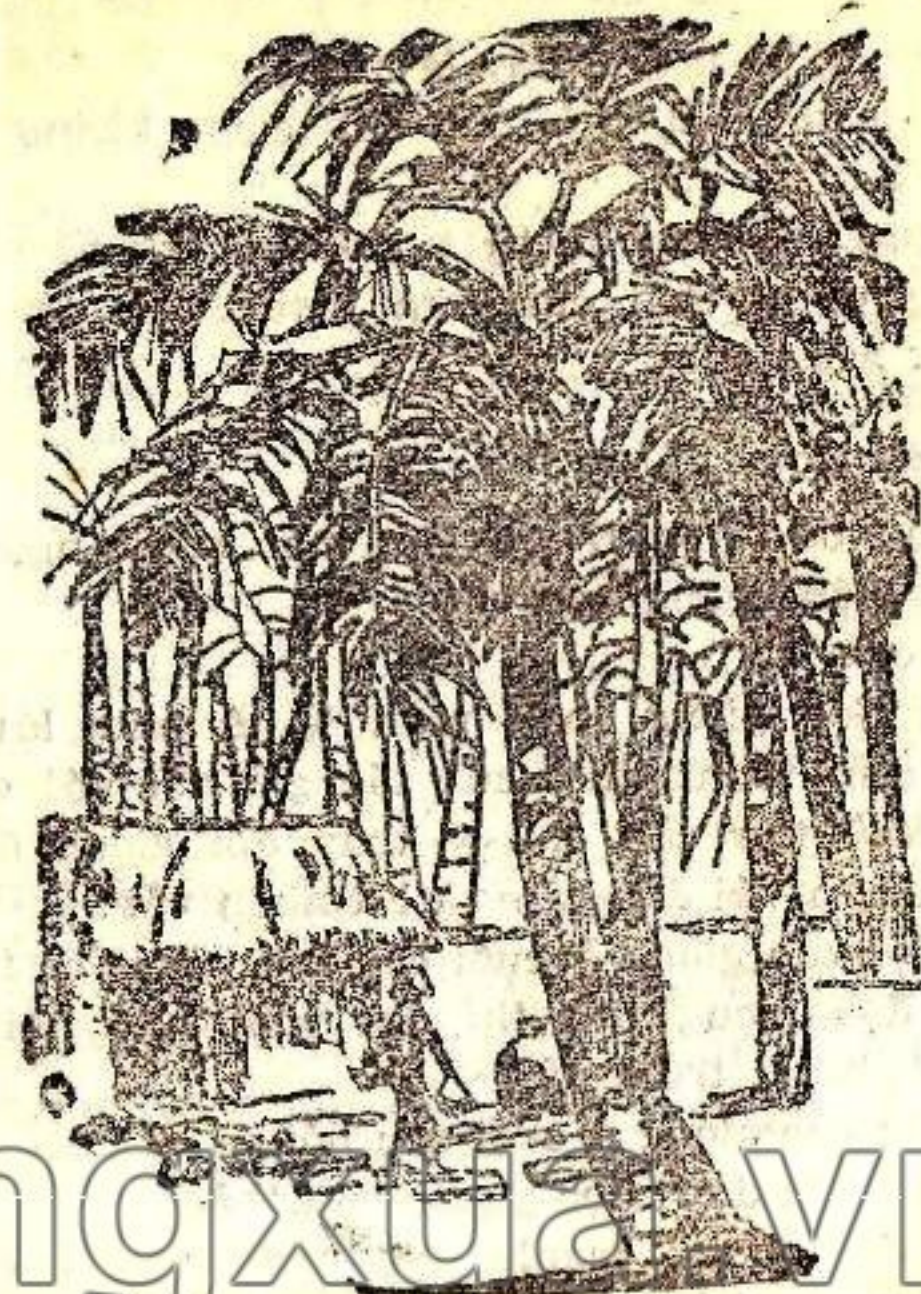
— Lập dàn bài chỉ tiết của bài văn này.

34. DỪA ƠI!

Tôi lớn lên đã thấy dừa trước ngõ
 Dừa ru tôi giấc ngủ tuổi thơ.
 Cứ mỗi chiều nghe dừa reo trước gió,
 Tôi hỏi nội tôi: « Dừa có tự bao giờ? »
 Nội nói: « Lúc nội còn con gái
 Đã thấy bóng dừa mát rượi trước sân.
 Đất nà, xưa đầm lầy chua mặn,
 Đồi đồi nghèo cay đắng quanh năm ».

Dừa ơi dừa người bao nhiêu tuổi
 Mà lá tươi xanh mãi đến giờ?
 Tôi nghe gió ngàn xưa đang gọi
 Xào xạc lá dừa hay tiếng gươm khua.

Vẫn như xưa, vườn dừa quê nội,
 Sao lòng tôi bỗng thấy yêu hơn,
 Ôi, thân dừa đã hai lần máu chảy
 Biết bao đau thương, biết mấy oán hờn.



Dừa vẫn đứng hiên ngang cao vút,
 Lá vẫn xanh rất mực dịu dàng,
 Rễ dừa bám sâu vào lòng đất
 Như dân làng bám chặt quê hương,

Tôi ngược nhìn mùa xuân nắng rọi
 Bốn mặt quê hương giải phóng rồi,
 Tôi bỗng thấy nội tôi trẻ lại
 Như thời con gái tuổi đôi mươi
 Như hàng dừa trước ngõ nhà tôi.

LÊ ANH XUÂN
 (Trích « Hoa Dừa »)

★ Chú giải

- **Nội**: ông nội, bà nội. Ở đây là bà nội.
- **Hai lần máu chảy**: ý nói hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.
- **Hiên ngang**: có thái độ tự tin, không khuất phục. Ở đây ý nói thế đứng vững chãi của đờn trước bão dông, lửa đạn.
- **Rất mực**: hết sức.

★ Hướng dẫn đọc

1. **Đọc đúng**: đờn reo trước gió, mát rượi, người bao nhiêu tuổi, oán hờn, hiên ngang, cao vút.
2. **Đọc diễn cảm**:
 - Toàn bài đọc giọng chân mật, tỉ tê như lời tâm sự để diễn tả tình cảm thâm thiết của tác giả đối với quê hương.
 - Ở từng khổ thơ cần chú ý thay đổi giọng đọc một cách linh hoạt, phù hợp với dấu câu và lời nhân vật:
 - + Khổ 1: đọc cao giọng ở cuối câu hỏi « Đờn có tự bao giờ? »
 - + Khổ 2: đọc giọng thủ thỉ, âu yếm như lời bà nói với cháu: « Lúc nội còn... trước sân ».
 - + Khổ 3: đọc cao giọng ở cuối câu hỏi.
 - + Khổ 4: hai câu dưới đọc giọng căm thù.
 - + Khổ 5: đọc giọng mạnh mẽ, nhấn mạnh các từ ngữ: hiên ngang, bám sâu, bám chặt.
 - + Khổ 6: chuyển sang giọng vui, tin tưởng.

★ Tìm hiểu bài

1. Những câu thơ nào cho em biết: từ lâu đời, đờn đã có ở đây?
2. Vãn vườn đờn xưa, sao tác giả lại thấy yêu hơn?
3. Những từ ngữ nào cho biết: qua hai cuộc chiến tranh kẻ thù vẫn không tiêu diệt được đồng bào và vườn đờn quê hương?
4. Tại sao khi quê hương được giải phóng, tác giả lại thấy người và đờn trẻ lại?
5. Bài thơ này thuộc thể thơ nào? Vãn gieo ở vị trí nào của câu?

★ Luyện tập

1. Học thuộc lòng 4 khổ thơ do em tự chọn.
2. Tìm trong bài một khổ thơ được gieo vần chặt chẽ nhất.

35. VƯỢT GHÈNH

(Bài đọc thêm)

Ở đầu nguồn, con sông Thu Bồn chui ngang qua núi Thạch Bích giữa hai vách núi dựng đứng, thẳng tắp, không một vết lồi lõm, nhìn xa như một công trời cao vút. Ra khỏi Thạch Bích, con sông vẫn phải tả xông hũu đột giữa lớp lớp núi non trùng điệp. Những ngọn sóng lực lưỡng quất thẳng cánh vào đá bóng nhoáng. Chùng vùng vẫy, nhảy nhót, nhào lộn, nỗ sùng ùng oang rồi kéo nhau vút chạy giống như đàn ngựa phi nước đại.

Bác Cự đứng khom khom trước mũi bè, mắt dán về phía trước, hai tay nắm chặt chiếc sào tre như chực đâm một con thú dữ. Chợt mũi bè chúi xuống, đuôi bè chổng lên, chiếc bè quắn quại. Nước gầm réo văng bọt tứ tung. Bác Cự thét to:

— Ghềnh đó! Coi chừng!

Đằng trước, một mũi đá nhọn hoắt đang hút bè lao tới. Bác Cự vừa thét xong, hai mũi sào bịt sắt của bác Cự và của chú Hai chạm vào đá nghe một tiếng « roạt » ghê rợn. Hai chiếc sào bị nống vào đá cong lại như hai cây cung. Mũi bè chỉ còn cách mũi đá vài phân. Bè quay vòng như lúng túng không hiểu vì sao mình chưa tan ra từng mảnh.

Trưa hôm sau bè ra khỏi núi. Con sông Thu Bồn chọt rộng ra, thở phào, trôi khoan thai giữa hai bờ đàu xanh, dang tay ôm vào lòng đất Gò Nồi rồi từ từ đỏ ra bề.

VÕ QUANG

(Trích « Quê nội »)

những gốc cọ, dường như cọ sợ mía tiến công, ngọn cọ nào cũng cố vút lên cao tít. Có khi đến hàng chục cây sồi, mía chen chúc nhau không một khe nào hở. Thỉnh thoảng lắm mới có một con đường nhỏ thọc sâu vào rừng mía thăm, bí hiểm vô cùng.

... Xe chúng tôi dừng lại bên một cánh đồng mía mới. Mía đầy tuổi tới. Mía xā hội chủ nghĩa đấy. Giống mía ở đây chọn giống tốt nhất của tỉnh Ca-ma-guây trù phú. Cây mía to, giống mía bầu, mầm tròn lồi lên. Mía trồng dày lắm, nhưng gọn mắt và đều cây hơn. Lại nhất là quanh ruộng mía ở đây có đào hào sâu, mùa nay khô, vốn để dẫn nước tưới. Và khắp bốn chung quanh ruộng mía bao la, cả một cánh đồng dài năm bảy cây sồi, người ta đóng cọc, chằng dây, ngăn bò vào húc mía, vì hợp tác xã ở đây đang phát triển chăn nuôi hàng mấy trăm con bò lấy thịt, sữa và lấy phân chuồng. Cọc bằng gỗ vót nhọn, bào nhẵn, sơn tuyến vàng thắm, như để làm duyên với mía.

Lớp mía đầu tiên được người nâng giắc, cho bủ, cho ăn, chần chút hơn xưa.

THIỆP MỚI

(Trích « Hiên ngang Cu-ba »)

★ Chú giải

— *Giang sơn*: núi sông. Ở đây ý nói vùng đất chuyên canh của mía.

— *Đầy tuổi tới*: tròn một năm.

★ Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng*: xuyên hòn đảo, loang loáng một màu xanh rì, vút lên cao tít, Ca-ma-guây.

2. *Đọc diễn cảm*:

— Toàn bài đọc giọng phấn khởi, sôi nổi, diễn tả đúng tình cảm của tác giả thể hiện qua lời văn đầy hào hứng, nồng nhiệt.

— *Đoạn 1*: đọc với nhịp điệu khẩn trương, giọng sôi nổi diễn tả sự lướt qua nhanh chóng khi tác giả quan sát đồng mía từ trên ôtô chạy nhanh, chú ý các từ ngữ: *một trăm hai mươi cây sồi một giờ, loang loáng một màu xanh rì, không bờ ruộng, không chân trời*, và đọc nhấn mạnh các động từ dùng để nhân hóa cây mía như: *đuôi ra, bủa vây, tiến công, chen chúc*, nhằm nêu bật thế mạnh của mía.

— *Đoạn 2*: chuyển sang đọc giọng khúc chiết từng câu, thể hiện sự quan sát chính xác, tỉ mỉ khi tác giả đứng tại chỗ, chú ý các từ ngữ: *cây to, giống bầu, mầm tròn lồi lên, hào sâu, gỗ vót nhọn, bào nhẵn*.

★ Tìm hiểu bài

1. Mía Cu-ba nhiều quá. Từ ngữ nào nói lên điều đó?
2. Những câu nào cho ta thấy mía ở đây có sức sống mãnh liệt?
3. Giống mía mới ở Cu-ba có những đặc điểm gì?
4. Những chi tiết nào chứng tỏ mía ở đây được chăm bón, bảo vệ theo quy mô lớn?
5. Trong bài này có những từ ngữ nào được dùng để nhân hóa cây mía? Dùng như thế có tác dụng gì?

★ Luyện tập

1. Em hãy chia bài này thành từng đoạn và đặt tên cho mỗi đoạn.
2. Tìm những chỗ có vẻ so sánh bằng từ *như* và cho biết cách so sánh này có lợi gì trong khi miêu tả?
3. Ôn những bài học thuộc lòng từ tuần 8 đến tuần 12.

37. NÀNG CÔNG CHÚA HA-BA-NA

(Bài đọc thêm)

Công thành vừa mở thi một thanh niên tuần tú, mặt hoa da phấn, cưỡi ngựa, mang cung phóng vút ra. Đó là công chúa Ha-ba-na, nàng dũng sĩ!

38. MÙA THẢO QUẢ

Thảo quả trên rừng Đản Khao đã vào mùa.

Gió tây lướt thướt bay, qua rừng, quyến hương thảo quả đi, rải theo triền núi, đưa hương thảo quả ngọt lịm thơm nồng vào những thôn xóm Chin San. Gió thơm. Cây cỏ thơm. Đất trời thơm. Người đi từ rừng thảo quả về, hương thơm đậm, ủ ấp trong từng nếp áo, nếp khăn.

Thảo quả trên rừng Đản Khao đã chín nục. Chẳng có thứ quả nào hương thơm lại ngây ngất kì lạ đến như thế. Mới đầu xuân năm kia, những hạt thảo quả gieo trên đất rừng, qua một năm bỏ mặc, đã lớn cao tới bụng người; một năm sau nữa, từ một thân lẻ, thảo quả đâm thêm hai nhánh mới. Sự sinh sôi sao mà mạnh mẽ vậy, thoáng cái, dưới bóng râm của rừng già, thảo quả sầm uất từng khóm râm lan tỏa nơi tầng rừng thấp, vươn ngọn, xòe lá, lấn chiếm không gian.

Sự sống cứ tiếp tục trong âm thầm, hoa thảo quả nẩy dưới gốc cây kín đáo và lặng lẽ. Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng bắt đầu kết trái. Thảo quả chín dần. Dưới tầng đáy rừng, tựa như đột ngột, bỗng rực

lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, bóng bầy như chưa lửa, chưa nắng. Rừng ngập hương thơm. Rừng sáng như có lửa hắt lên từ dưới đáy rừng.

Rừng say ngây và ấm nóng. Thảo quả như những đốm lửa hồng, ngày qua ngày lại thắp thêm nhiều ngọn mới, nhấp nháy vui mắt.

MA VĂN KHÁNG

★ Chú giải

— *Thảo quả*: tên một thứ cây có quả gần giống quả trám, lúc chín màu đỏ rực, tỏa mùi thơm ngào ngạt, dùng làm thuốc và gia vị.

— *Vào mùa*: bắt đầu mùa gặt hái, thu hoạch.

— *Đản Khao*: tên vùng đất thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn.

— *Chín nục*: chín đến mức mềm ra, nhừ ra.

— *Sầm uất*: um tùm, rậm rạp.

— *Tầng rừng thấp*: rừng có 3 tầng: tầng cao gồm các loại cây to, thân cao vút, tầng giữa gồm các loại cây có độ cao trung bình, tầng thấp gồm các loại cây bụi và dây leo. Thảo quả thuộc loại cây ở tầng rừng thấp.

★ Luyện đọc

1. *Đọc đúng*: lướt thướt, trên đất rừng, sầm uất, khóm râm, lấn chiếm không gian, mưa rây bụi.

2. *Đọc diễn cảm*:

— Đoạn đầu đọc thông thả, giọng vui, say sưa, nhấn mạnh các từ ngữ: *hương thảo quả, ngọt lịm, thơm nồng* và điệp từ *thơm* trong các câu ngắn, để diễn tả niềm vui vào mùa.

— Đoạn giữa (Thảo quả... chín nục. Chẳng có... dưới đáy rừng) đọc nhanh hơn, với giọng kể chuyện, nhấn mạnh các từ ngữ: *mới đầu xuân năm kia, một năm sau, thoáng cái, tiếp tục trong âm thầm, ngày qua*, để diễn tả sự phát triển nhanh chóng của thảo quả.

— Đoạn cuối trở lại giọng đọc vui, nhấn mạnh các từ tả vẻ đẹp của rừng thảo quả: *đốm lửa hồng, nhấp nháy vui mắt*.

★ Tìm hiểu bài

1. Thảo quả báo hiệu vào mùa bằng cách nào? Từ *huơng* và từ *thơm* được nhắc lại nhiều lần diễn tả được điều gì?
2. Từ khi gieo hạt đến lúc quả chín, cây thảo quả phát triển rất nhanh. Những từ ngữ nào nói lên ý đó?
3. Thảo quả ra hoa và quả chín như thế nào? Những câu nào miêu tả đặc điểm ấy?
4. Khi thảo quả chín, rừng có những hình ảnh nào đẹp mắt?

★ Luyện tập

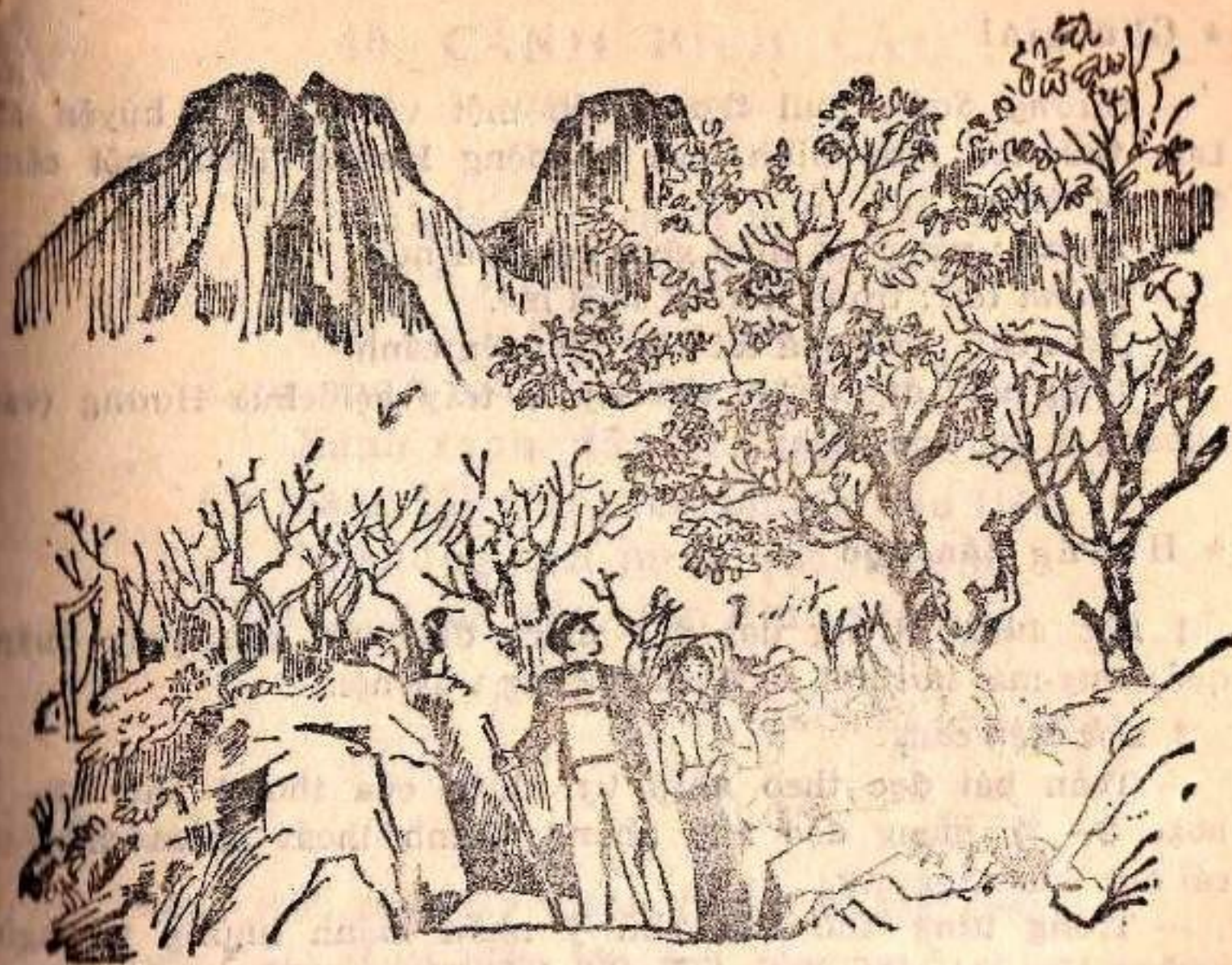
1. Học thuộc lòng: từ « Sự sống cứ tiếp tục... » đến hết bài.
2. Tìm những câu có vị ngữ giống nhau trong đoạn 1. Vị ngữ ấy được lặp lại với dụng ý gì?

39. RỪNG MƠ

Giữa mùa hoa mơ nở
Bước chân vào Hương Sơn
Núi vì hoa, trẻ mãi
Đời đời tên Núi Thơm.

Rừng mơ ôm lấy núi
Mây trắng đọng thành hoa
Gió chiều đông gợn gợn
Hương bay gần bay xa...

Trên thung sâu vắng lặng
Những dải hoa thanh tân
Uống dạt dào mạch đất
Đang kết một mùa xuân
Rồi quả vàng chín chít
Như trời sao quáy quẩn.



Sáng xuân người trẩy hội
Nghe khát vị mơ chua
Quả rừng mát hơi núi
Hãy còn vương mùi hoa.

Có người bạn xa nước
Yêu sông núi chúng ta
Mùa xuân cũng trẩy hội
Gửi mơ về quê nhà.

TRẦN LÊ VĂN

(Trích tập « Thơ chùa Hương »)

★ Chú giải

— *Hương Sơn*: (núi thơm) tên một vùng núi ở huyện Mĩ Đức tỉnh Hà Sơn Bình, nơi có động Hương Tích, một cảnh đẹp nổi tiếng.

— *Thung*: vùng đất thấp giữa các hòn núi.

— *Thanh tân*: trong trẻo và mới mẻ.

— *Chiu chít*: nói quả sai dày đặc trên cành.

— *Trầy hội*: đi dự hội. Ở đây là trầy hội chùa Hương (vào khoảng tháng 3 âm lịch).

★ Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng*: Uống dạt dào mạch đất, trời sao quây quần, quả rừng mát hơi núi, mùa xuân cũng trầy hội.

2. *Đọc diễn cảm*:

— Toàn bài đọc theo nhịp tự nhiên của thơ 5 chữ (3—2 hoặc 2—3), giọng đọc nhẹ nhàng, thanh thoát nhằm diễn tả cái đẹp của rừng mơ.

— Trong từng khổ thơ, chú ý nhấn mạnh những từ ngữ, những câu gợi cảm như: *trẻ mãi*, *Núi Thơm* (khổ 1); *ôm*, *đong hương bay gần bay xa* (khổ 2); *uống dạt dào*, *kết*, *chiu chít* như *trời sao* (khổ 3); *nghe khát*, *mát*, *vương* (khổ 4); *gửi sông núi chúng ta*, *trầy hội*, *gửi mơ về* (khổ 5).

★ Tìm hiểu bài

1. Rừng mơ đẹp nhất vào lúc nào? Những câu thơ nào tả vẻ đẹp của rừng mơ đang mùa hoa nở?

2. Bốn câu đầu trong khổ thơ thứ ba ý nói gì? Hai câu sau tả rừng mơ vào thời kì nào?

3. Khổ thơ 4 nêu lên được hương vị gì của mơ Hương Sơn?

4. Rừng mơ Hương Sơn đã gửi những quả vàng hữu nghị của nó đến những nơi xa. Câu thơ nào cho ta biết điều đó?

★ Luyện tập

1. Tìm vần trong khổ thơ thứ 3 và thứ 5.

2. Em diễn đạt bằng văn xuôi khổ thơ thứ 3 theo hiểu biết của em.

40. CẢNH BÍCH CẦU

(Bài đọc thêm)

Thành tây có cảnh Bích Cầu
Cỏ hoa góp lại một bầu xinh sao.
Đưa chen thu cúc xuân đào
Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông
Xanh xanh dãy liễu ngàn thông
Cỏ loang lối mục, rêu phong dấu tiêu.
Một vùng non nước quanh hiu,
Phất phơ gió trúc, dập dìu mưa hoa.

Trích « Bích Cầu kì ngộ »

★ Chú giải

— *Thành tây*: phía tây thành (thành Thăng Long).

— *Bích Cầu*: (ngôi biếc) tên một phường ở phía tây thành Thăng Long, nay còn di tích ở phố Cát Linh và phố Bích Cầu Hà Nội.

— *Lối mục*: lối chân đất trâu bò, để cừu... đi ăn.

— *Dấu tiêu*: dấu vết những người đi hái củi. Bây giờ Bích Cầu ở giữa Hà Nội, không còn « lối mục » và « dấu tiêu » nữa.

— Truyện Bích Cầu kì ngộ ra đời vào thế kỉ 18, trước kia chưa biết tác giả, nay có ý kiến cho rằng tác giả là Vũ Quốc Trân.

41. SẦU RIÊNG

Sầu riêng là loại trái quý, trái hiếm của miền Nam. Hương vị nó hết sức đặc biệt, mùi thơm đậm, bay rất xa, lâu tan trong không khí. Còn hàng chục mét mới tới nơi để sầu riêng, hương đã ngào ngạt xông vào cánh mũi. Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín quện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt cái vị của mật ong già hạn. Hương vị quện rũ đến kì lạ.

Hoa sầu riêng nở vào cuối năm. Gió đưa hương thơm ngát như hương cau, hương bưởi tỏa khắp khu vườn. Hoa đậu từng chùm, màu tím ngát. Cánh hoa nhỏ như vảy cá, hao hao giống cánh sen con, lác đác vài nhụy li ti giữa những cánh hoa. Mỗi cuống hoa ra một trái. Nhìn trái sầu riêng lủng lẳng dưới cành trông giống những tổ kiến. Mùa trái rộ vào dạo tháng tư, tháng năm ta.

Đứng ngắm cây sầu riêng, tôi cứ nghĩ mãi về cái dáng của giống cây kì lạ này. Thân nó khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột, thiếu cái dáng cong dáng nghiêng, chiều quăn, chiều lượn của cây xoài cây nhãn. Lá nhỏ xanh vàng, hơi khép lại, tưởng như lá héo. Vậy mà khi trái chín, hương tỏa ngọt ngào, vị ngọt đến đam mê.

MAI VĂN TẠO

★ Chú giải

— Sầu riêng: một loại cây có quả gần giống quả mít, mùi to, nhưng hương vị thơm ngon đặc biệt.

— Hao hao giống: gần giống.

— Khẳng khiu: gầy gò và sắt lại.

— Đam mê: ham thích đến say mê.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: sầu riêng, quện với hương bưởi, quện rũ, khẳng khiu, thẳng đuột, chiều quăn chiều lượn, cây xoài cây nhãn.

2. Đọc diễn cảm:

— Toàn bài đọc chậm rãi, nhấn từng vế, từng câu để người nghe hình dung được rõ nét những cái kì lạ của một giống cây đặc sản.

— Đoạn đầu đọc nhấn mạnh các từ ngữ: *thơm đậm, bay rất xa, lâu tan, béo trứng gà, ngọt mật ong*, để diễn tả hương vị đặc biệt của trái sầu riêng.

— Đoạn giữa đọc nhấn mạnh các từ ngữ: *thơm ngát, từng chùm, tím ngát, như vảy cá, nhụy li ti, lủng lẳng dưới cành, giống tổ kiến*, để nêu bật vẻ đẹp riêng biệt của hoa, hình dáng lạ của quả.

— Đoạn cuối đọc nhấn mạnh các từ tả hình dáng của cây: *khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột, lá nhỏ xanh vàng, hơi khép, héo* và hương vị của quả: *ngọt ngào, vị ngọt đến đam mê*.

★ Tìm hiểu bài

1. Tìm những từ ngữ nói lên hương vị đặc biệt của quả sầu riêng. Tác giả đã so sánh hương vị của sầu riêng với những gì?

2. Hoa sầu riêng có những nét gì đẹp?

3. Cây sầu riêng có dáng vẻ gì khác cây xoài, cây nhãn?

4. Tác giả có ý chê cái dáng không đẹp của cây và lá. Em hãy tìm những từ ngữ để dẫn chứng.

5. Em cho biết chê như thế nhằm mục đích gì?

★ Luyện tập

1. Tìm trong bài văn những từ ngữ tả mùi thơm.
2. Tìm một số ví dụ về lối nói tương phản (trong các bài văn đã học hoặc đã đọc). Ví dụ: «Đại bàng rất hiền lành nhưng khi bị kẻ thù xâm phạm thì cũng chiến đấu rất quyết liệt» (trong bài «Dũng sĩ của rừng xanh»).

42. MÙA HOA BUỔI

Mỗi mùa xuân thơm lừng hoa buổi
Rắc trắng vườn nhà những cánh hoa vương
Em lại nhớ ngày anh ra trận
Cũng giữa mùa hoa buổi ngát hương.

Cây buổi đào hai cành anh chiết
Em đã cắt trồng bên cạnh giếng khơi
Qua ba năm sau, nhanh quá nhỉ
Buổi em trồng cành lá đã xanh tươi.

Đẹp lắm anh ơi! Con sông Ngân Phố!
Sáng cả đôi bờ hoa buổi trắng phau!
Nay mai những chuyến đò xuôi ngược
Buổi quê mình rời bến nối đuôi nhau...

Chân anh đi khắp rừng khắp núi
Mỗi nẻo đường, mỗi xóm làng xa
Hắn đâu cũng thơm mùi hoa buổi
Hương vị non sông, hương vị quê nhà.

Trích TÔ HÙNG

★ Chú giải

- Sông Ngân Phố ở Nghệ Tĩnh.
- Buổi đào: giống buổi ruột có màu phơn phớt đỏ như màu hoa đào.
- Chiết: bóc một khoanh vỏ ở cành, bọc đất lại cho mọc rễ rồi cắt ra đem trồng.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng:
 - Thơm lừng hoa buổi, rắc trắng vườn nhà, chuyến đò xuôi ngược.
 - Qua ba năm sau/ nhanh quá nhỉ//
 - Nay mai/ những chuyến đò xuôi ngược//
2. Đọc diễn cảm:
 - Khổ 1: đọc giọng say sưa, nhấn mạnh các từ thơm lừng, rắc trắng vườn nhà, ngát hương.
 - Khổ 2 và 3: đọc giọng phần khởi, âu yếm, thể hiện tình cảm của người ở nhà đối với người đi chiến đấu nơi xa.
 - Khổ 4: đọc giọng sôi nổi, tự hào, chú ý nhấn mạnh các từ được lặp lại: khắp khắp, mỗi mỗi, hương vị hương vị để diễn tả bước chân của người đi chiến đấu trên khắp miền đất nước thơm ngát hương buổi mùa xuân.

★ Tìm hiểu bài

1. Hoa buổi nở vào mùa nào? Khi hoa buổi nở, vườn cây đẹp như thế nào?
2. Mùa hoa buổi ở đây đã gợi lên kỉ niệm gì của người ở nhà đối với người ra trận?
3. Tại sao con sông Ngân Phố lại sáng cả đôi bờ. Từ ngữ nào cho ta biết buổi ở đây nhiều vô kể?
4. Trong khổ thơ cuối có những từ nào được lặp lại nhiều lần? Lặp lại như vậy diễn tả được điều gì?
5. Em cho biết câu «Hắn đâu cũng thơm mùi hoa buổi» nói lên ý gì?

★ Luyện tập

1. Học thuộc cả bài.
2. Tìm những từ, những câu nói về hương thơm và màu đẹp của hoa buổi trong bài này.

43. CAU ĐÓ VỀ ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ

(Bài đọc thêm)

- Cây khô mà nở được hoa,
Đậu được một quả khi già khi non.
(Là cái gì)
- Có sống mà chẳng có lưng,
Có lưỡi, có mũi mà không có mồm.
(Là cái gì)
- Thân em xưa ở bụi tre,
Mùa đông xếp lại, mùa hè mở ra.
(Là cái gì)
- Quanh quanh mây lượn từ bề,
Tròn như mặt nguyệt, mưa về nắng ra.
(Là cái gì)
- Đầu tròn trũng trục
Đuôi dài lê thê
Khắp chợ cùng quê
Đâu đâu cũng có.
(Là cái gì)
- Ba cây sinh một trái
Không biết mấy triệu hạt.
(Là cái gì)

★ Chú giải

- Cây khô: ở đây chỉ một vật có chiều dài có thể bằng gỗ mà cũng có thể bằng sắt thép.
- Sống: chỗ dày nhất, vững chắc nhất của một vật (sống lưng).
- Tứ bề: bốn bên, chung quanh.
- Mặt nguyệt: mặt trăng.
- Tròn trũng trục: tròn nhưng thò.
- Dài lê thê: dài nhưng không đẹp.

TUẦN 18

44. SÂN CHIM

Thuyền chúng tôi xuôi theo dòng nước về hướng Năm Căn. Đó là xứ tiền rừng bạc biển. Tôi đang ở trong mũi thuyền, bỗng có tiếng gọi:

— Mau ra coi, An ơi! Gần tới sân chim rồi.

Tôi vội ra khoang trước nhìn. Xa xa từ vệt rừng đen, chim cất cánh tua tủa bay lên, giống hệt đàn kiến từ lòng đất chui ra, bò li ti đen ngòm lên da trời.

Càng đến gần, những đàn chim đen bay kín trời, cuốn theo sau những luồng gió vút làm tôi rối lên, hoa cả mắt. Mỗi lúc tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xúc những rô tiền đồng. Chim đậu chen nhau trắng xóa trên những đầu cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá. Cồng cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa. Chim gà đay, đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám, trầm tư rút cổ nhìn xuống chân. Nhiều con chim rất lạ to như con ngỗng đậu đến quấn nhánh cây.

Chim tập trung về đây nhiều không thể nói được. Chúng đậu và làm tổ thấp lắm, đứng dưới gốc cây có thể thò tay lên tổ nhặt trứng một cách dễ dàng. Xa xa chấp thoảng có người quây giò, cầm sào trúc đề bắt chim, coi bộ dễ hơn bắt gà nhốt trong chuồng.

Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe nhau được nữa. Thuyền chúng tôi tiếp tục chèo, đi tới ba nghìn thước rồi mà vẫn thấy chim đậu trắng xóa trên những cành cây gié sát ra sông.

ĐOÀN GIỚI

(Trích « Đất rừng phương nam »)

★ Chú giải

— Sân chim: nơi chim tập trung rất đông và đủ mọi giống mọi loài.

— Năm Căn: tên một huyện trong tỉnh Minh Hải.

— Tiếng xúc rồ tiền đồng: tiền ngày xưa đúc bằng đồng, khi xúc vào rồ, tiếng loảng xoảng, leng keng tạo nên âm thanh vui tai.

— Vũ nữ: người con gái làm nghề nhảy múa trong xã hội cũ.

— Trầm tư: đắm đắm suy nghĩ.

— Gié: vươn dài ra xa (tiếng địa phương).

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: trong mũi thuyền, khoang trước, từ lòng đất chui ra, chen nhau trắng xóa, trầm tư, rứt cổ, quần nhún cây, gié sát ra sông.

2. Đọc diễn cảm:

— Toàn bài đọc thông thả theo giọng kể chuyện.

— Đoạn 1: chú ý thay đổi giọng đọc cho phù hợp ngữ điệu của người gọi trong câu « Mau ra coi... chim rồi. »

— Đoạn 2: đọc giọng sôi nổi hơn, nhấn mạnh các từ ngữ: bay kín trời, hoa cả mắt, náo động, chen nhau trắng xóa, vũ nữ, ông thầy tu, rất lạ... để nêu bật cảnh đông đúc và lạ mắt ở sân chim.

— Đoạn 3: đọc thông thả với giọng kể chuyện, nhấn mạnh các từ ngữ: nhiều không thể nói, thò tay lên tở, dễ hơn bắt gà nhốt, chim đậu trắng xóa, để diễn tả những thuận lợi đặc biệt trong việc thu hoạch nguồn lợi của sân chim.

★ Tìm hiểu bài

1. Em hãy tìm những từ ngữ tả cảnh đông đúc của sân chim khi nhìn từ xa.

2. Khi đến gần, cảnh sân chim náo nhiệt như thế nào? Những từ ngữ nào diễn tả cụ thể âm thanh náo động của tiếng chim?

3. Ở sân chim có những hình ảnh nào lạ mắt? Tìm 3 câu văn có từ như trong đoạn tả này.

4. Việc lấy trứng, bắt chim ở đây có những thuận lợi gì?

5. Trong bài này, tác giả tường thuật theo thứ tự nào? Dẫn chứng?

★ Luyện tập

1. Tìm trong bài những câu có vẻ so sánh bằng từ như.

2. Tìm dàn ý của bài này.

45. HÀNH TRÌNH CỦA BẦY ONG

Với đôi cánh đậm nắng trời
Bầy ong bay đến trọn đời tìm hoa
Không gian là nẻo đường xa
Thời gian vô tận mở ra sắc màu

Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu
Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban
Tìm nơi bờ biển sóng tràn
Hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa
Tìm nơi quần đảo khơi xa
Có loài hoa nở như là không lên...

Bầy ong giống ruồi trăm miền
Rù rì đôi cánh nổi liền mùa hoa

Nổi rừng hoang với biển xa
Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào
(Nếu hoa còn ở trời cao
Thì bầy ong cũng mang vào mật thơm)

Chất trong vị ngọt mùi hương
Lặng thầm thay những con đường ong bay.
Trải bao mưa nắng với đầy
Men trời đất đủ làm say đất trời.
Bầy ong giữ hộ cho người
Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày.

NGUYỄN ĐỨC MẬU

★ Chú giải

- Hành trình: đường phải qua trong một chuyến đi. Ở đây chỉ những quãng đường ong đi lấy mật.
- Đăm: ướt sũng, ở đây ý nói đôi cánh ong suốt ngày tắm trong ánh nắng.
- Giọng ruồi: đi nhanh và đi nhiều nơi trên đường dài.
- Rù rì đôi cánh: đôi cánh bay càn cù, chăm chỉ, phát ra tiếng động nhỏ.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: thăm thăm rừng sâu, hoa chuối, sóng tràn, chán bão, giọng ruồi trầm miền.
2. Đọc diễn cảm:
 - Khổ thơ đầu (4 câu): đọc giọng khỏe, chắc, nhấn mạnh các từ ngữ: *đăm nắng trời, bay trọn đời, không gian, thời gian vô tận*, nhằm nêu bật đức tính bền bỉ, nhẫn nại của bầy ong.
 - Khổ 2 (6 câu tiếp): đọc khúc chiết từng cặp câu theo nhịp 2, giọng đều đặn, nhấn mạnh các điệp ngữ *tìm nơi và điệp từ hoa* nhằm tô đậm mục đích cuộc hành trình xa xôi, rộng lớn này: *tìm hoa*.

— Khổ 3 (6 câu tiếp theo): đọc giọng trù mẫn, cảm phục. Hai câu thơ trong ngoặc đơn đọc giọng khẽ hơn, như lời nói thường, để phân biệt lời giả thiết.

— Khổ cuối (6 câu cuối): đọc giọng trang trọng với các từ ngữ: *chất trong, vị ngọt, mùi hương...* nhằm ca ngợi phẩm chất quý báu và tác dụng to lớn của bầy ong đối với con người. Chú ý ngắt nhịp: Men trời đất/đủ làm say đất trời//

★ Tìm hiểu bài

1. Trong khổ thơ đầu, từ ngữ nào nói lên hành trình rất dài ngày và xa rộng của bầy ong?
 2. Để tìm hoa lấy mật, bầy ong phải đi đến những nơi xa xôi nào?
 3. Em hiểu nghĩa câu thơ « Rù rì đôi cánh nối liền mùa hoa » là thế nào?
 4. Trong khổ thơ cuối, từ ngữ nào nói lên phẩm chất quý báu của mật ong?
 5. Tại sao có thể nói: bầy ong giữ hộ cho người những mùa hoa đã tàn?
- Em có thể so sánh việc học của mình với việc đi hút mật của ong không? Vì sao?

★ Luyện tập

1. Học thuộc lòng hai khổ thơ cuối bài.
2. Diễn đạt bằng văn xuôi khổ thơ thứ hai.

46. THỀ MỤC TRÊN BIỂN

(Bài đọc thêm)

Lúc này, trước mắt tôi, cơ man nào là đèn. Đèn chỉ chít như sao sa. Biển đêm kì ảo. Giữa khoảng đen mênh mông là một vùng sáng lung linh. Xuống thề mục là loại xuống ba lá hoặc năm lá chèo tay. Tiếng mái chèo khuấy nước rào rào. Những chiếc xuống tới tới, lui lui, dập dềnh như đánh cờ người trên mặt nước.

Ở đây, bà con thả mực bằng đủ các loại đèn: đèn măng sông, đèn bình ắc-quy, đèn điện từ máy phát loại nhỏ. Đó là những loại đèn có ánh sáng chói chang.

Kể ra cũng lạ cho loài cá mực. Chuyên phun ra bóng tối nhưng lại dễ bị lừa bởi ánh sáng. Trước ánh sáng chói chang, các chú cá mực không còn phân biệt được đâu là mồi thật, đâu là mồi giả nữa. Người thả mực chỉ việc ngồi trên xuồng, thả xuống nước sợi dây câu có buộc miếng mồi giả rồi ngồi chờ. Nếu thấy sợi dây nằng nằng dưới tay thì cứ việc kéo lên rồi thò vọt ra xúc. Con mực to như cái tai trâu, giấy đánh đập dưới ánh đèn. Mỗi đêm như thế, xoàng ra, mỗi xuồng cũng được mười, mười lăm ki-lô mực.

Trăng đã lên cao, biển khuya lạnh lạnh. Sẵn có mực tươi, bếp lò, chúng tôi ngồi bệt xuống lòng xuồng. Một ngư phủ già, lồng ngực nổi múi như một vận động viên, giọng rắn chắc.

— Bữa ni vui, anh em phải thiệt tình. Nhưng giữa biển đêm đẹp như tranh vẽ thế này mà chỉ nhậu suông thôi thì tôi e uống quá. Vì vậy, tôi đề nghị: ai cũng phải kể một câu chuyện vui.

Chúng tôi vỗ tay hưởng ứng.

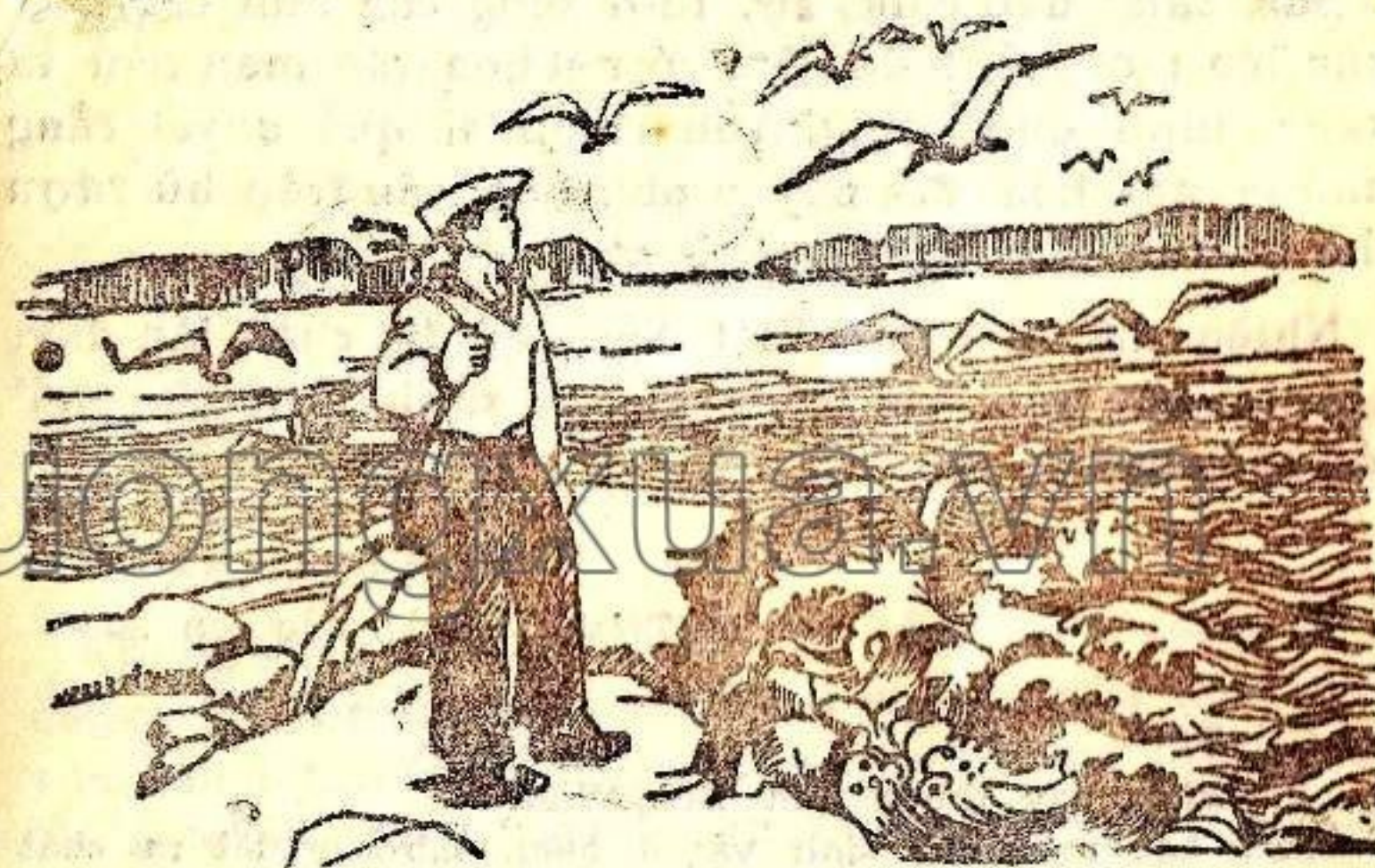
NGUYỄN KHOA ĐĂNG

★ Chú giải

- Thả mực: câu mực bằng mồi giả.
- Kì ảo: lạ lùng và mơ hồ.
- Ngư phủ: người làm nghề đánh cá.
- Bữa ni: hôm nay (tiếng địa phương).
- Thiệt tình: thật tình.
- Nhậu suông: ở đây ý nói: uống rượu suông, không có tiết mục vui xen vào.

TUẦN 17

47. QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA



Cách Bà Rịa khoảng năm trăm cây số về phía đông — nam bờ biển nước ta đã mọc lên một chùm đảo san hô nhiều màu. Đó là quần đảo Trường Sa, mảnh đất xa xôi nhất của Tổ quốc ta.

Quần đảo gồm nhiều đảo nhỏ, đứng theo hình vòng cung. Mỗi đảo là một bông hoa san hô rực rỡ góp thành một lẵng hoa giữa mặt nước biển Đông xanh mênh mông.

Từ lâu Trường Sa đã là mảnh đất gần gũi với ông cha ta, Đảo Nam Yết và Sơn Ca có giống dừa đá trái nhỏ nhưng dày cùi, cây lục lưỡng, cao vút. Trên đảo còn có những cây bàng quả vuông bốn cạnh, to bằng nửa chiếc bi đông, nặng bốn năm lạng, khi chín vỏ ngả màu da cam. Gốc bàng to, đường kính chừng hai mét, xòe một tán lá rộng. Tán bàng là những cái nón che bóng mát cho những hòn đảo nhiều nắng này. Bàng và dừa đều đã cao tuổi. Người lên đảo trồng cây chắc hẳn phải từ rất xa xưa.

Một sáng đảo công sự, lưới xéng của anh chiến sĩ xức lên một mảnh đồ gốm có nét hoa văn màu nâu và xanh, hình đuôi rồng. Anh chiến sĩ quả quyết rằng những nét hoa văn này y như hoa văn trên hũ rượu thờ ở đình làng anh.

Nhiều thế hệ người Việt Nam đã đặt chân lên đây, khi tìm báu vật, khi trồng cây để xanh tươi cho mãi tới hôm nay.

HA ĐÌNH CÂN

(Trích: « Quần đảo san hô »)

★ Chú giải

- Bà Rịa: nay thuộc tỉnh Đồng Nai.
- San hô: một thứ sinh vật ở biển, thường tiết ra chất vôi kết lại như đá, có màu trắng hoặc màu đỏ.
- Hoa văn: những đường nét nhỏ nhiều hình dáng thường được dùng để trang trí trên đồ gốm, đồ đồng.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: Trường Sa, lục lưỡng, cao vút, tán lá rộng.
2. Đọc diễn cảm: Nhấn mạnh những từ tả cảnh đảo và cây cối trên đảo như: hình vòng cung, bông hoa san hô rực rỡ, lẵng hoa, trái nhỏ nhưng dày cùi, quả vuông bốn cạnh v.v... Đoạn nói về Trường Sa, mảnh đất lâu đời của tổ tiên ta đọc giọng mạnh mẽ, khẳng định.

★ Tìm hiểu bài

1. Quần đảo Trường Sa ở về phía nào của nước ta? Tìm những hình ảnh đẹp tác giả đã dùng để tả Trường Sa.
2. Trên đảo Nam Yết và đảo Sơn Ca của quần đảo Trường Sa có những giống cây gì đặc biệt?
3. Câu nói của anh chiến sĩ và câu cuối bài có ý nghĩa gì?

★ Luyện tập

Em hãy viết một bức thư gửi các chiến sĩ ở Trường Sa.

48. SAU TRẬN MƯA RÃO

Một giờ sau cơn dông, người ta hầu như không nhận thấy trời hề vừa ứ đọng. Mùa hè, mặt đất cũng chóng khô như đôi má em bé.

Không gì đẹp bằng cây lá vừa tắm mưa xong, đang được mặt trời lau ráo, lúc ấy trông nó vừa tươi mát, vừa ấm áp... Khóm cây, luống cảnh trao đổi hương thơm và tia sáng. Trong tán lá mấy cây sung, chích chòe huyền ảo, chim sẻ tung hoành, gõ kiến leo dọc thân cây dừa, bửa mỏ lách cách trên vỏ. Hoa cầm chướng có mùi thơm nồng nồng. Ánh sáng mạ vàng những đóa hoa kim hương, làm cho nó sáng rực lên như những ngọn đèn. Quanh các luống kim hương, vô số bướm chập chờn trông như những tia sáng lập lòe của các đóa đèn hoa ấy.

Ánh sáng chan hòa làm cho vạn vật đầy tin tưởng. Nhựa ngọt, mùi thơm, khí ấm, cuộc sống tràn trề. Nhờ có cát nên không có một vết bùn, nhờ có mưa nên

không có bụi trên lá. Cây cỏ vừa tắm gội xong, trăm thức nhung gấm, bạc, vàng bày lên trên cánh hoa không một tí bụi. Thật là giàu sang mà cũng thật là trinh bạch. Cảnh vườn là cảnh vắng lặng của thiên nhiên tràn ngập hạnh phúc. Vắng lặng thần tiên, vắng lặng mà dung hòa với nghìn thứ âm nhạc, có chim gù, có ong vo ve, có gió hồi hộp dưới lá.

VÍCH-TO-HUY-GÔ
(Trích « Những người khôn khổ »)

★ Chú giải

- *Vích-to Huy-gô*: nhà văn lớn của Pháp thế kỉ thứ 19.
- *Ư dột*: buồn bã, rầu rĩ.
- *Huyền não*: (làm cho) ồn ào.
- *Tung hoành*: ở đây ý nói bay khắp mọi nơi.
- *Hoa kim hương*: loài hoa có màu vàng óng ánh và thơm.
- *Trinh bạch*: ý nói trong trắng.

★ Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng*: sau cơn dông, lau ráo, tươi mát, chích chòe, huyền não, tung hoành, hoa cầm chương, hồi hộp.

2. *Đọc diễn cảm*:

— Toàn bài đọc giọng thật uyển chuyển, sáng khoái để diễn tả cái đẹp rực rỡ, tươi mát và tinh khiết của cảnh vật thiên nhiên sau trận mưa rào.

— Đoạn 1 (mở bài): đọc nhấn mạnh câu đầu.

— Đoạn 2: đọc rõ từng câu, nhấn mạnh các động từ nhân hóa: *tắm mưa, trao đổi, lau ráo*: đọc giọng sáng khoái các câu tả cây lá, chim hoa, nhấn mạnh các từ ngữ: *huyền não, tung hoành, thơm nồng, mạ vàng, sáng rực lên*.

— Đoạn 3: đọc nhịp nhàng, uyển chuyển, chú ý ngắt nhịp thật rõ ràng theo các dấu phẩy. Ví dụ: Nhựa ngọt/mùi thơm/khí ấm/cuộc sống tràn trề//, nhằm diễn tả cái đẹp cân đối, hài hòa của cảnh vật thiên nhiên.

★ Tìm hiểu bài

1. Những câu nào giới thiệu cảnh vật sau trận mưa rào?
2. Sau trận mưa, cảnh vật đều sống động hơn trước. Chỉ tiết nào nói lên điều đó?
3. Trong bức tranh thiên nhiên (sau trận mưa rào) này, em thấy cái đẹp nào nổi bật nhất? Cái đẹp đó được trình bày ở đoạn nào, trong những câu nào?
4. Trong khi miêu tả, tác giả luôn luôn xen kẽ những câu nói lên tình cảm của mình. Em hãy tìm trong bài những câu ấy?

★ Luyện tập

1. Học thuộc lòng đoạn 2 hoặc đoạn 3 (do em tự chọn).
2. Tìm những từ ngữ được dùng theo lối nhân hóa trong bài.
3. Viết hai câu có những từ được dùng theo lối nhân hóa.

49. CÁ MẬP
(Bài đọc thêm)

Con tàu của chúng tôi hạ neo bên bờ biển châu Phi. Một ngày nắng đẹp, gió mát từ biển thổi về, nhưng đến chiều thời tiết thay đổi, không khí trở nên ngột ngạt, gió nóng từ sa mạc Xa-ha-ra như từ trong lò lửa tấp vào chúng tôi.

Trước buổi hoàng hôn, thuyền trưởng bước lên boong tàu và nói to: « Tắm! ». Cùng một lúc, tất cả thủy thủ nhảy ào xuống biển, thả buồm xuống nước, thắt nút lại và biến chiếc buồm thành bể tắm.

Cùng đi trên tàu với chúng tôi có hai em bé. Các em nhảy xuống nước đầu tiên, nhưng tắm trong buồm chật chội quá, các em bèn bơi ra biển cả đuổi nhau.

Hai em như hai con thạch sùng, nhòai mình trong nước, cố hết sức bơi tới chiếc thùng nhỏ đánh dấu chỗ cắm neo.

Ban đầu một em vượt bạn, nhưng sau bị tụt hậu. Bố em, một pháo thủ già, đứng trên boong ngắm nhìn cậu con trai bé bỏng của mình. Khi em bị tụt lại sau, bố em gọi to: « Không được đầu hàng! Cố gắng lên! »

Bỗng nhiên từ trên boong, tiếng ai đó hét lên: « Cá mập! » và tất cả chúng tôi đều nhìn thấy cái sống lưng con quái vật của biển cả trong nước.

Cá mập lao thẳng tới hai em.

— Quay lại! Quay lại! Hãy trở lại, cá mập đấy! — người pháo thủ già gào lên — Nhưng các em không nghe tiếng ông ta. Các em cùng bơi ra xa hơn, gào hét, cười đùa còn vui hơn, ồn ào hơn trước.

Người pháo thủ đứng lặng im nhìn hai đứa bé, mặt tái đi.

Thủy thủ thả thuyền con, nhảy xuống, cúi gập mái chèo, cố hết sức bơi tới hai em, nhưng khi cá mập chỉ còn cách hai em khoảng hai mươi bước, thì họ đang còn ở tận đằng xa.

Ban đầu, các em không nghe tiếng người ta gọi chúng, không thấy cá mập. Lát sau, một em liếc nhìn xung quanh và tất cả chúng tôi đều nghe thấy một tiếng hét kinh người, các em ngay lập tức bơi tản ra hai hướng.

Tiếng hét đó như thức tỉnh người pháo thủ. Ông ta nhảy vọt ra khỏi vị trí và lao người tới mấy khẩu súng đại bác. Ông xoay nòng súng, nhắm ghé xuống lấy đích và chằm ngòi thuốc nổ.

Tất cả mọi người trên tàu sợ mất vía, đứng lặng người chờ đợi xem việc gì sẽ xảy ra.

Tiếng súng vang lên, người thủy thủ nằm vật ra bên súng, tay che mặt. Khói súng mịt mù che kín con mắt, vì vậy, chúng tôi không biết cá mập ra sao, các em ra sao.

Nhưng khi làn khói đã tản ra trên mặt nước thì từ bốn phía đưa lại tiếng thì thầm nho nhỏ, tiếng ấy to dần lên và cuối cùng một tiếng kêu hân hoan, sung sướng vang lên như sấm dậy.

Người pháo thủ già mở mắt ra, ông đứng dậy nhìn xuống biển. Cá mập chết đang phơi chiếc bụng màu vàng nhấp nhô theo sóng. Mấy phút sau một chiếc thuyền nhỏ bơi lại gần các em và chở các em trở lại con tàu.

LÊP TÔN-XTÔI
(Hoàng Tuấn dịch)

* Chú giải

— Lép Tôn-xtôi là nhà văn lớn của Nga ở thế kỉ thứ 19.

— Châu Phi: phần đất của thế giới nằm ở phía tây-nam lục địa Âu-Á, bắc giáp Địa Trung Hải; đông, tây và nam giáp Biển Đỏ, Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

— Sa mạc Xa-ha-ra: tên bãi cát mênh mông ở phía tây bắc châu Phi.

— Thủy thủ: công nhân làm việc trên tàu thủy.

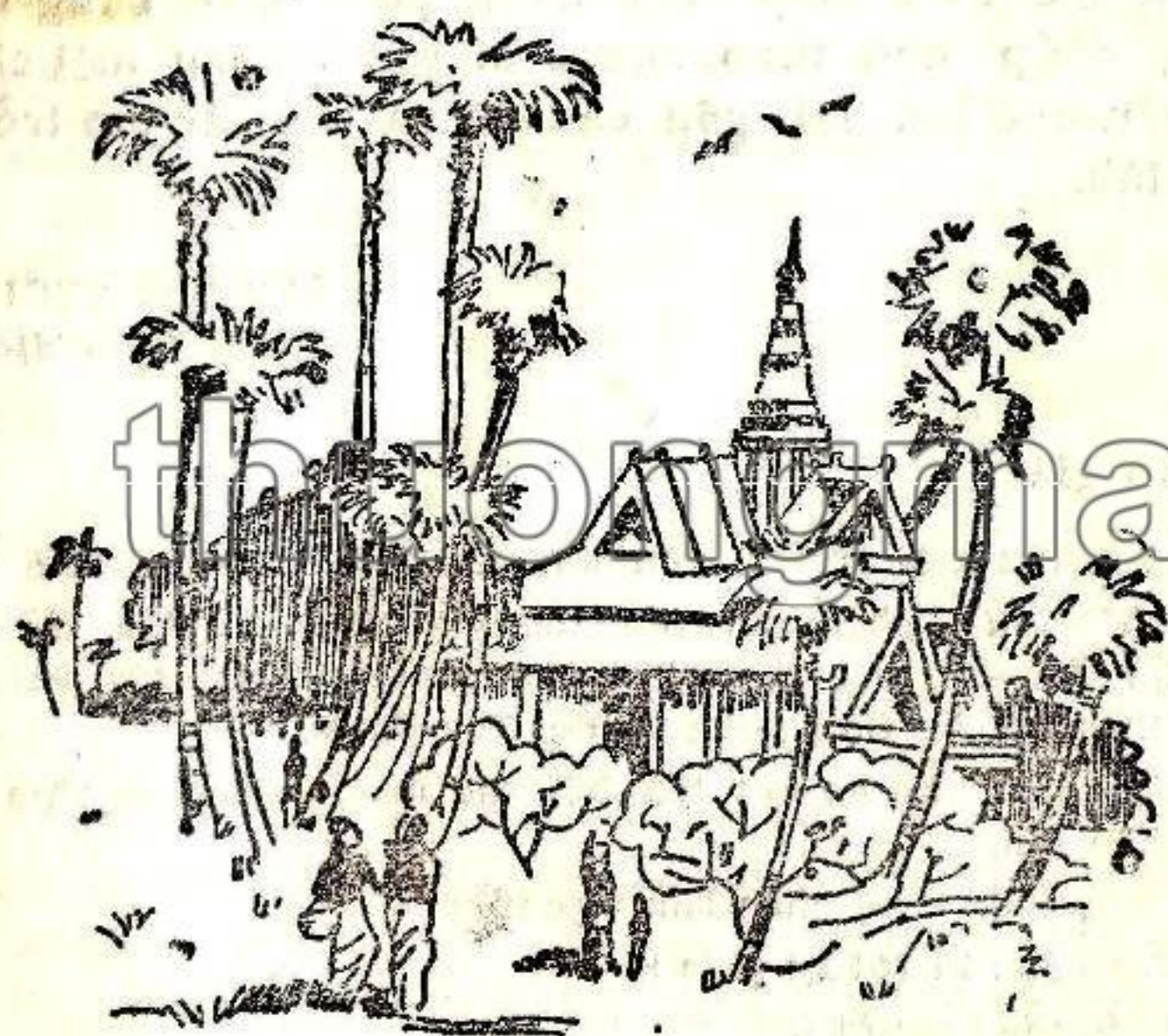
— Tụt hậu: bị rơi lại phía sau.

— Pháo thủ: người trực tiếp bắn pháo.

— Hân hoan: vui vẻ

— Ở thế kỉ thứ 19, súng đại bác khi bắn còn phải dùng lửa châm ngòi.

TRÊN ĐẤT NƯỚC CHÙA THÁP



Xe qua Gò Dầu một lát là tới biên giới. Thế là đã sang đất bạn. Nhìn xa trên đường phố, chỗ huyện lỵ Bà Vấp của Cam-pu-chia, thấy rực rỡ sắc màu. Khăn trùm đầu của đàn ông, đàn bà đều kẻ ô màu đỏ đậm. Áo của các cô gái màu cá vàng, màu hoa hiên. Xà rông phụ nữ dệt đầy hoa văn màu sáng. Tôi cứ ngỡ mình

may mắn gặp một ngày hội nào của bạn. Nhưng không, đường từ biên giới qua Xoài Riêng đến Niếc Lương, rồi suốt một tuần ở Phnôm Pênh, tôi vẫn gặp tươi tắn màu váy áo trẻ trung như thế.

Dân tộc này thật trẻ, thật vui. Xe đạp trên phố lắc lư những chùm tua len xanh đỏ. Cả ô tô chở khách cũng treo trên khung kính buồng lái một dây tua bông đủ màu. Đàn bò tha thân gặm cỏ bên đường đeo lục lạc bằng đồng quanh cổ, mỗi bước đi lấp láy tiếng nhạc vui tươi. Và đẹp nhất, rực rỡ nhất làm tôi say mê là những ngôi chùa trên đất bạn. Khác với vẻ cổ kính của các ngôi chùa Việt Nam, chùa chiền ở Phnôm Pênh đều có mái nhiều lớp sơn vàng chói chang với những tháp cao vút, trên cùng là tượng thần Áp-xa-ra bốn mặt. Đó là hình ảnh vừa cổ mở lại vừa cảnh giác của đất nước này. Nụ cười mím miệng thật đôn hậu, kín đáo trên mặt các pho tượng đá trong Bảo tàng cổ vật ở Phnôm Pênh khiến ta nhìn mãi mà không biết chán, phảng phất một vẻ gì sống động, và vô cùng gần gũi, thân thiết.

PHAN THỊ THANH NHÀN

★ Chú giải

- Đất nước chùa Tháp: chỉ nước bạn Cam-pu-chia, nơi có nhiều chùa có tháp cao.
- Xà rông: tấm vải dùng làm váy của phụ nữ Cam-pu-chia.
- Xoài Riêng, Niếc Lương: tên tỉnh, tên vùng đất ở Cam-pu-chia.
- Phnôm-Pênh: thủ đô của Cam-pu-chia.
- Thần Áp-xa-ra: nữ thần sắc đẹp.
- Bảo tàng cổ vật: nơi cất giữ những đồ cổ, những di tích văn hóa.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: Cam-pu-chia, Xoài Riêng, Niếc Lương, Phnôm Pênh, hoa văn màu sáng, nụ cười mím miệng.

1. Đọc diễn cảm:

— Toàn bài đọc giọng vui, sôi nổi, diễn tả tình cảm gần gũi, thân thiết đối với đất nước và con người Cam-pu-chia, phù hợp với nội dung tường thuật có xen miêu tả và trữ tình của bài văn.

— Đoạn 1: chú ý các từ ngữ nói về màu sắc (rực rỡ sắc màu, màu đỏ đậm, màu cá vàng...) nhằm nêu bật cách ăn mặc trẻ trung của dân tộc bạn.

— Đoạn 2: nhấn mạnh những từ ngữ trữ tình (thật trẻ, thật vui, đẹp nhất, rực rỡ nhất, vừa cởi mở lại vừa cảnh giác, đôn hậu, kín đáo, sống động, gần gũi, thân thiết), nhằm tô đậm những đặc điểm dân tộc của bạn.

★ Tìm hiểu bài

1. Khi sang đất bạn, thấy cách ăn mặc của nhân dân, tác giả đã hiểu lầm điều gì? Sự thật là thế nào?

2. Tìm những chi tiết chứng tỏ cách ăn mặc của dân tộc bạn rất trẻ.

3. Nét trẻ trung, tươi vui này còn thể hiện trong cuộc sống hằng ngày như thế nào?

4. Về đời sống tinh thần, hình ảnh nào hấp dẫn tác giả nhất? Từ ngữ nào cho biết điều đó?

** 5. Vì sao các ngôi chùa và các pho tượng có sức hấp dẫn như vậy?

★ Luyện tập

1. Tìm những câu, những từ ngữ tả tình cảm xen kẽ trong bài tường thuật này.

2. Đọc thật diễn cảm ba câu cuối của bài.

51. HOA HỒNG BUN-GA-RI

Hoa hồng Bun-ga-ri

Ôi! Loài hoa diệu kì

Hoa ở đâu chẳng biết

Theo người hay gió bay

Từ thế kỉ mười bảy

Hoa về mọc nơi đây.

Giữa bốn bề núi dựng,
Một thung lũng hoa hồng
Mỗi năm một lần nở
Trời đất bắt đầu xuân.

Nhớ thời bọn vua chúa
Chúng cướp hết hoa hồng
Bàn tay gai chảy máu
Người dân chỉ tay không.

Đến thời bọn Hít-le
Chúng không cho hoa mọc
Muốn diệt hương thiên nhiên
Chỉ còn hương hóa học.

Nhưng cả bọn bạo tàn
Cuối cùng rồi tiêu diệt
Và thung lũng hoa hồng
Đẹp hơn bao giờ hết.

Ôi! Loài hoa diệu kì
Hoa hồng Bun-ga-ri.

TÊ HANH

(Trích « Theo nhịp tháng ngày »)

★ Chú giải

— Bun-ga-ri: một nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu. Bun-ga-ri nổi tiếng là xứ sở của hoa hồng. Bun-ga-ri vừa xuất khẩu hoa hồng lại vừa chế nước hoa nổi tiếng bằng hoa hồng để xuất khẩu.

— Bun-ga-ri đã đánh đuổi bọn phát xít Hít-le chiếm đóng và giải phóng đất nước vào năm 1944.

— Diệu kì: khéo léo một cách lạ lùng.

★ Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng*: Bun-ga-ri, điệu kì, thung lũng.
2. *Đọc diễn cảm*: luyện đọc câu: « Ôi! Loài hoa điệu kì » với giọng ca ngợi thán phục.
- Khổ 4, 5 (« Nhớ thời bọn vua chúa... hương hóa học »: đọc giọng cảm uất.
- Khổ 6: đọc giọng mạnh và hào hứng.

★ Tìm hiểu bài

1. Hoa hồng ở Bun-ga-ri thường mọc ở đâu? Nở nhiều vào mùa nào?
2. Bọn vua chúa và bọn phát xít đã gây nên tội ác gì đối với nhân dân và đất nước Bun-ga-ri?
3. Qua việc tả sức sống của hoa hồng, tác giả muốn nói điều gì về dân tộc Bun-ga-ri?
4. Tại sao có thể gọi hoa hồng là loài hoa điệu kì?
5. Hai câu thơ cuối lặp lại hai câu đầu tạo nên ý gì?

★ Luyện tập

1. Học thuộc lòng cả bài.
2. Tìm hiểu xem bài thơ có thể chia làm mấy đoạn? Ý chung của từng đoạn.

52. TRUYỀN THUYẾT VỀ ĐẤT NƯỚC TRIỆU VOI

(Bài đọc thêm)

Ngày xưa, ở nước Lào, có nàng Am-ma-la xinh đẹp, Hoàng tử Phôn-xa-nga, con trai của trời, xin cưới nàng làm vợ. Nhưng vua cha ngăn cấm. Hoàng tử bèn trốn xuống hạ giới để kết hôn với nàng Am-ma-la. Mãi đến mười hôm sau vua cha mới biết con trai mình không còn ở trên trời nữa (mười ngày trên trời bằng mười năm ở hạ giới). Trời nổi giận bèn sai tướng đại bàng đi bắt hoàng tử về.

Mười năm sống với nhau, vợ chồng Phôn-xa-nga đã sinh được ba con trai. Các con lớn nhanh như thổi, chẳng mấy năm đã giúp bố mẹ chặt cây phá rẫy.

Một hôm, gia đình hoàng tử đang làm rẫy, tướng đại bàng liền sà xuống cấp hoàng tử bay về trời.

Từ đó mẹ con nàng Am-ma-la chỉ ngược mắt lên trời mà than khóc. Tiếng khóc ai oán vang đến tai làm trời khó chịu. Trời liền sai đại bàng xuống giết cả mấy mẹ con. Thấy đại bàng hung hăng tìm kiếm, nàng Am-ma-la và các con chạy vào một cái hang. Cửa hang nhỏ, đại bàng không chui vào được, đành bay lượn xung quanh. Không chút run sợ, người con thứ hai cầm hòn đá ném trúng ngực đại bàng. Chim đau quá phải bay lên cao. Thế là mấy anh em nảy ra ý định dùng nỏ để chống lại đại bàng. Một hôm, đại bàng sà xuống cửa hang, liền bị các mũi tên của ba anh em giết chết.

Được tin tướng đại bàng đã chết, Trời tức giận vô cùng, liền sai thần Triệu Voi xuống hạ giới, dùng sức mạnh để chà đạp cho nát hết mặt đất. Nữ thần đất nghe tin này liền báo cho ba anh em biết và bày phép thần cho ba anh em chống lại. Ba anh em khi đã có phép thần liền chia nhau giữ các nơi. Người anh cả giữ rừng sâu, anh hai giữ vùng sông nước và em út giữ vùng núi cao.

Khi thần Triệu Voi dẫn đàn voi khổng lồ xuống phá phách làng bản, mới đi đến gần sông Mê-kông đã bị anh hai dùng sức nước phun vào đàn voi. Đàn voi sợ bị nước cuốn đi, phải chạy lên núi. Khi lên đến núi cao, thần Triệu Voi bị người em út vác từng tảng đá lớn ném xuống. Thần Triệu Voi và quân lính phải chạy tan tác vào rừng sâu. Trong rừng sâu, người anh cả đã phục sẵn. Tay cầm khiên tay cầm lao, người anh cả hét lên một tiếng làm rung chuyển cả núi rừng. Tiếng

thét như trăm ngàn ngọn lao cắm vào tai voi. Voi vội lấy hai vành tai để bịt lỗ tai lại. Nhưng tiếng thét mạnh quá làm cho tai voi bẹp dí. Đàn voi sợ quá. Thần Triệu Voi thua to, không dám về trời, sợ bị trị tội.

Lúc này người anh cả mới nói:

— Voi ơi, ta không nỡ giết voi vì voi với ta không có thù hằn gì. Chỉ vì trời muốn chia lìa cha mẹ ta mà các ngươi phải chịu tai họa.

Thần Triệu Voi nghe lời nói phải, bèn xin ở lại hạ với kết bạn cùng ba anh em.

Hoàng tử Phôn-xa-nga từ khi bị bắt về trời, lúc nào cũng khóc than vì thương vợ nhớ con. Đàn chim te te nghe tiếng khóc, mũi lòng thương bèn xòe cánh kết thành một tấm thảm lớn chở hoàng tử bay khỏi nơi giam đề về hạ giới. Hoàng tử gặp lại vợ con, mừng mừng tủi tủi. Thấy các con đã lớn, Hoàng tử liền chia cho mỗi người đi ở một nơi: người em út ở vùng núi cao, người con thứ hai ở vùng sông nước, người con cả ở vùng rừng rậm. Hoàng tử dặn: « các con tuy ở ba vùng khác nhau nhưng cùng chung núi rừng, sông suối. Các con phải chung sức, chung lòng để giúp đỡ nhau và canh giữ ba vùng đất nước ».

ĐINH KIM CUONG kể
(Trích Hợp tuyển thơ văn Lào)

★ Chú giải

- Hạ giới: chỉ thế giới trên mặt đất.
- Sông Mê-kông: con sông chảy từ Trung Quốc sang Lào, Cam-pu-chia rồi đến Việt Nam, còn gọi là sông Cửu Long.
- Khiên: thứ mộc hình tròn hoặc bầu dục, thường đan bằng mây, dùng để đỡ mũi dáo, mũi tên...
- Lao: gậy dài có đầu nhọn, dùng để phóng vào đích.
- Ba vùng khác nhau: dân tộc Lào hiện nay có người Lào Thung làm anh cả, người Lào Lùm làm anh thứ hai, người Lào Xung làm em út ở các miền trên đất nước.

TUẦN 19

53. ĐẤT QUÝ ĐẤT YÊU



Ngày xưa có hai người khách du lịch từ châu Âu đến nước Ê-ti-ô-pi-a. Họ đi khắp đất nước thăm đường sá, núi đồi, sông ngòi. Vua nước Ê-ti-ô-pi-a mời họ vào cung. Vua chúc mừng họ, mở tiệc chiêu đãi và tặng họ nhiều vật quý. Sau đó vua sai quan hầu đưa khách xuống tàu.

Lúc hai người khách định bước xuống tàu, quan hầu bảo khách dừng lại, cởi giày ra. Họ cạo sạch đất ở đế

giày rồi mới để khách xuống tàu trở về châu Âu. Hai người khách rất ngạc nhiên, nghĩ mãi về tập quán kì lạ của người Ê-ti-ô-pi-a. Họ hỏi:

— Tại sao các anh lại phải làm như vậy?

Lúc đó quan hầu mới trả lời:

— Vua nước chúng tôi dẫn đưa các ông đi, chúc các ông lên đường bình yên. Ngài còn dẫn chúng tôi: các ông là người ở nước xa xôi tới đã thấy mảnh đất giàu đẹp ở nước chúng tôi. Đó là mảnh đất quý của chúng tôi. Chúng tôi sinh ra ở đây, chết cũng ở đây. Trên mảnh đất này, chúng tôi nghỉ ngơi sau khi lao động. Trên mảnh đất này, chúng tôi trồng trọt chăn nuôi. Đất Ê-ti-ô-pi-a là cha, là mẹ, là anh em ruột thịt của chúng tôi. Chúng tôi đã tiếp các ông như những khách quý. Nhà vua đã tặng các ông nhiều sản vật hiếm. Song đất Ê-ti-ô-pi-a đối với chúng tôi là thiêng liêng, cao quý nhất. Chúng tôi không thể để các ông mang đi, dù chỉ là một hạt cát nhỏ.

Truyện dân gian Ê-ti-ô-pi-a
(Mai Hà kể)

★ Chú giải

— Khách du lịch: người đi chơi xem phong cảnh ở phương xa.

— Ê-ti-ô-pi-a: tên một nước ở châu Phi.

— Tập quán: thói quen.

★ Hướng dẫn đọc

1. Đọc đúng: Ê-ti-ô-pi-a, chiêu đãi, cởi giày ra, trồng trọt, chăn nuôi, nhiều sản vật hiếm.

2. Đọc diễn cảm:

— Toàn bài đọc như giọng kể chuyện, chú ý đổi giọng cho phù hợp với lời nói của nhân vật trong đoạn đối thoại.

— Đoạn 1: chú ý làm nổi bật các chi tiết của câu chuyện như: vua cho khách đi khắp đất nước, mời vào cung, chúc mừng, mở tiệc chiêu đãi, tặng vật quý, đưa xuống tàu, để người nghe thấy rõ lòng hiếu khách đặc biệt của nhà vua. Nhờ đó càng nêu bật mâu thuẫn giữa các hành động trên với việc cạo sạch để giày, không cho mang về nước một hạt cát nhỏ ở đoạn sau.

— Đoạn 2: đọc nhấn mạnh các từ ngữ: bảo, dừng lại, cởi giày, cạo sạch đất, để diễn tả sự bất ngờ, ngạc nhiên của khách và của người nghe chuyện.

— Đoạn 3: đọc giọng rạch ròi như lời giải thích.

★ Tìm hiểu bài

1. Vua Ê-ti-ô-pi-a đã đón tiếp khách du lịch nồng hậu như thế nào? Những động từ nào nói lên các việc làm hiếu khách đó?

2. Khi khách sắp xuống tàu, sự việc gì bất ngờ đã xảy ra?

3. Sự việc đó được người quan hầu giải thích như thế nào? Câu văn nào nói rõ ý đó?

4. Điệp ngữ « Trên mảnh đất này » được nhắc lại hai lần gây được tác dụng gì trong lời giải thích?

**5. Lòng hiếu khách và việc giữ lại từng hạt cát có mâu thuẫn nhau không? Ý nghĩa của sự vật đó?

★ Luyện tập

1. Em hãy kể lại câu chuyện này theo lời văn của em.

2. Tìm trong bài những từ ngữ nói lên lòng yêu mảnh đất thiêng liêng của Tò quốc.

3. Ôn những bài học thuộc lòng từ tuần 14 đến tuần 18.

54. CHÚ VỆT TINH KHÔN

(Bài đọc thêm)

Một người lái buôn Ba Tư (I-ran ngày nay), trong một chuyến vượt sang Trung Phi mang về một chú vẹt rất đẹp. Chú vẹt có cái mỏ đỏ và bộ lông xanh biếc óng ánh. Người lái buôn yêu vẹt lắm. Ông làm cho vẹt một chiếc lồng xinh xắn, sơn son thiếp vàng, treo lồng trong khu vườn nhiều hoa lá châu Phi cho vẹt đỡ buồn. Vẹt nói rất sôi.

Sắp sửa đi cất chuyến hàng mới, ông ta nói với vẹt: « Này vẹt ơi, ta sắp sửa tới quê hương Trung Phi của mi, mi có nhắn điều gì với bà con bạn hữu mi không? » Chú vẹt liền nói: « Ông chủ làm ơn nói với đồng bào của tôi là ở đây dù đầy đủ thức ăn tôi vẫn gầy mòn vì nhớ rừng quê, nhớ bạn bè, dòng họ. Ông chủ bảo bạn bè tôi hãy chỉ giúp tôi cách nào để trở về quê hương. » Nghe vẹt nói, người lái buôn trầm nghĩ: « Thảo nào người ta nói ngu như con vẹt! Đừng hòng tao thuật lại cái mưu kế chúng nó bày cho mày! Tao đâu có khờ dại đến thế! »

Tới Trung Phi, trở lại khu rừng trước kia ông đã tới, ông thấy một lũ vẹt đậu trên cây cao, trong đó có con vẹt mỏ đỏ giống chú vẹt của ông, ông bèn nhắc lại những lời vẹt nhà nói cho chúng nghe. Người lái buôn rất ngạc nhiên thấy con vẹt mỏ đỏ chăm chú nghe ông xong thì trở nên buồn rười rượi, xù lông xù cánh, gục đầu rồi rơi xuống bụi rậm. Vừa về thuyền, ông vừa ngẫm nghĩ thấy tội nghiệp cho con vẹt, « chắc là nó thương con vẹt của ta lắm nên mới rầu rĩ chết đi như thế. »

Về đến nhà, người lái buôn kể lại chuyện trên cho chú vẹt của ông nghe. Nghe xong chú vẹt ủ rũ nhắm mắt và một lúc sau thì rơi xuống đáy lồng chết. Người lái buôn buồn rầu triết lý: « Hóa ra giống vẹt mà có tình có nghĩa hơn loài người, nghe tin bạn nó chết, vì thương nó, nó cũng đau khổ và chết theo ». Ông mở lồng mang vẹt ra, để trên bàn tay ngẫm ngẫm. Đột nhiên, chú vẹt bay vù lên một cây cao, đứng nhìn ông và nói: « Cảm ơn ông chủ đã thuật lại cách bạn tôi đã chỉ cho tôi để được tự do, giờ tôi trở về rừng núi quê tôi đây. Xin chào ông nhé ». Thế rồi vẹt cất cánh nhắm hướng tây nam bay thẳng.

Người lái buôn tần ngần nghĩ bụng: « Hóa ra cái lũ vẹt này cũng đáo để thật. »

THANH TRÀ kể

(Dựa theo truyện kể I-ran)

★ Chú giải

- Sôi : biết phát âm rõ ràng.
- Cất hàng : đi mua và chuyên chở hàng về.
- Triết lý : ở đây ý nói : rút ra một kết luận.
- Tần ngần : ngờ ngẩn và lưỡng lự.
- Đáo để : ở đây có nghĩa là tinh khôn quá mức.

GIẢI ĐÁP CÂU ĐỐ Ở TUẦN 15

1. Cái cân (kiểu cân có quả cân và móc cân)
2. Con dao
3. Cái quạt giấy
4. Cái nong
5. Cái gáo múc nước
6. Nồi cơm đặt trên cái kiềng có ba chân.

MỤC LỤC

Tuần	Bài số	Loại bài	Tên bài	HTL	Trang
			Chủ đề «MĂNG NON»		
1	1	Độc văn	Thư Bác Hồ gửi học sinh nhân ngày khai trường Việt Nam		4
	2	Độc thơ			6
	3	Độc thêm	Buôn Chư Lênh đón cô giáo		
2	4	Độc văn	Lời khuyên của bố		
	5	Độc thơ	Sắc màu em yêu		
	6	Độc thêm	Chuyện em Chu Minh		
3	7	Độc văn	Bài học quý		17
	8	Độc thơ	Ngày em vào đội		19
	9	Độc thêm	Bộ lông rực rỡ của chim Thiên đường		21
4	10	Độc thơ	Chú bé Kô-li-a		24
	11	Độc văn	Lời hứa		27
	12	Độc thêm	Kpa Kô-long xin vào du kích		28
5	13	Độc văn	Em bé		31
	14	Độc văn	Bà tôi		33
	15	Độc thêm	Đồng mười xu		35
6	16	Độc văn	Chính tôi có lỗi		38
	17	Độc thơ	Gửi các vì sao		40
	18	Độc thêm	Gian nan là trường rèn luyện		41
7	19	Độc văn	Tôi xin chữa bệnh cho ngài	ôn	43
	20	Độc thêm	Cậu bé thông minh thành Bát-đa		45
			Chủ đề «ĐẤT NƯỚC»		
8	21	Độc văn	Tình quê hương		48
	22	Độc văn	Tranh làng Hồ		50
	23	Độc thêm	Cảnh đẹp quê em		53

Tuần	Bài số	Loại bài	Tên bài	HTL	Trang
9	24	Độc văn	Buổi sáng ở thành phố Hồ Chí Minh		54
	25	Độc thơ	Đẹp thay non nước Nha Trang		56
	26	Độc thêm	Bài ca quê hương		57
10	27	Độc văn	Phong cảnh Hòn Đất		59
	28	Độc thơ	Tre Việt Nam		61
	29	Độc thêm	Chú bò nông ở Sa-mác-can		63
	30	Độc văn	Núi rừng Trường Sơn sau cơn mưa		66
	31	Độc thơ	Bài ca Côn Sơn		68
	32	Độc thêm	Dũng sĩ của rừng xanh		70
	33	Độc văn	Thác Y-a-li		72
12	34	Độc thơ	Dừa ơi		74
	35	Độc thêm	Vượt ghềnh		77
	36	Độc văn	Mía Cu-ba	ôn	79
13	37	Độc thêm	Nàng công chúa Ha-ba-na		81
	38	Độc văn	Mùa thảo quả		84
14	39	Độc thơ	Rừng mơ		86
	40	Độc thêm	Cảnh Bích Câu		89
15	41	Độc văn	Sầu Riêng		90
	42	Độc thơ	Mùa hoa bưởi		92
	43	Độc thêm	Cầu đơ		94
16	44	Độc văn	Sân chim		95
	45	Độc thơ	Hành trình của bầy ong		97
	46	Độc thêm	Thẻ mực trên biển		99
17	47	Độc văn	Quần đảo Trường Sa		101
	48	Độc văn	Sau trận mưa rào		103
	49	Độc thêm	Cà mướp		105
18	50	Độc văn	Trên đất nước Chùa Tháp		108
	51	Độc thơ	Hoa hồng Bun-ga-ri		110
	52	Độc thêm	Truyền thuyết về đất nước Triệu voi		112
19	53	Độc văn	Đất quý đất yêu	ôn	115
	54	Độc thêm	Chú vẹt tình khôn		118

huongmaitruongxua.v

Văn 5

TẬP MỘT

In 172.000 bản, khổ 13 × 19
tại Nhà máy in Tiến Bộ
Hà Nội

Số in 703 – Số XB 72-PTCS
In xong và nộp lưu chiểu
tháng 7 năm 1989.

Giá: 750đ